VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

Lee Romero/The New York Times

số 91 • tháng 11 năm 1993

Giải Văn Chương Nobel 1993

VĂN HỌC

Tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

Phát hành mỗi đầu tháng

Chủ nhiệm: Trịnh Y Thư

Phụ tá chủ nhiệm: Lê Thọ Giáo

Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác

Tổng thư ký: Cao Xuân Huy

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện

15 Place Souham, 75013 Paris, France

Phone: 45-831-912

Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú

14 Lester Rd, Padstow, NSW 2221 Australia

Tel: (02) 771-1770

Thư từ tiền bạc xin gửi về:

Văn Học

P.O. Box 1359

Garden Grove, CA 92642-1359, USA

Tel: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

TRONG SỐ NÀY:

VĂN HỌC	thư tòa soạn	2
MAI KIM NGỌC	toni morrison, giải nobel 1993	3
NGUYỄN BÌNH GIANG	*nhủ lòng, bất lực, thân phận*	8
NGU YÊN	*ngày 25 tháng 8*	9
THẠCH HÃN	toni morrison: hiển vinh cho người da màu	10
NGUYÊN SƠN	*rồi mai phố thị em ve*	19
TRẦN HỒNG CHÂU	*núi*	20
VÕ ĐÌNH	chuyện anh tư	22
PHẠM VIỆT CƯỜNG	*coup de grâce*	25
HẠO NHIÊN	*lửa người*	26
CỔ NGƯ	bên sông nước cuốn	27
DU TỬ LE	*thư gửi tuyền ở, sài gòn và, trinh, phụng ở đà nẵng*	35
DOÀN NHẬT	ngày hẹn ở biển xưa	36
NGỰ THUYẾT	dọc đường	37
HỒ PHỔ LẠI	nghĩ thân phù thế	38
PHAN NI TẤN (N.D.)	*về châu đốc*	53
TRIỀU HOA DẠI	*đêm bỗng trăng*	54
	đong đưa nắng chiều	54
TRẦN MỘNG TÚ	vầng vặc trăng rằm	55
MAI KIM NGỌC	*lập thu*	59
	huế	60
BERNARD COOPER		
TRƯƠNG MỸ VÂN dịch	hái mận	61
SỬ MẶC	*ẩn dòng, khổn xích*	73
SĨ LIÊM	nắng đỏ sau hè	74
HOÀNG XUÂN SƠN	*buồn lô dung*	89
CHRISTA WOLF		
THẠCH HÃN dịch	còn lại được gì	90
DUY LAM	*người thi sĩ già*	107
VĂN HỌC	ghi nhận đó đây	108

thư tòa soạn

Ngày 8 tháng 10 năm 1993 vừa qua, Hàn lâm viện Thụy Điển loan báo nhà văn nữ Hoa Kỳ Toni Morrison được trao tặng giải Nobel Văn Chương năm nay. Tin vui ấy vinh danh giới cầm bút Hoa Kỳ, và vì Toni Morrison là một phụ nữ da đen, nên vinh dự này cũng là vinh dự cho những người cầm bút da màu.

Dù thời gian eo hẹp, Văn Học cũng cố gắng gửi tới bạn đọc những thông tin và nhận định sơ khởi về nhà văn Toni Morrisou, mà cho tới nay, chắc chắn tên tuổi và tác phẩm vẫn còn xa lạ với đa số các bạn. Thạch Hãn giới thiệu tổng quát văn nghiệp và bút pháp của Morrison, trong khi Mai Kim Ngọc nhìn thành công của Morrison như kết quả cố gắng của một người cầm bút thiểu số trong một nền văn minh mà rõ ràng đa số người da trắng chiếm giữ vai trò quan trọng. Mai Kim Ngọc cho rằng giá trị của văn chương Toni Morrison không phải ở chỗ bà phủ nhận gốc gác chủng tộc của mình để suy nghĩ viết lách như một người da trắng. Ngược lại, nhà văn đã duy trì bản sắc của mình và với tài năng, đã đưa bản sắc riêng biệt ấy lên thành nghệ thuật phổ quát. Đó là một bài học cho những người cầm bút da màu nói chung.

Văn Học số 91 cũng hân hạnh giới thiệu với bạn đọc sáng tác của những cây viết mới: truyện của Hồ Phổ Lại ở Canada và Cổ Ngư ở Pháp. Về thơ, có Nguyên Sơn vừa mới đến Hoa Kỳ và Nguyễn Bình Giang, Hạo Nhiên những người cầm bút hiện còn ở trong nước. Phần sáng tác còn có thêm sự đóng góp quí giá của những cây bút thành danh lâu nay cộng tác thường xuyên với Văn Học như: Mai Kim Ngọc, Ngu Yên, Thạch Hãn, Trần Hồng Châu, Võ Đình, Phạm Việt Cường, Du Tử Lê, Đoàn Nhật, Ngự Thuyết, Phan Ni Tấn, Triều Hoa Đại, Trần Mộng Tú, Trương Mỹ Vân, Hoàng Xuân Sơn, Duy Lam, Sử Mặc.

Văn Học

MAI KIM NGỌC

toni morrison, giải nobel văn học 1993

Giải Nobel văn học năm uay được trao cho tiểu thuyết gia Mỹ Toni Morrison. Bà sinh năm 1931 tại Lorain, một tỉnh nhỏ ven đô Cleveland, tiểu bang Ohio.

Bà người Mỹ gốc Phi châu, vấn tắt hơn là người da đen, nhũ danh Chloe Anthony Wofford. Qua hình chụp và những đoạn phim tài liệu chiếu trên ti vi gần đây, bà có dáng dấp điển hình của một bà tây đen già không có thói quen làm dáng và chẳng chịu kiêng khem chuyện ẩm thực. Bà to lớn như một ôm nhân sự thật đen và thật vĩ đại.

Nhưng nhìn kỹ hơn, nhất là ngắm bà cười nói hay đối đáp, ta sẽ thấy bà tuy vẫn là tây đen đấy, nhưng lại có cái gì khác lắm. Không những bà không giống người da đen bình thường bao nhiêu, mà bà cũng chẳng giống những người - dù đen hay trắng hay đỏ hay vàng - ta thường gặp trong đời sống hằng ngày. Thật ra bà thuộc về một giống người đặc biệt, gồm những nghệ sĩ chân thành của khắp nơi. Họ có khuôn mặt, hay đúng hơn có đôi mắt rất đặc biệt, đôi mắt của người dã thấy rõ, dã trải qua những eo sèo những hệ lụy của con người, để vẫn yêu thương con người với những hệ lụy những eo sèo ấy bằng một tình thương không mệt mỏi... Khuôn mặt bà có thể là khuôn mặt của một Gabriel Garcia Marquez, một Wabakawa, một Chekhov hay một Lỗ Tấn, mặc dầu những xa cách về chủng tộc, về văn hóa, hay về hoàn cảnh sinh sống.

*

Thuở thiếu thời của Morrison thiếu thốn cơ cực. Cha mẹ là những người da đen cùng khổ, nguyên tá điền ở Alabama, rời lên Ohio vào giai đoạn kinh tế khủng hoảng. Mười hai tuổi, bà đã phải lao động giúp đỡ gia đình. Vậy mà bà vẫn học giỏi và tốt nghiệp trung học ưu hạng. Bà ghi tên tại đại học Howard, một đại học dành riêng cho người da đen của thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Sau Howard bà học tiếp tại đại học Cornell và tốt nghiệp cao học văn chương Anh ở đấy. Luận án cao học

của bà nghiên cứu đề tài 'tự vẫn' trong tác phẩm của William Faulkner và Virginia Wolf.

Bà về Texas dậy môn văn chương Anh một thời gian, rồi trở lại Hoa Thịnh Đốn gia nhập ban giảng huấn của Howard. Thời gian này, bà lập gia đình với Harold Morrison, một kiến trúc sư người Jamaica, sinh được hai con trai. Không hạnh phúc trong liên hệ vợ chồng, bà tìm nguồn sống riêng trong sáng tác văn học. Tới đây, viết lách chỉ kể như một lối thoát trong nghiệp dư của người đàn bà thông minh nhậy cảm và không có hạnh phúc. Việc chính vẫn là nuôi con và kiếm sống.

Năm 1964 là một khúc quanh quan trọng cho bà, đầy cam go về phương diện đời sống cá nhân, nhưng vô cùng thuận lợi cho văn học. Sau khi ly dị chồng và từ nhiệm ở đại học Howard, bà đưa con lên Syracuse, tiểu bang New York, sinh sống bằng nghề nhuận sắc sách giáo khoa cho một chi nhánh của nhà xuất bản Random House. Ba năm sau, bà được thăng thưởng và đổi về sở chính ở Manhattan.

*

Có lẽ khi nhuận sắc tác phẩm của người khác, bà đã phát hiện ra lãnh vực sáng tác riêng cho chính bản thân. Quả thật, trong đám nhân vật của các tác phẩm ấy, những ông thiện bà ác, những chàng những nàng dựng ra bởi các nhà văn Mỹ nổi danh, bà không thấy những người da đen -nhất là những phụ nữ da đen- mà bà vẫn gặp trong đời sống, những người rất gần gũi, rất sống động, rất thật với cái đau cái sướng của những cảnh sống bà đã dự phần. Đồng chủng của bà còn quá thưa thớt, nếu không nói là vắng bóng trong những tác phẩm văn học giá trị của đất nước bà.

Và bà hăng say viết. Tới đây, tất cả quá trình sống -từ thuở thơ ấu của cô gái da đen nghèo hèu cho đến những năm tháng cặm cụi soạn thảo luận án cao học về văn hào Faulkner- đã đóng góp sung mãn cho văn nghiệp bà.

Quả thật, những nhà phê bình Mỹ tìm thấy trong cú pháp của bà cái âm hưởng nhịp nhàng rất Faulkner của những đoạn văn lê thê như bài kinh cầu. Thí dụ như đoạn văn bà viết về mấy nhân vật nữ mà Paul Gray của Times trích dẫn từ "The Blnest Eyes", *...Old enough to be irritable when and where they chose, tired enough to look forward to death, disinterested enough to accept the idea of pain while ignoring the presence of pain.*

Còn đề tài truyện của bà, tuy ít khi có tính cách tự thuật, nhưng

bao giờ cũng phản ảnh những cảnh sống của người da đen, hoặc chính bà mục kích hoặc nghe người lớn kể lại.

*

Từ ngoài nhìn vào, sự nghiệp của Morrison trông như quá dễ dàng. Bà thăng tiến thoải mái trong ngành giáo dục cũng như ngành xuất bản.

Trong văn học cũng vậy. Tất cả bà viết sáu bẩy tác phẩm, truyện *The Bluest Eyes* ra mắt 1970, truyện gần đây là *Beloved*, xuất bản năm 1987 năm sau được giải Pulitzer (1988). Và năm nay, 1993, bà được giải Nobel. Bí quyết của thành công nơi Morrison là thiên tài và rất nhiều nỗ lực. Bà viết rất kỹ. Bà thú nhận với phóng viên đài CNN là có những câu bà viết đi viết lại không biết mệt, cho đến khi thật ưng ý mới thôi.

Khi một phụ nữ da đen thành công lẫy lừng như vậy, tất có người thắc mắc là bao nhiêu thành công ấy nhờ tây vị vì áp lực (dân tộc thiểu số và nữ quyền) hay nhân nhượng mà có. Nhiều khi, để đền bù cho những lỗi lầm quá khứ, xã hội Mỹ đã tỏ ra tây vị đến chỗ khoan dung cho phụ nữ và các sắc tộc thiểu số. Một thí dụ điển hình là điều kiện nhập học các đại học Mỹ tương đối dễ dãi hơn cho người da mầu. Không ít người trung bình hay dưới trung bình thuộc những thành phần thiểu số đã được hưởng lợi nhờ những biện pháp ưu tiên này.

Nhưng với những tài năng đặc biệt, gốc nguồn thiểu số lại trở thành một gánh nặng. Họ bị nghi oan là sự nghiệp lớn lao cũng như những phần thưởng ưu việt họ đạt được là phần nào nhờ tây vị hay khoan dung đó. Morrison cũng không tráuh được tai nạn ấy. Khi cuốn 'Beloved' của bà được giải Pulitzer (1988), vinh quang này cũng bị tì ố một phần vì hai tháng trước đấy, một tập thể 48 nhà văn Mỹ gốc da đen đã gửi thư lên National Book Awards và New York Times Book Review tranh dấu cho bà. Sự can thiệp tuy đầy thiện ý nhưng vô duyên và thật là đáng tiếc, vì tài năng của bà tự nó đã xứng đáng cho phần thưởng quý hóa ấy.

Giải Nobel văn học đã giải tỏa những hồ nghi cuối cùng, và khẳng định một lần nữa là tài năng -chỉ tài năng mà thôi- đã đem lại thành công cho bà, và văn nghiệp của bà đứng trên những vấn đề trắng đen hay nam nữ.

*

Hàn lâm viện Thụy Điển tưởng thưởng Morrison vì lẽ gì? Tuy ít ai đoán được lề lối làm việc của Viện, nhưng qua những lời phê của

Viện tích lũy mấy thập niên qua cho những nhà văn trúng giải, ta có thể tóm lược nguyên tắc tưởng thưởng của Viện trong mấy chữ "phục vụ con người", với những hệ lụy thân phận cũng như những mơ ước hay tư duy của nó. Và tất nhiên Viện đòi hỏi sự phục vụ ấy phải được thi hành bằng một văn tài xuất chúng, nhờ thiên bẩm cũng như trau dồi tôi luyện. "Văn Dĩ Tải Đạo" hình như không phải là nguyên lý chỉ nam cho cơ quan văn hóa này.

Lời phê của Viện khi tưởng thưởng Morrison cũng chứa đựng những nét nhân bản ấy. Thật ra thì lời khen cũng chí lý và thích hợp với những giải thưởng Nobel trong quá khứ. Nó cũng phảng phất cái chung chung của những lời khen tặng thường thấy troug uhững buổi ra mắt sách hay những bài bình sách nghiêm túc hay giao tế ngoài dời, ở một khuôn khổ làng xóm hay quốc gia, trong cộng đồng lớn hay trong giới văn nhân lưu vong của chúng ta.

*

Nhưng vấn dề xảy ra khi Viện cố gắng thích nghi lời khen cho hợp với nguồn gốc da đen của tác giả. Một đoạn trong lời phê ấy ghi nhận là *"Morrison đã tận dụng ngôn ngữ, đã giải phóng nó khỏi những xích xiềng của chủng tộc mầu da"*. Nó đồng vọng với những lời phê bà đã nhận được trong quá khứ, dại để như *"Nhà văn đã vươn lên khỏi cái màu đen của một nền văn hóa riêng để thăng hoa tới những vùng trời nhân bản chung của Con Người."*

Kể ra về hình thức, lời phê có thể gọi là xúc tích về hình ảnh. Chữ *xiềng xích* cộng với mầu đen của da gợi lại cho ta cái xuất xứ nô lệ đọa dầy của người Mỹ gốc Phi châu.

Tuy nhiên, một lời khen như vậy ám tàng một kỳ thị chủng tộc, tuy không chủ tâm, nhưng vẫn là kỳ thị. Thậm chí có khi nghe như một lời khen từ trên ban xuống. Tại vì không ai khen một nhà văn Mỹ trắng thăng hoa lên quá cái trắng của văn hóa ông. Tựa hồ như mỹ học trắng là chuẩn chung cho cả nhân loại.

Vả lại, bỏ qua cái nét trịch thượng có chủng tộc tính (có lẽ không chủ tâm), lời khen ấy có phần không chính xác về nội dung. Nó trở thành gần như sáo ngữ. Vì thật ra, tác giả không chung chung hóa nhân vật để tìm đến chỗ chung chung cho độc giả khắp nơi thưởng ngoạn. Ngược lại bà tả những nhân vật rất đen, đen một cách đặc thù, xử lý những thách thức của cuộc sống một cách cũng rất đen rất đặc thù bằng cung cách của người da đen. Và bằng một văn phong tài hoa, bà làm cho độc giả hiểu và say mê những nhân vật ấy, say mê mà vẫn

thấy họ rất đen, rất khác biệt, sống động một cách mặn mòi trong văn hóa rất đen của họ.

*

Có lẽ chúng ta học được đôi điều nơi bà.

Thứ nhất, các nhà văn da mầu không cần bạch hóa văn chương của mình mới đạt được cái đẹp của nghệ thuật, hay cụ thể hơn, mới bắt được độc giả của cộng đồng trắng nói riêng và của nhân loại nói chung. Nói một cách khác, nhà văn thiểu số ở Mỹ nếu không hay chưa thành công trong văn giới của cộng đồng lớn, thì vấn đề không phải là họ không hay chưa Mỹ hóa văn phong của họ.

Thứ hai, là cái đẹp của văn học không nằm trong những chung chung ước lệ, mà trọng tâm là ở cái đặc thù của mỗi hoàn cảnh, mỗi nhân vật. Nàng Kiều của Nguyễn Du không giống cô bạn gái cùng lớp hồi trung học của chúng ta, cũng không giống vợ người công chức cuối xóm, hay cô thợ trong nhà máy điện tử. Kiều chỉ giống Kiều trong truyện Kiều của Nguyễn Du. Ngoài ra Kiều không giống ai, thậm chí cũng không giống Kiều trong Đoạn Trường Tân Thanh nữa. Vậy mà Kiều vẫn sống động, vẫn có hồn, và những hoan lạc hay buồn khổ của nàng vẫn làm ta xúc động.

Morrison cho ta thấy thành công cao nhất là giữ được cái đặc thù của bản sắc. Chỉ như vậy, những khám phá về cái vốn chung của con người mới mang dấu ấn của tác giả và của nền văn hóa đã tạo ra tác giả ấy. Chỉ như vậy sự đóng góp của tác giả cho cái vốn văn học chung của nhân loại mới đáng kể, mới không là sự nhái lại của những tác phẩm đã thành công.

*

Chỉ có điều chuyện ấy đòi hỏi tài năng, rất rất nhiều tài năng, để giúp độc giả phá vỡ được những thành kiến những giới hạn của họ, về mầu da, về chủng tộc, về văn hóa, về quan niệm cũng như kỹ thuật văn học, về thẩm mỹ, về triết học, để họ bắt được cái đẹp vĩnh cửu của cuộc sống trong dạng thức rất đặc thù rất có cá tính nhà văn đã chọn lựa.

Làm cho độc giả thuộc một văn hóa khác hiểu được cái đẹp của cánh cò trắng bay lả trên đồng lúa xanh một buổi chiều đông lạnh là chuyện rất khó thực hiện. Vấn đề không phải là chối bỏ cái cánh cò ấy, mà phải trau dồi cái tài cho thật cao, để xuyên qua những giới hạn, về thẩm mỹ, về vốn sống, của những bạn đọc không cùng văn hóa với chúng ta, để họ bắt được cái đẹp ấy.

Câu chuyện quanh co hóa ra lại không có gì mới mẻ. Cái tâm tuy bằng ba cái tài, nhưng chỉ riêng cái tài thôi sao đã khó khăn và hiếm hoi quá. Và bao nhiêu giấy mực đã viết về văn học nói chung, về Morrison nói riêng, bột phát gần đây, hay đều đều trong quá khứ, lại dẫn chúng ta về lại cái chân lý hiển nhiên ấy.

Mai Kim Ngọc

NGUYỄN BÌNH GIANG

nhủ lòng

Đành thôi chín bỏ làm mười
Buồn thiu cốc rượu đưa người sang sông
Nao nao vạt nắng chiều đông
Vén chi một khoảng trời mông mênh hờ
Rày em con nước xa bờ
Ta viên sỏi nhỏ nằm mơ đổi dòng
Muộn màng từ lúa lên đòng
Bây giờ chín nhớ mười mong, ích gì!

bất lực

Nhắm mắt
Ký ức như căn phòng tối tăm,
Gọi nhớ thương từ vầng trăng đã lặn
Lại bừng lên khoảng sáng
Phía bên em.

thân phận

Cơm bình dân, thuốc lá cũng bình dân
Vẫn chẳng chạy đâu thoát bóng nợ nần
Tôi như gã người lang thang vô tích sự cuối cùng
của thế kỷ hai mươi
Vẫn nặng chuyện túi cơm, dẫu không là phường giá áo
Chia cho bạn bè, người thân cầm giùm tôi phần nhân phẩm
Khi quàng vai chệnh choạng rượu bình dân.

NGU YÊN

ngày 25 tháng 8

Tim anh đang hồng chợt nắng âm u
Ôm em đang vui sao lòng ngậm ngùi
Sao mi em nhăn đôi lần rã rời
Bạc sắc phong sương nhẹ ngấm mái đầu.

Biết vẫn không ngờ ngày đến nhăn nheo
Xưa đêm truy hoan chưa từng ngập ngừng
Nay em trong tay sao tình nhẹ hời
Nhẹ đến bâng khuâng dù rất ân cần.

Thân em hao mòn nhiều chốn anh thương
Yêu anh em tan theo ngày bạc mệnh
Bao nhiêu thu sang
Bao nhiêu hạ tàn
Mòn giữa tim nhau một khớp ân tình.

Ngày nào mùa xuân gió trời lồng lộng
Ngày nào mùa đông cây khô cỏ tàn héo hon
Người nào bỏ đi
Người nào còn lại
Người nào ngồi nhớ run run kỷ niệm thiết tha.

Đưa tay anh cầm dù nắng âm u
Bao nhiêu gân xanh đan tình vợ chồng
Mai kia ai thương ai sầu một mình
Chợt siết tay nhau sợ lúc chia lìa.

(Hôm kỷ niệm 18 năm)

THẠCH HÃN

toni morrison: hiển vinh cho người da màu

Theo thói quen, sáng thứ Năm ngày 8 tháng 10, 1993, Toni Morrison thức dậy từ lúc 4 giờ rưỡi sáng để sáng tác. Khoảng hơn một tiếng đồng hồ sau, chuông điện thoại reo. ở đầu dây bên kia có tiếng người hỏi: "Chị nghe tin chưa?" Một người bạn của Toni gọi báo cho bà biết quyết định trao giải Văn Chương Nobel 1993 cho bà. Vài tiếng đồng hồ sau, viên tổng thư ký thường trực của Hàn Lâm Viện Thụy Điển điện thoại, chính thức loan báo quyết định trao tặng giải Nobel Văn Chương 1993, ca ngợi Toni Morrison "là một nhà văn ngoại hạng". Bản tuyên dương còn ghi tiếp: "Toni Morrison tìm kiếm ý nghĩa ngay chính trong ngôn ngữ, một thứ ngôn ngữ bà muốn giải thoát khỏi những kiềm tỏa của chủng tộc. Và khi phát biểu ý nghĩ của bà với chúng ta, lời bà lóng lánh vẻ đẹp của thi ca".

Toni Morrison, năm nay 62 tuổi, trở thành nhà văn nữ da đen đầu tiên được giải thưởng văn học cao quý nhất thế giới, và là nhà văn thứ mười một của Hoa Kỳ được tuyên dương. Khi hỏi về cảm tưởng của bà lúc nhận được điện thoại, Toni trả lời: "Tôi hết sức ngạc nhiên. Khi nghe điện thoại reo, tôi biết là phải có một tin gì khủng khiếp. Phải mất một thời gian khá lâu tôi mới chấp nhận tin báo". Và khi nghe viên tổng thư ký thường trực Hàn lâm viện bảo là sẽ gởi thư chính thức sau, bà hỏi: "Sao không gởi ngay cho tôi một điện thư (fax)?" Morrison vừa nói vừa cười: "Tôi nghĩ là khi thấy điện thư, tôi sẽ không còn nghĩ cái tin này chỉ là một giấc mơ, hay là ảo giác của một ai đó. Và tôi nói với bạn điều này: Tối nay chúng ta sẽ tiệc tùng tưng bừng".

Sinh trưởng trong một gia đình không lấy gì làm sung túc tại Lorain, một thị xã sống về kỹ nghệ làm thép, tiểu bang Ohio, ngày 18 tháng 2 năm 1931, Chloe Anthony Wofford (nhũ danh của Toni Morrison) là con thứ hai của một gia đình có bốn người con. Cha là

Geroge Willis Wofford, một người thợ hàn làm ở xưởng đóng tàu, mẹ là Ramah, nội trợ. Lớn lên trong một gia đình cả cha lẫn mẹ đều có những ưu tư, thao thức về thân phận của người da đen, Chloe chịu ảnh hưởng nặng của song thân. Cha cô có một thành kiến bất di dịch về người da trắng, luôn luôn cho rằng không cách gì sửa đổi được cách đối xử của người da trắng. Ông luôn luôn ngờ vực những hành động của người da trắng là quỷ quyệt, nguy hiểm, nên có lần thấy một người da trắng vào nhà, ông đã nghĩ rằng người này đến chỉ để sờ soạng con gái ông, nên ông đã không ngần ngại nắm cổ người da trắng này tống ra ngoài sân, rồi còn lấy chiếc xe đạp ba bánh của trẻ con phang lên đầu. Trong khi đó, người mẹ lại có một cái nhìn trái ngược. Bà nghĩ rằng những cách đối xử của người da trắng với người da đen có tồi tệ thật, nhưng dần dà rồi cũng có lúc cải thiện được.

Cha của Chloe là một người cần mẫn. Ông làm ba việc cùng một lúc, và rất kỹ lưỡng trong công việc mình làm. Mỗi khi làm được một mối hàn toàn hảo, ông ghi tên mình lên sườn tàu. Mẹ ngoài việc nội trợ còn tham gia đoàn hát ở nhà thờ, chăm sóc các con. Trong thời kỳ kinh tế khủng hoảng của thập niên 30, đời sống gia đình có lúc vất vả phải nhờ đến trợ cấp của chính phủ. Khi nhận được thực phẩm đầy sâu mọt, bà đã viết một thư dài khiếu nại lên Tổng thống Franklin D. Roosevelt.

Lúc còn nhỏ, Chloe là một đứa bé rất thông minh. Ngay năm đầu tiên bước chân vào trường học, Chloe là đứa bé da đen duy nhất trong lớp đã đọc được sách, và thích đọc sách. Tốt nghiệp trung học với hạng danh dự năm 1949, Chloe theo học văn chương Anh tại Đại học Howard trong bốn năm. Và cũng trong những năm theo học ở đây, Chloe đã đổi tên thành "Toni", một phần vì tên cũ của mình khó phát âm. Những năm theo học tại Howard, Toni cảm thấy hết sức chán nản. Phần lớn sinh viên vào đây, nhất là nữ sinh viên, cốt để kiếm chồng, sắm áo quần, và đi dự tiệc tùng, dạ hội. Để tránh nhàm chán, Toni đã tham gia vào đoàn kịch Howard University Players, và vào mùa hè, theo chân đoàn kịch này lưu diễn khắp các tiểu bang miền Nam.

Sau khi tốt nghiệp cử nhân, Toni tiếp tục theo học bậc cao học văn chương Anh tại Đại học Cornell. Tốt nghiệp năm 1955 với luận án về William Faulkner và Virginia Woolf, bà dạy ở Texas Southern University trong hai năm, sau đó trở lại dạy Anh văn ở Howard, năm 1957. Ở đây, Toni lập gia đình cùng Harold Morrison, một kiến trúc sư người Jamaica. Cuộc hôn nhân của hai người đã không bền vững. Sau khi sanh đứa con thứ hai năm 1964, bà ly dị chồng. Về sau này, khi nhắc

đến sự thất bại trong hôn nhân, bà giải thích: "Một phần do sự khác biệt văn hóa giữa hai người. Lúc đó, tôi có cảm tưởng mình chẳng còn gì, ngoài trí tưởng tượng. Tôi mất hết ý chí, khả năng phán đoán, viễn ảnh, quyền lực, thế giá, ngay cả chính cái tôi cũng không còn. Chỉ còn lại những cảm nhận hết sức thô bạo về nỗi chua xót, sầu hận, và một sự kính trọng ngôn từ đến run rẩy mà thôi".

Chán chường với một cuộc hôn nhân đổ vỡ, Toni tự ý thôi việc ở Đại học Howard và mang hai con về quê ở Lorain. Mười tám tháng sau, khi đọc thấy một mẩu quảng cáo tìm người trong báo, Toni đáp ứng và trở thành một biên tập viên cho một chi nhánh của nhà xuất bản Random House, trách nhiệm nhuận sắc sách giáo khoa. Trong thời gian làm việc ở đây, ngoài thì giờ săn sóc hai con, Morrison bắt đầu sáng tác. Lợi dụng lúc con cái đã ngủ yên, bà hoàn tất một phần tác phẩm đầu tay. Tuy chưa hoàn tất, bà đã gởi bản thảo đến một nhà xuất bản, và được khuyến khích hoàn tất tác phẩm. Năm 1970, nhà xuất bản Holt, Rhinehart and Winston xuất bản truyện dài đầu tiên có tên là "The Bluest Eyes", một câu chuyện về ba cô gái ở thị trấn Lorain đang đứng trước ngưỡng cửa của tuổi trưởng thành. Tác phẩm này thoát thai từ một truyện ngắn Toni sáng tác trong thời gian theo học tại Howard và sinh hoạt trong một nhóm sáng tác nhỏ.

Trong khi tác phẩm đầu tay ra mắt độc giả, Toni lại được thăng chức và thuyên chuyển đến đảm nhận một chức vụ biên tập khác của nhà Random ở Nữu Ước. Trong những năm đầu của thập niên 1970, bà đã là một cây bút đắt giá. Nhiều tờ báo mong bà viết, nhất là tờ New York Times, bình luận về cuộc sống của người da đen và điểm những đề sách liên quan đến đời sống của họ. Trong hai năm 1971 và 1972, bà đã điểm 28 cuốn sách, trong khi vẫn bận rộn sáng tác truyện dài tiếp theo có tên là Sula, xuất bản năm 1973, viết về một người phụ nữ da đen tên là Sula cùng những mối liên hệ của nhân vật với người bạn thiết là Nel sống trong một cộng đồng có tên là "The Bottom". Tác phẩm này được nhiều nhà phê bình khen ngợi, và được đề nghị tranh giải National Book Award. Sau hai tác phẩm, Toni Morrison đã xác định vị trí của mình trong làng văn Mỹ hiện đại, cũng như chứng tỏ cho người đọc, giới phê bình về tài năng của bà. Nhưng chính tác phẩm thứ ba, mang tên là "Song of Solomon" (1977), mới là tác phẩm đưa tên tuổi bà ngang hàng với những cây đại thụ trong làng văn học. "Song of Solomon" là một truyện dài viết về một người đàn ông da đen thuộc giới trung lưu, bị hoàn cảnh đưa đẩy đến chỗ phải quay về tìm kiếm nguồn gốc của mình từ thời kỳ nô lệ, thu hút đông đảo độc

giả. Tác phẩm này mang lại cả danh lẫn lợi cho Toni: để sách in bìa mỏng (paper back) bán chạy hàng đầu, với một số ấn bản 570,000 cuốn trong năm 1979, mang lại một lợi tức về tác quyền là $315,000; giải National Book Critics Circle năm 1978, giải Hàn Lâm Hoa Kỳ và Viện Văn Học Nghệ Thuật, được Tổng thống Carter bổ nhiệm vào Hội đồng Nghệ thuật Quốc Gia năm 1980, và năm sau, được bầu vào Hàn lâm viện.

Tác phẩm tiếp theo, "Tar Baby" xuất bản năm 1981, không được ưa chuộng như ba tác phẩm trước, và không được giới phê bình chú ý. Tác phẩm này khác biệt với ba tác phẩm trước ở hai khía cạnh: (1) bối cảnh của câu chuyện không còn là những thị trấn hay thành phố nhỏ như trong các tác phẩm trước, nhưng lại là những đô thị xa hoa, hay những nơi chốn xa lạ, như khung cảnh của kinh đô ánh sáng Paris, của giàu sang thượng lưu New York, hay ngoại lai như những hòn đảo vùng Caribbean; và (2) nhân vật chính trong truyện có cả người da trắng, bên cạnh nhân vật trụ cột của cuốn sách là một phụ nữ da đen. Chủ đề chính của "Tar Baby" quay quanh vấn đề liên hệ huyết thống với nguồn gốc của mình, và sự tranh chấp giữa hai nhân vật chính, Jadine, một người mẫu thời trang da đen tốt nghiệp Sorbonne, rất lờ mờ về nguồn gốc huyết thống của mình; và Son, một người da đen nhảy tàu được một gia đình thượng lưu da trắng ở trên đảo Chevalier thuộc vùng Caribbean nhận cho ăn ở trong nhà. Trái với Jadine, Son biết rất rõ về nguồn gốc của mình, những liên hệ huyết thống cha con, họ hàng, cũng như chủng tộc. Sự tranh chấp này kéo dài cho đến khi câu chuyện kết thúc, nhưng rốt cuộc vẫn không tìm được lời giải đáp.

Năm 1984, Morrison thôi việc ở Random House, nhận ghế Giáo sư Albert Schweitzer về ngành nhân văn tại New York State University ở Albany. Năm sau, vở kịch đầu tiên của bà nhan Dreaming Emmett trình diễn ở Albany. Năm 1987, nhà Knopf xuất bản truyện dài "Beloved". Morrison lại được sự khen ngợi nồng nhiệt của độc giả cũng như văn giới. Trong tác phẩm đoạt giải Pulitzer năm 1988 này, Morrison thuật lại một chuyện ma trong bối cảnh của thời hậu nội chiến Mỹ. Cuốn sách mở đầu với một trang ghi "Sixty Million and more", một con số sau này Morrison giải thích với Walter Clemons trong một cuộc phỏng vấn trên tuần báo Newsweek là "con số ước đoán về số người da đen Phi châu bị tiêu diệt ngay cả trước lúc họ trở thành người nô lệ - chết trong lúc bị bắt giữ giam cầm ở Phi châu, hay bỏ xác trên những chuyến tàu vượt đại dương đưa người da đen đi làm nô lệ". *Beloved* là một tác phẩm tưởng niệm những người da đen Phi

châu bỏ mình vì nạn buôn bán nô lệ, tệ hại hơn cả chiến dịch thảm sát người Do Thái của Hitler. Tác giả lấy ý từ một chuyện có thật xảy ra năm 1855, về một người nô lệ ở Kentucky tên là Margaret Garner, bỏ trốn khỏi kiếp tôi đòi để sống với bốn con và mẹ chồng ở một nơi bà cho là an toàn ở thành phố Cincinnati. Sau đó, họ đã bị tìm ra tung tích, và khi người chủ da trắng đến để bắt họ mang về Kentucky, người đàn bà da đen đã tìm cách giết bốn con mình để tránh cho chúng sống cảnh tôi đòi. Biến hiện thực thành hư cấu, Morrison thay tên đổi họ cho nhân vật của cuốn sách, nhưng vẫn giữ những nét chính của cảnh thương tâm ngoài đời. Sethe, người đàn bà da đen trong truyện, cũng tìm cách giết hết bốn con của mình, nhưng chỉ giải thoát được cho đứa bé gái sau cùng vừa mới lên hai. Hai con trai còn lại bỏ nhà ra đi, chỉ còn một đứa con gái tên là Denver ở cùng mẹ và bà nội. Sau đó, hồn ma bé gái bị giết, tên là Beloved, hiện trở lại trong thân thể một cô gái mười tám tuổi, trở về sống chung với mẹ và một người bạn trai của bà trong căn nhà mà ai cũng bảo là bị "ma ám".

Qua *Beloved*, Morrison khai triển đề tài về tầm quan trọng của liên hệ mẫu tử, sức mạnh của ký ức, ảnh hưởng của cộng đồng, và nhất là chế độ nô lệ đã tước đoạt quyền làm mẹ của người phụ nữ da đen, lồng trong khung cảnh của thế giới siêu hình ma quái.

Sau khi *Beloved* xuất hiện, phản ứng của độc giả cũng như văn giới trước tài năng của Toni Morrison đã mang một tầm vóc mới. Năm 1987, khi ban giám khảo giải Pulitzer trao tặng giải văn chương cao quý này của Mỹ cho một tác phẩm khác, Paco's Story của Larry Heinemann. Một tác phẩm dùng chiến tranh Việt Nam làm bối cảnh để nói lên một giai đoạn bi đát của lịch sử Hoa Kỳ. Giới văn nghệ sĩ và trí thức da đen đã phản ứng mãnh liệt. Bốn mươi tám văn nghệ sĩ và trí thức tên tuổi, trong số có những người ngày trước là môn sinh của Morrison ở Đại học Howard (Houston Baker, Jr.), cùng ký tên vào một bản kháng thư dưới hình thức của một bản tuyên dương có nhan "Black Writers in Praise of Toni Morrison" đăng tải trên The New York Times Book Review ngày 24 tháng 1 năm 1988, đặt nghi vấn tại sao Morrison lại không được giải Pulitzer. Phản ứng lại những ý kiến đưa ra trong bức thư tuyên dương này, nhiều nhà văn nhà báo đã lên tiếng hối tiếc rằng có sự ngộ nhận nơi những nhà văn da đen về việc Morrison không được giải thưởng Pulitzer, National Book Award hay National Book Critics Circle Award vì lý do chủng tộc, tuy không nói rõ ra trong bức thư, nhưng ẩn ý thì ai cũng nhận ra. Ngay ngày hôm sau, 25 tháng 1 năm 1988, Jonathan Yardley trong một bài viết

đăng trên The Washington Post, nhan "Toni Morrison and the Prize Fight" đặt vấn đề: "Câu hỏi thứ nhất: Trong lúc giải thưởng Pulitzer năm 1988 chưa được loan báo, tại sao lại có sự phản đối công khai của 48 văn sĩ người Mỹ gốc Phi châu về việc Toni Morrison không được giải? Câu hỏi thứ hai: Có thật sự những giải thưởng quan trọng đến như vậy không? Có thật đó là một thứ bảng vàng trong kinh điển văn học Mỹ không, đến nỗi phải làm ầm lên chuyện Toni Morrison không được giải vì bị những người trách nhiệm tổ chức phát giải đối xử tệ? Câu hỏi thứ ba: Vì đã có lời gợi ý rằng Morrison không được giải vì màu da, vậy chúng ta bây giờ hãy phát giải cho bà... vì bà là một người da đen hay sao?" Yardley không phủ nhận giá trị cũng như thiện ý của những người ký tên vào kháng thư, và cho rằng nỗi ước ao của họ được chấp nhận và ghi nhận những đóng góp của người Mỹ da đen vào lãnh vực văn học là chính đáng, nhưng không vì thế mà quên hẳn nghi vấn cho rằng họ bị đối xử như thế vì màu da, và khẳng định rằng đó là một nghi vấn cần phải loại bỏ. Ông viết tiếp: "Không có gì trái với sự thực hơn, và đã đến lúc chúng ta phải dứt khoát gạt bỏ ý kiến sai lầm này. Sự thật còn rành rành ra đó là trong bao nhiêu năm, Morrison đã được cộng đồng văn học ca ngợi và là người thụ hưởng rất nhiều lợi lộc trong cộng đồng này. Những người làm văn học ở Mỹ thường có một cách nhìn phóng khoáng và nhân bản, tuy đôi khi trên thực thế có khi sai sót, họ vẫn luôn tìm những cơ hội để bày tỏ những điều họ nghĩ. Là một nhà văn kiệt xuất viết về đời sống và lịch sử của người da đen, chính Morrison đã nhiều lần tạo cho cộng đồng văn học những cơ hội: các nhà xuất bản, các nhà phê bình, các nhà văn và độc giả đã nắm lấy ngay những cơ hội đó để tuyên dương...

Walter Goodman tiếp đó lên tiếng bài bác ý kiến có sự kỳ thị chủng tộc trong việc quyết định tác phẩm trúng giải, nhưng ông lại bình phẩm thêm về công dụng của bức thư. Ông cho đó là một hình thức vận động (lobby), dù là vận động trong lãnh vực văn học. Ông viết: "Thời nào cũng có chuyện vận động trong lãnh vực văn học, nhưng hình thức vận động bao giờ cũng kín đáo: một cú điện thoại gọi cho một bạn văn, hay những lời thầm thì to nhỏ trong các tiệc rượu, nhưng chưa bao giờ rầm rộ như phát súng đã khai hỏa trên Times Book Review... Nói chung thì hình thức nào cũng có một mục tiêu chung... Tất cả đều nằm trong một hệ thống đáng chê trách, và hy vọng loại được những sự vận động trong lãnh vực văn học thì cũng chẳng có hy vọng gì hơn việc ngăn cản những nhà thầu quốc phòng đãi đằng dân biểu ăn uống vậy". Ông kết luận bài viết của mình "The Lobbying for Literary Prizes"

đăng tải trên The New York Times ngày 28 tháng 8 năm 1988 đồng ý rằng giải thưởng thật sự có làm thỏa mãn cái tôi của tác giả, tăng số lượng sách bán, gây hứng khởi cho những người cùng nhóm [da đen] thật dấy, nên việc phản đối của các nhà văn và bằng hữu là một điều dễ hiểu. Thế nhưng về lâu về dài, chính tác phẩm mới chứng minh được giá trị của tác giả. Ngày sau, độc giả phán xét tác phẩm của bà, mà không còn bị ảnh hưởng bởi những sự tranh chấp, những ganh đua, họ sẽ không nhớ bà đoạt được giải gì và mất giải gì, và có lẽ họ sẽ không biết đến màu da của bà nữa là đằng khác.

Việc phản đối của 48 nhà văn và trí thức da đen đã đặt Morrison vào một tình thế khó xử. Thật đúng với ý kiến của các nhà văn nhà báo, tài năng Morrison không còn là một nghi vấn, và khi lên tiếng công khai trên báo như thế, những người phản đối đã gây một ấn tượng không mấy tốt đẹp của công luận Mỹ đối với nhà văn và tập thể người da đen. Sau khi bải bỏ chế độ nô lệ, người da đen tìm cách thăng tiến địa vị của mình trong xã hội qua những thành tựu trên mọi lãnh vực, ở tầm mức quốc gia cũng như quốc tế. Họ đã gặp nhiều khó khăn trong liên hệ với người da trắng, nhất là ở các tiểu bang miền Nam, vốn là cái nôi của chế độ nô lệ trong thời kỳ nội chiến cho đến thập niên 1960, nơi những vụ bạo động và bạo hành dẫm máu đã liên tiếp xảy ra trong nhiều năm. Để cải thiện liên hệ chủng tộc và để bảo đảm những người da màu được bình đẳng về cơ hội, chính phủ và quốc hội Mỹ đã có những biện pháp nhằm nâng đỡ người da đen. Từ các trường học các ngành cho đến công tư sở, người da đen hưởng những ưu tiên và quyền lợi mà người da trắng hay các sắc dân khác không có. Vì thế, ngay trong sinh hoạt xã hội, những thành tựu của người da đen bị coi nhẹ, và cho đó là hệ quả của một chính sách nâng đỡ, chứ không thực sự do tài năng. Cho nên khi bản kháng thư được đăng tải, phản ứng chung của công luận cho đây là một sự đòi hỏi có được sự biệt đãi ngay trong lãnh vực văn học. Dù sao đi nữa thì ý kiến này cũng làm cho người ta đặt lại vấn đề giá trị và tài năng của những nhà văn da đen.

Văn tài của Morrison không còn là một nghi vấn, dù nhà văn đã bị ảnh hưởng khá nhiều sau khi bức thư phản đối được công bố. Một năm sau, Morrison từ nhiệm ở Đại học New York State University để giảng dạy tại Princeton, trong ghế Giáo sư Robert F. Goheen ngành nhân văn, và tiếp tục giảng dạy ở đó cho đến nay.

Morrison là một nhà văn lớn trong nền văn học Mỹ, và một trong những lý do chính đưa bà vào hàng tầm cỡ là qua tác phẩm của mình,

Morrison phơi bày những vấn nạn mà con người thuộc mọi sắc dân, chủng tộc phải đương đầu. Trong bài diễn văn nhận giải Nobel, William Faulkner ghi nhận chủ đề đích thực của một nhà văn là "con tim con người chống chọi với chính nó", và qua tác phẩm của Morrison, người đọc đã cảm thông được những vấn nạn của cuộc nhân sinh, những khó khăn đọa đày con người không phân biệt màu da hay chủng tộc, mặc đù nhân vật chính của bà là người đa đen, bối cảnh chung là kiếp sống nô lệ đọa đày, nhưng giá trị vẫn là giá trị phổ quát chung cho nhân loại. Thu gọn hơn ba trăm năm lịch sử của chế độ nô lệ, với những hình ảnh hãi hùng, những ngược đãi bất nhân, những khắt khe của xã hội, những phản ứng tâm sinh lý phức tạp của những con người bị áp chế trong mấy tác phẩm văn chương, Morrison đã dùng tài năng của mình dễ thăng hoa kiếp sống của một chủng tộc chịu nhiều tai họa trong lịch sử văn minh nhân loại.

Để độc giả Văn Học có một ý niệm về văn phong và bút pháp của Morrison, Văn Học xin trích đăng đoạn văn sau đây, lấy từ hai trang cuối của tác phẩm *Beloved*.

There is a loneliness that can be rocked. Arms crossed, knees drawn up; holding, holding on, this motion, unlike a ship's, smooths and contains the rocker. It's an inside kind-wrapped tight like skin. Then there is a loneliness that roams. No rocking can hold it down. It is alive, on its own. A dry and spreading thing that makes the sound of one's own feet going seem to come from a far off place.

Everybody knew what she was called, but nobody anywhere knew her name. Disremembered and unaccounted for, she cannot be lost because no one is looking for her, and even if they were, how can they call her if they don't know her name? Although she has claim, she is not claimed. In the place where long grass opens, the girl who waited to be loved and cry shame erupts into her separate parts, to make it easy for the chewing laughter to swallow her all away.

It was not a story to pass on.

They forgot her like a bad dream. After they made up their tales, shaped and decorated them, those that saw her that day on the porch quickly and deliberately forgot her. It took longer for those who had spoken to her, lived with her, fallen in love with her, to forget, until they realized they couldn't remember or repeat a single thing she said, and began to believe that, other than what they themselves were - thinking,

she hadn't said anything at all. So, in the end, they forgot her too. Remembering seemed unwise. They never knew where or why she crouched, or whose was the underwater face she needed like that. Where the memory of the smile under her chin might have been and was not, a latch latched and lichen attached its apple-green bloom to the metal. What made her think her fingernails could open locks the rain rained on?

It was not a story to pass on.

So they forgot her. Like an unpleasant dream during a troubling sleep. Occasionally, however, the rustle of a skirt hushes when they wake, and the knuckles brushing a cheek in sleep seem to belong to the sleeper. Sometimes the photograph of a close friend or relative-looked at too long-shifts, and something more familiar than the dear face itself moves there. They can touch it if they like, but don't, because they know things will never be the same if they do.

This is not a story to pass on.

Down by the stream in back of 124 her footprints come and go, come and go. They are so familiar. Should a child, an adult place his feet in them, they will fit. Take them out and they disappear again as though nobody ever walked there.

By and by all trace is gone, and what is forgotten is not only the footprints but the water too and what it is down there. The rest is weather. Not the breath of the disremembered and unaccounted for, but wind in the eaves, or spring ice thawing too quickly. Just weather. Certainly no clamor for a kiss.

Beloved.

Thạch Hãn

NHẮN TIN VĂN HỮU

Văn Học số Xuân Giáp Tuất 1994 sẽ ra vào giữa tháng 1 năm 1994. Xin quý văn hữu gửi bài về trước ngày 15 tháng 12 năm 1993.

VĂN HỌC

NGUYÊN SƠN

rồi mai phố thị em về

Em cười, ngọc vỡ Liêu trai
Bờ môi nhuộm mộng
Nét ngài liễu ru
Ta vào
Cõi bấc sa mù
Giũ đêm tiền kiếp bụi mờ tương lai.
Ngủ đi, quên những tàn phai,
Thần tiên mười ngón,
Nồng say khước tình.
Ngủ đi, đỗ giấc phiêu linh
Cùng ta em nhé!
Bình minh. Nỗi buồn.
Mai về ngang bến sông Tương,
Gửi ta mây gió, chùm hương bụi hồng.
Mươi năm dài mãi nhớ,
Trăm năm lời yêu thương.
Xa nghìn thu tượng đá,
Lau khô giọt đoạn trường.
Mươi năm dài đâu dễ,
Quên người tình ngày xưa,
Trăm năm là một thuở,
(Của ngàn năm si mê).
Rồi mai
Phố thị em về
Quên ta,
Thằng ban đồng quê đợi chờ.

TRẦN HỒNG CHÂU

núi

Ngực trần thanh nữ
Đại hồ cầm
Nốt nhạc xanh
Giáng xuống nhãn tiền

Án ngữ
Trải rộng
Nhấp nhô
Núi che mặt trời
Chẳng thấy người thương

Kim tự tháp
Dè mạnh
Chôn chặt
Từng xâu chuỗi mộng mơ
Cuối đường phố
Cuối đường hầm
Không lóe sáng!

Dây kẽm
Dây điện
Dây thần kinh
Chập chùng
Chằng chịt
Mớ bòng bong đường phố
Ôi những chướng ngại
Sao mà rậm rạp cây rừng
Sao mà lởm chởm bàn chông!

Dứa con miền châu thổ
Quen nằm ngủ bên những bông lúa-con-gái
Con gái-bông-lúa
Của những đường ngang mặt phẳng
Của những bừng cháy đuốc hoa phượng
Những vạt cốm Vòng tâm sự

Vụn hương xanh
Đứa con miền châu thổ
Chết đứng bên nốt nhạc xanh
Lệ mềm từ trời xa...

Ta nằm cuộn tròn
Núi tử cung ôm ấp
Người tình mẹ
Mặc cảm ấu thơ

Nuốt hoa mật
Nuốt sao trời
Không dang đôi cánh mọc thân gầy
Níu chặt níu chặt
Ngón buồn
Cao xanh

Ta vào xanh
Tan núi lam
Màu khí quyển
Ảo giác không gian
Tóc xanh
Ảo giác thời gian
Tím ngát buồn

Đi vào hồn xanh mướt
Hoa lá cỏ cây
Bể dầy vĩnh cửu
Đạo hàm vô biên

Đi vào âm vang
Hơi ấm cửa mình núi
Nguồn cảm miên trường
Đi vào Quạnh hiu mênh mông
Đắng hạt muối trong lòng sóng lớn!

VÕ ĐÌNH

chuyện anh tư

Biến cố tháng 4-1975, rồi những chuyến vượt biên về sau, đã tạo nên cả một thế hệ người Việt mới mẻ. Một chú bé, cô bé 10 tuổi năm 75, thì nay, 1993, đã ngót 30. Nói chung chung, họ đã có nghề nghiệp vững vàng, đã lập gia đình v.v... Sinh sống trong những môi trường xã hội, kinh tế, chính trị, tâm lý, tình cảm... hoàn toàn khác biệt với môi trường cũ ở quê nhà của cha mẹ.

Một phần tư thế kỷ *trước* 1975, bản thâu tôi, chưa tới tuổi hai mươi, cũng đã ra đi, học hành sinh sống ở nước ngoài. Một troug những cố gắng tôi cho là đáng kể nhất trong đời tôi là kết hợp và dung hòa quá khứ, kỷ niệm ở quê nhà với đời sống và tâm thức hiện tại. Vì thế tôi thường không thương tiếc quá khứ như kiểu thi sĩ Vũ Đình Liên: "*Những người muôn năm cũ; Hồn ở đâu bây giờ*", vân vân. Tôi nghĩ rằng tôi đã bỏ đi được rất nhiều ảo tưởng về quá khứ. Ở tuổi sáu mươi, người ta thấy nhẹ nhõm phần nào vì dứt bớt được sự níu kéo của những ảo tưởng quá khứ, cũng như cưỡng chống lại được sự thu hút của những viễn mộng tương lai.

Nói thì nói vậy chứ, mới đầu năm nay, ở Việt Nam, tôi đã phải đối diện với một quá khứ bằng xương bằng thịt. Từ cuối thập niên 30, tôi đã không gặp và đã quên hẳn mặt mũi tên tuổi người ấy. Nửa thế kỷ trôi qua, bao nhiêu vật đổi sao dời, bao nhiêu thịt đổ máu rơi, mà người ấy vẫn còn. Gặp lại người ấy, tôi không xót xa ái ngại như khi thấy tận mắt, nghe tận tai những thống khổ của đồng bào, quê hương. Gặp lại người ấy tôi không có gì phải xúc động quá đáng. Vậy mà sự gặp gỡ ấy, nói cho ngay, một sự gặp gỡ có phần nhạt nhẽo, buồn nản, đã khuấy động trong tôi một niềm thương cảm lạ lùng. Trưa Sài Gòn nóng nảy ồn ào, vậy mà có lúc tôi đã chìm đắm vào trong vùng mù sương lạnh lẽo của thế giới những "người muôn năm cũ". Cho đến nay, tôi vẫn chưa phanh phui ra được nguyên do. Niềm thương cảm ấy vốn đã nằm nguội ngoai đâu đó dưới sâu tiềm thức? Hay là nó mới phát sinh từ sự va chạm, xô xát giữa cái tôi của ngày hôm nay và cái tôi của một ngày đã qua từ lâu, từ rất lâu?

*

Người ấy tuổi khoảng bảy mươi. Chị Cả tôi nói ông đã bảy mươi chín. Chị hỏi: Em có nhớ anh Tư không? Tôi nói tôi không nhớ. Chị

Cả kể ngày xưa, những năm cuối thập niên 30, anh Tư thường đến tận nhà "cúp" (1) tóc cho ba tôi, anh tôi, và tôi. Tôi vẫn không nhớ. Chị Cả lại nhắc: Anh Tư cúp tóc nghèo, vốn liếng chỉ có mỗi cái "tông đơ" (2) đi hớt dạo. Thầy (mãi đến những năm 40, chúng tôi mới gọi "Ba" là Thầy") làm công chức, thanh bạch, nhưng oai lắm. Thầy dặn anh Tư mỗi tháng một lần đến nhà cúp tóc cho đàn ông con trai trong nhà. Có khi chưa đến hạn kỳ, Thầy đi làm về, gặp anh Tư giữa đường, dắt anh về theo. Thầy biểu anh Tư đè hai thằng con trai ra mà cúp tóc. Anh Tư thưa: Tóc mấy cậu còn ngắn quá. Thầy nạt: Ngắn chi, cúp cho mát! Đó là cách Thầy giúp đỡ anh Tư. Cúp tóc xong, Thầy trả tiền, rồi còn cho thêm. Nếu gặp bữa thì biểu lấy chén dũa bắt anh Tư anh ăn cơm rồi mới cho đi. Anh Tư không nhỏ hơn Thầy Mẹ bao nhiêu tuổi, nhưng anh coi Thầy Mẹ như đấng phụ mẫu. Kêu là Thầy Cô (hồi ấy gia đình ở Quảng Nam) và xưng con. Em nhớ ra chưa? Chị Cả lại hỏi. Chưa, tôi vẫn chưa nhớ ra.

Những năm cuối thập niên 30, tôi đã đi học "école primaire" (3). Tôi còn nhớ cây ổi sau nhà. Bắt con gà trống to nhất, ôm leo lên cành cao nhất, rồi, thả gà bay xuống. Sướng vô tả. Tôi nhớ những bụi rau dền tía mọc hoang sau hè. Hàng rào cây thuốc dấu, bứt lá bẻ đôi, nhựa trắng ứa ra, ghé môi thổi thành bong bóng lóng lánh ngũ sắc. Tôi còn nhớ cả cái chị Tiên hàng xóm. Tôi năm, sáu tuổi, chị ấy mười một, mười hai. Trưa lành lạnh, chị Tiên kéo tôi chun vô nằm dưới chiếu, rồi cầm tay tôi dúi vô giữa hai dùi chị. Tôi sợ hết hồn, nhưng cũng đã biết thích lắm! Tôi nhớ nhiều chuyện như vậy, nhưng tôi không nhớ ra anh Tư cúp tóc. Có lẽ tôi quên anh vì chị Cả nói anh Tư phải vất vả lắm mới cúp được tóc tôi. Tay cầm "tông đơ", tay ấn đầu tôi xuống, anh Tư dỗ dành năn nỉ mãi mà thằng bé cứng cổ vẫn phản đối, khóc. Có lẽ nửa thế kỷ về trước, tiềm thức tôi đã trục xuất anh Tư ra khỏi trí nhớ. Tôi nhớ rõ cái mềm, cái ấm của chị Tiên, mà tôi lại quên đi cái "tông đơ" cứng, lạnh của anh Tư...

*

Người đàn ông ngồi trước mặt tôi, xa lạ. Nhưng trong lòng tôi dấy lên một niềm thương cảm vu vơ. Anh Tư đến thăm chiều ba mươi Tết. Quý Dậu, năm tuổi của tôi. Trời Sài Gòn nóng nảy là thế mà anh mặc một chiếc *veston* dạ đen cũ kỹ, nhàu nát. Dưới veston là cái sơ mi trắng, úa vàng. Quần sẫm mầu, không hẳn là mầu gì. Dép nhựa nội hóa, không quai gót. Anh Tư ngồi khom khom, mặt mũi hiền lành, khô khốc, nhợt nhạt. Hai tay duỗi theo tay dựa tròn của ghế sa lông, thỉnh thoảng mấy ngón tay xương xẩu dập khe khẽ lên mặt gỗ. Một nhịp

diệu âm thần, lặng lờ, hệt như tiếng nói anh, nhỏ nhẹ, chậm chạp, âm sắc Huế xưa cũ.

Anh Tư mỉm cười, nụ cười không chắc hẳn là đùa giễu hay buồn bã. Anh hỏi tôi: Chú nhớ ra tui chưa? Tôi nói: Nhớ ra rồi. Thật tình tôi vẫn chưa nhớ ra. Anh Tư nói: Hai chú đi xa, có bao "dziêu" Ôn Mệ cho tui hết. Ôn thương lắm. "Dzưng" có một bữa tui bị Mệ la quá sá quà sa. Mệ "chưởi" tui, biết chuyện Ôn mà không thưa với Mệ. Chuyện Ôn? Chúng tôi biết Thầy tôi đa tình đa cảm nhưng suốt đời chỉ thật lòng yêu thương và sống với mẹ chúng tôi. Thì ra Mẹ tôi cũng đã có lần ghen tuông? Tôi hỏi: Chuyện Ôn răng, anh Tư nói nghe nà! Anh chỉ cười cười, không nói. Cười mà như mếu. Ông già tám mươi đứng dậy, tiến tới bàn thờ, rút nén hương, thắp, lạy. Anh khấn to: Thưa Ôn Mệ, bữa ni ba mươi tết rồi, con tới xin thắp hương v.v... Tôi thấy anh Tư đưa tay lên quệt mắt. Rồi anh ngồi xuống, im lìm.

Suốt bữa cơm, anh chỉ nói một hai lời. Mặt anh nhăn nheo, nhưng bình thản. Ăn xong, uống chén nước, anh đội cái mũ vải trắng ngả mầu cháo lòng lên đầu, cáo từ. Cả nhà năn nỉ anh ở lại chơi, nhưng anh nhất quyết: Thôi, túi rồi, tui về. Tôi đứng ở cổng, nhìn anh đi. Đèn đường tù mù, soi không đủ sáng con hẻm lồi lõm. Tôi ái ngại, nắm lấy vai anh. Nhưng anh đã bước đi. Những bước chuệch choạc, lảo đảo, nhưng nhanh, và dài. Tôi ngạc nhiên: Làm sao một ông già còm cõi, lờ đờ lại có thể bước những bước chân dài và nhanh như thế.

*

Mấy ngày sau Tết, mới sáu giờ sáng, mặt trời chưa lên, đã có tiếng chuông gọi cổng. Tôi cằn nhằn: Khách khứa chi cái giờ này! Anh tôi ghé tai tôi, thầm thì: Hôm nọ, nói lơ mơ là mồng sáu Tết này đi Huế, đem tro cốt Cha ra mai táng bên mộ Mẹ trên núi, anh Tư nhớ, bữa nay đến để "tiễn Ôn và hai chú". Tôi cảm động, mà cũng tức cười. "Tiễn Ôn và hai chú".

Mặc quần áo xong, tôi xuống nhà dưới. Anh Tư đứng dậy, nắm lấy cả hai tay tôi, rồi ngồi xuống. Dưới chân có cái túi xách nhỏ. Mặt anh rầu rĩ. Anh nói: Kẹt lắm, chớ thiệt tình tui muốn đi với hai chú, rước Ôn ra Huế. Sớm ni tui đi khám bịnh. Hỏi khám ở mô? Anh Tư nói khám ở Viện Tim. Anh tôi giải thích: *Institut du Coeur*, đại lộ Nguyễn Tri Phương, của Pháp tặng. Anh tôi hỏi: Anh ngó mạnh rứa mà tim tiếc chi? Anh Tư cười: Chú nói rứa chớ già rồi. Và hốt nhiên, tôi thấy anh già thật. Mặt anh nhăn nhúm, hai vai so lại, gầy gò hơn, lưng còng

hẳn xuống. Anh nhỏ choắt hẳn. Ông già bảy chín, trong thoáng mắt, trở thành một hình nhân trăm tuổi.

Anh em tôi đi bộ cùng anh Tư dọc theo vỉa hè đường Nguyễn Tri Phương đến tận cổng Viện Tim. Còn quá sớm, chỉ lác đác vài người thơ thẩn trước sân Viện. Anh Tư nói: Không hề chi, hai chú đi mô thì đi đi, tui đợi. Bữa mô hai chú rước Ôn về Huế, tui ra Huế với. Cho tui đi với hí.

Anh tôi đã bước đi, nhưng tôi níu tay lại: Ngó anh Tư tề! Hai anh em đứng nhìn ông già nhỏ bé, túi xách trong tay, lủi thủi đi vô cổng Viện Tim. Từ xa, trông anh giống một con chim gầy. Một con cò đen.

Võ Đình - Sài Gòn 29-I-93

---

(1) "cúp": couper (Pháp) = cắt.

(2) "tông đơ": tondeur (Pháp) = máy húi tóc cầm tay.

(3) "école primaire" (Pháp) = trường tiểu học.

PHẠM VIỆT CƯỜNG

coup de grâce

Người ta nói rằng
khuôn mặt người
lúc chết
rất đỗi bình yên

Em ở đâu làm gì mặc lòng
nhưng hãy nhớ trở về bên anh giây phút cuối
để anh có thể thanh thản giã từ
như tất cả mọi con người bình thường khác
Để khuôn mặt u uất suốt cuộc sống kia
cũng được xóa nhòa

Và ra đi với chân dung đã nguội ngoai đó
anh sẽ chỉ mang theo nỗi đau của mình
điều còn lại duy nhất
sau cuộc tình
sinh tử.

HẠO NHIÊN

lửa người

Nhất tiếu tình đa lưu lãnh lệ
Song mâu xuân tận hiện hình hoa.
Lê Hữu Trác

Có những buổi
rét quá đỗi
Chuyện đời tình người
Tôi về ngụp lặn
giữa dòng nước mắt lạnh
Lãn ông
như ngồi bếp lửa nồng
lòng hồng than đượm...

Tình thuở tóc xanh
gặp nhau mấn bạc
sáu mươi năm vắng bặt
tình cờ ôi dây ư!
Xuân buổi xưa đã thăm thẳm mịt mờ
Nhìn mắt úa vẫn thấy đầy hoa nở
Một thoáng cười bỡ ngỡ
Lệ khô rồi tươm lạnh ứa quanh

Nước mắt
Hải Thượng
hải lưu ngấm nắng trời
Mạch lửa người
ngầm trong lệ buốt...

CỔ NGƯ

bên sông nước cuốn

- Này, Duy!

- Mày hỏi gì?

- Mày tìm xem còn quả ổi nào không?

- Chỉ vớ vẩn! Ổi có bằng đầu ngón tay, ném chết con chim sẻ, bọn học trò cũng vặt trụi, còn dâu đến phần mày!

"Bọn học trò"! Vừa mới năm ngoái đây thôi, chúng tôi vẫn còn thuộc vào cái bọn học trò chỉ đứng thứ ba sau quỷ và ma về cái tài nghịch phá, ấy thế mà đột nhiên cái tít sinh viên vừa tậu được làm chúng tôi tự thấy mình lớn vụt hẳn lên, lạ lẫm ngay với cả bản thân. Chỉ có cái bãi Nghi Tàm này vẫn không có gì thay đổi, ngày ngày gie những cành ổi là đà sát mặt sông làm chỗ tập bơi, tập bông-đông cho bao thế hệ học trò nối tiếp.

- Tao nhạt mồm quá! Mày còn điếu thuốc nào không?

Tôi lục túi chiếc quần tây vắt bên cạnh, chìa cho Tạo gói Cotab và cái bao diêm.

- Đây, thằng ông mãnh. Còn có mấy điếu thôi đấy!

Tạo gắn điếu thuốc lên môi, từ tốn đánh diêm.

- Mày không hút à?

- Chốc nữa.

Chẳng hiểu sao hôm nay tôi không có hứng đấu khẩu. Đầu óc cứ lan man bay theo những dám mây trắng trên cao. Buồn vơ vẩn. Như thơ Xuân Diệu. Tương tư chăng? Yêu chăng?

- Này, Duy!

- ...

- Tao kể cho mày chuyện này, cấm nói đi nói lại nhá!

- ...

- Mày có nghe tao nói không?

Bỗng dưng cáu. Gắt:

- Thì tao đang nghe đây!

- Làm gì má dấm dẳn thế! Mày biết cái con bé Lam không? Con bé Lam ở phố hàng Đào học Trưng Vương ấy mà!

Tôi ra vẻ lơ đãng.

- Ừ, thì sao?

- Nó đẹp, mày nhỉ?

- Cũng tàm tạm!

- Tàm tạm là làm sao? Mặt trái soan nhé, mắt bồ câu nhé, tóc mây nhé, rồi thì phía trước phía sau chả thiếu chỗ nào cả!

Tai tôi nong nóng. Rồi lan đến má. Xuống cổ.

- Tao mê con bé ấy, mày ạ!

Tôi quay phắt sang Tạo. Đôi mắt nó đang chòng chọc nhìn tôi, mặt đỏ bừng. Rồi như không nhịn được, nó cười sặc lên, văng cả điếu thuốc đang hút dở.

Thằng trời đánh! Thế có chịu nổi không? Mà sao chuyện gì nó cũng biết hết vậy?

- Á à! Mày trêu ông đấy phỏng? Ông thì cho mày biết tay!

Tôi trờ tới. Loáng một cái, Tạo đã lao xuống nước. Tôi nhào theo. Khúc sông bỗng vang động. Trận thủy chiến. Phe ta đuổi phe mình. Tiếng giẫy nước, tiếng cười, tiếng chí chóe. Cuối cùng rồi tôi cũng dìm được đầu Tạo xuống, cho nó uống một bụm nước. Đắc thắng, tôi bỏ mặc Tạo, trèo lên một cành ổi, ngồi nhìn ra mặt sông. Tôi biết Tạo nhường tôi, chứ dời nào nó để cho thằng khác nhận nước. Nắng sớm loang loáng trên những sải tay dài nhịp nhàng của Tạo, loang loáng trên dòng sông đục đỏ phù sa. Đôi lúc tôi có cái ảo giác rằng Tạo đang ngụp lặn trong một tấm chăn đỏ mênh mông mà chỉ chốc nữa đây thôi, sẽ vỡ vụn thành trăm nghìn mảnh ngói khô rang vì sức nóng mặt trời. Hoang tưởng!

Rút điếu thuốc. Vuốt cho thẳng rồi khum tay đánh diêm. Ngọn lửa khét lẹt diêm sinh chỉ vừa bén đủ cho đầu điếu thuốc cháy đỏ, vội tắt ngúm. Gió lên. Gió trên mặt sông dầu sao cũng dễ chịu hơn nhiều so với cái thứ gió nóng hầm hập làm nhà cửa Hà Nội chẩy nước. Một bầy le le lướt qua, xao xác. Tôi nghĩ đến Lam, đến chiếc răng khểnh xinh xinh, đến cái má lúm đồng tiền thẹn thùng mà Tạo không biết đến, đến cả cái ý định nắm tay táo bạo của tôi và cái rụt vội ý tứ của Lam hôm qua. Những lá thư xanh vẫn qua lại, không có dấu triện bưu điện và những con tem được thay thế bằng những gói ô mai mơ để Chi, cô em họ khó tính nhưng thảo ăn của tôi tiếp tục làm người trao phát tín hiệu. Bao nhiêu buổi sáng tôi đã đứng dực mặt ra chờ dợi cái giây phút được thấy dáng Lam thướt tha đến trường, lao xao cùng bè bạn rồi vội cắm đầu cắm cổ thục mạng dạp xe cho kịp giờ vào lớp. Bao nhiêu buổi chiều tôi đã ngồi cặm cụi nắn nót chép lại những bài thơ tình mới nhất, hay nhất đăng tải trên các tờ nhật trình vào quyển sổ nhỏ, định

bụng để sẽ tặng cho Lam. Bao nhiêu đêm tôi nằm im trong bóng tối, mắt dẫm nhìn vào trời sao mà mơ mộng, mà tự hỏi giờ này Lam đang làm gì, có nghĩ, có nhớ đến tôi không. Tôi yêu thực rồi. Chẳng còn chối cãi vào đâu được nữa!

Tạo đã leo lên ngồi cạnh tôi, người mướt nước. Mắt nó long lanh tinh nghịch.

- Này, Duy!

- Hử?

- Thế mày yêu con bé ấy thực à?

- Sao mày tò mò thế?

- Đến tao với mày mà còn giấu nhau cái nỗi gì!

- Ừ, thì tao chỉ mới rủ được nó đi ăn kem bờ hồ có một lần thôi, đã có gì đâu!

- Thế bao giờ thì anh chị mới "có gì"?

Quá quắt lắm rồi! Tôi nhìn cái mặt trâng tráo của Tạo, phản pháo ngay:

- Còn mày với con em họ của tao đã "có gì" chưa?

Trúng phóc. Cu cậu im thin thít.

- Sao?

- Mày đểu!

- Đểu gì mà đểu! Tạ tao một chầu chả cá Lã Vọng đi, rồi thằng anh mày mách nước gỡ bí cho!

Mà Tạo đang bí thật. Cái thằng bạn dầy nghệ sĩ tính của tôi cũng đang bị tình yêu hành hạ ra trò. Gặp Chi ở nhà tôi đúng có một lần, nó dâm mê như điếu đổ. Tiếng sét ái tình nổ toác trời. Quả tim nó thủng một lỗ to bằng cái nia. Mà cô em họ của tôi lại thuộc loại con nhà kín cổng cao tường, đi đâu có người kè cặp đến đấy mới chết chứ! Tạo loay hoay tìm đủ mọi cách để được người đẹp chú ý mà vẫn không xong. Vốn tự ái cao, lại nghĩ mình tài giỏi, nó đã từng tự thú bảo tôi: khi nào tam thập lục kế không xong, tao mới hạ mình nhờ đến tay mày. Bây giờ có lẽ cũng sắp đến lúc.

- Này, Duy!

Tôi đang đợi lời cầu khẩn của nó, nên ỡm ờ kéo dài giây phút khổ hình.

- ... hử?

- Tao nghĩ kỹ rồi. Cho tao theo vào tổ chức của ông anh Cả mày được không?

Tôi giật nẩy người. Không ngờ Tạo lại lôi chuyện ấy nói ra đây vào lúc này. Nhìn quanh một lượt, tôi trả lời nó:

- Thì anh em tao vẫn đợi mày từ lâu. Tổ chức còn đang thiếu người hoạt động bên trường thuốc. Có mày thì nhất, còn ai tin cẩn hơn được!

Tôi nhìn vào mắt Tạo. Thật sâu. Đưa tay cho nó bắt. Thật chặt. Giữa chúng tôi bây giờ, không những chỉ có tình bạn, mà bất đầu xen lẫn một tình cảm thiêng liêng khác, của những người cùng chí hướng. Tôi thấy mắt Tạo rơm rớm. Tôi nghe cổ tôi nghèn nghẹn. Nhìn ra sông. Bầu trời dường như trong cao hơn, dòng nước như trôi nhanh hơn và lòng chúng tôi có lẽ như gió ngoài kia, bất chợt réo gọi nhau lồng lộng thổi vào vô tận...

*

Yến nép gọn trong lòng tôi, những sợi tóc mảnh bay lòa xòa theo mỗi lần gió đến. Tôi ngả lưng dựa vào một gốc cây mọc sát mé nước, chân trần mát rượi. Nắng buổi trưa trên mặt sông hắt chói. May mà có bờ xa xậm xanh níu giữ tầm mắt, những đôi mắt không kính râm chắn bụi, chắn nắng, đôi kính râm che chở cho bao tia nhìn tội lỗi. Yên ả quá, bến sông này. Chỉ có tiếng chim rộn rã và tiếng nước khe khẽ gọi bờ. Sóng dường như không có, ngay cả ở trong lòng...

- Anh!

- Gì em?

- Sao anh không nói gì hết vậy?

- Em muốn anh nói gì nữa bây giờ? Tai em nằm sát trái tim anh mà không nghe hết những lời anh nói sao?

Im lặng. Yến hài lòng hay tại câu trả lời của tôi cải lương quá? Tôi nhìn xuống. Yến nhắm mắt. Như ngủ. Hàng mi dài, dày và đen nhánh nằm yên, không lay động, tĩnh như buổi trưa quanh đây. Tôi giữ lại trên môi một sợi tóc của Yến đi lạc, kéo nhè nhẹ. Một cảm giác trơn lướt nhồn nhột, một vướng mắc mong manh. Yến vẫn nằm yên như không hề biết đến trò chơi của tôi, như là tóc của ai, gió của ai. Tôi đưa tay vuốt lại mái tóc từng sợi xõa dài đang cuống quýt đùa nghịch rồi nắn nhẹ chiếc cổ thon. Những ngón tay tôi mơn trớn từng chân tóc, dùng dằng bấu vào làn da mướt mịn. Chúng lười biếng xuôi dần xuống bờ vai rồi quen đường, lần mò vào vùng ngực.

- Dừng anh!

- Sao dừng?

- Có người!

Tôi nhìn xuống, mắt Yến vẫn nhắm. Tôi nhìn quanh, nước, cỏ, cây và chiếc vespa dựng dằng xa.

- Đâu có ai đâu!

- Mấy frères.

- Mấy frères chết, nằm sâu dưới đất, mắt nhắm lại rồi, đâu có thấy gì nữa đâu!

- Sao anh biết?

Tôi im, biết tốt nhất là chẳng nên cãi lý với Yến. Vả lại, tôi thấy Yến đúng một phần nào. Khoảng đất nhỏ sau lưng chúng tôi lô nhô mộ chí những sư huynh dòng Lasan, giản dị như cuộc đời của họ. Cũng nên tôn kính người đã khuất, dù tôi chẳng biết họ là ai, chưa từng thấy mặt, chưa từng nghe tiếng nói, chưa từng cất lời chào.

- Anh!

- Gì em?

- Năm sau em hết học với anh rồi!

- Thì em học với thằng khác.

- Anh nói vậy mà nghe được!

Tôi nhủ thầm: chứ phải nói sao bây giờ hả Yến? Năm sau em sẽ làm luận án ra trường, rồi vào đời. Năm sau và những năm sau nữa, chắc gì tôi còn giữ được em ngoan ngoãn trong tay như lúc này, bình yên bên sông nước. Đến một lúc nào đó, sớm hay muộn, em sẽ nhận ra rằng ông giáo sư mà em hằng ngưỡng mộ trên bục giảng - ông giáo sư có đứa con gái lớn gần trạc tuổi em - chợt già cỗi đi trong khi em đang vươn lên, căng đầy phơi phới. Tôi biết rằng rồi em sẽ yêu người khác, sau khi đã hiến tặng tôi hết cả tinh khôi của tình yêu đầu tiên. Tôi không tin vào điều vĩnh cửu. Thuở xưa tôi yêu Lam là thế, để đến khi thành vợ thành chồng, có với nhau những đứa con xinh xắn, sống trọn cho nhau những tháng năm gian nan và hạnh phúc, nước mắt và nụ cười, ngọt và đắng, tôi chợt dừng lại, ngỡ ngàng tìm thấy ở mình giữa tuổi bốn mươi lăm, cái tuổi mà người ta bắt đầu thấy mình lăn chầm chậm xuống con dốc thoai thoải của tuổi già, dưới kia là thăm thẳm cái chết. Có thể cái Tết loạn lạc cách đây hai năm khiến tôi bừng tỉnh, cũng có thể cái bản năng hiếu động trong con người tôi thức dậy, quyết giẫy lên một lần cuối giữa cái tù hãm, nhàm chán, trì trệ của cuộc sống hằng ngày trước khi chịu để bị nhận chìm mất tăm hơi. Tôi thèm sống, thèm cười, thèm yêu, thèm huyên náo. Tôi thèm tuổi trẻ vì biết mình sắp bước về phía đối nghịch. Và Yến đến với tôi, đúng lúc, như quà tặng của định mệnh, như ngọn gió ngày khô, miếng ăn

khi đói, ngụm nước lúc khát. Yến cho tôi tình yêu mơn mởn sức sống, căng ứ trên phầu vải ngực của chiếc áo thun bó, nũng nịu từng lời hờn trách vu vơ, ngọt ngào từng nụ hôn son ướt. Yến cho tôi trọn vẹn những gì quý giá nhất và tôi đến cùng Yến đầy đam mê tội lỗi, cái tội lỗi dã ăn phạm phải trái cấm giữa vườn địa đàng...

- Anh!

- Gì em?

- Lục bình kìa!

Một dốm xanh trên mặt sông trắng lóa. Lênh đênh một đời, không yên phận cắm rễ đứng im như bao loài cỏ cây khác. Như những tên du tử yêu tự do hơn hết thẩy mọi thứ trên đời, những giề lục bình xuôi ngược theo từng con nước kia hẳn chẳng bao giờ tìm một bến bờ nương náu. Tôi chợt nhớ lại tuổi trẻ và quãng đời tự do ngắn ngủi của mình. Tự do của tôi, khi ấy đồng nghĩa đồng thời với tự do của cả một dân tộc nô lệ vùng lên giành độc lập. Tự do, độc lập, những danh từ ấy, vào giai đoạn ấy, thiêng liêng, cao cả biết dường nào, bởi vì chúng thấm dẫm máu và nước mắt mồ hôi của bao người. Bây giờ chúng xuất hiện nhan nhản trên mọi miền đất nước nhưng khô khốc, biến hình dị dạng theo sự nặn bóp của những bàn tay lãnh tụ, những danh từ bị lạm dụng đến tận cùng ý nghĩa... Tự do và tuổi trẻ của tôi đã mất đi cùng với ngày hôm qua. Hiện tại và có lẽ cả tương lai của tôi sẽ chỉ còn lại trách nhiệm và bổn phận, với vợ con, với trường đại học và sinh viên, cái chức khoa trưởng có thể với tới, rồi thêm danh vọng, thêm dâu rể, cháu chắt. Còn tình yêu của Yến tôi để vào đâu trong cái tương lai thẳng tuột ấy? Nghĩ ngợi làm gì, chỉ cần biết nó đang chói lọi rực rỡ, mềm mại thơm tho trong cánh tay tôi lúc này, ngồn ngộn hiển hiện, không phải là dĩ vãng xa xôi, cũng không phải là ảo vọng hướng đến...

Một chiếc đò ngang xuôi qua trước mặt, không có tiếng hò. Người chèo mắt nhìn thẳng, thân nhịp nhàng đưa đẩy, lãnh đạm với chúng tôi, với ngoại cảnh. Anh nghĩ gì dưới chiếc nón lá tùm hụp tối dầy cả khuôn mặt? Yến nghĩ gì về con đò khuấy động sự yên tĩnh trên dòng sông? Tôi nghĩ gì? Tôi chẳng nghĩ gì cả, đầu óc trong suốt như một khối thủy tinh, xanh xao buổi trưa ngày nắng. Tôi dõi mắt theo cho đến khi con đò khuất sau một mũi đất um tùm cây cỏ và nhận ra những ngón tay của Yến đang nhè nhẹ xiết lấy tay tôi, những ngón tay nhỏ nhắn dường như chỉ vừa bước qua cái thời lem luốc mực tím học trò.

- Anh!

- Gì em?

- Em đói bụng!

- Mình ghé chợ Thanh Da nghe, ăn hủ tíu phải không?

- Dạ!

Yến mở mắt, nhìn tôi, môi chờ đợi. Tôi dặt lên đó một nụ hôn lười biếng, hờ hững như con đò lướt qua trên mặt nước mê ngủ. Nhưng Yến chợt dướn lên, níu cổ tôi kéo xuống và đầu lưỡi đam mê luồn vào xục xạo tìm kiếm. Tôi như bừng tỉnh, lây tràn cái mãnh liệt của nhục cảm tuổi trẻ, tôi ôm chặt đầu Yến vào giữa người, môi cuống cuồng đáp trả. Và khi, lần đầu tiên, mở mắt khi môi miệng còn ngập đầy, tôi thoáng hãi khi đột ngột nhìn thẳng vào con mắt to tròn, bình tĩnh đến lạnh lùng của Yến.

*

Buổi chiều đang lắng trong tôi. Nắng lẹn dần lên đỉnh hàng cây trước mặt, thoi thóp hắt bóng xuống mặt sông loang sáng. Sông Seine ở đoạn này chẳng khi nào được yên tĩnh lấy đôi phút. Những chiếc tàu chở du khách xuôi ngược, tiếng loa giảng giải vang vang, những khuôn mặt hớn hở, cái vẫy tay chào của người xa lạ trên tàu gửi người xa lạ ngồi dọc bến sông, bọt trắng xóa, sóng dập dềnh ồn ào tát vào bờ đá nhẫn thín mặt. Tôi ngồi yên một chỗ, nhìn những con tàu đi qua, những mặt người đi qua, những giờ khắc đi qua. Tôi như chiếc ghế đá ven sông, nhìn đời bằng đôi mắt rỗng không tròng, không nhắm mở, không đổ lệ. Chỉ còn những bóng dáng tình nhân âu yếm đằng kia thỉnh thoảng lại gợi nhắc vài kỷ niệm về em. Lam bên bờ đê Yên Phụ, Yến với sông nước Đồng Nai. Hai người đàn bà ấy đã bỏ tôi để đi xa khỏi cuộc đời này, khi hấp hối trối trăn trên giường bệnh hay khắc khoải chìm ngập giữa lòng biển sâu. Chỉ còn tôi đứng lại, ở đây, không hiểu mình tại sao còn tiếp tục níu kéo từng hơi thở để hiện hữu, dù sự hiện hữu của tôi không còn làm đầy thêm hay làm trống đi một chỗ ngồi. Những ngày mai, ngày mốt của tôi không còn là tương lai, mà chỉ là sự lập lại của hôm nay - quá khứ. Trong tôi chẳng còn ham muốn, mất hết hận thù, chỉ có trùng trùng kỷ niệm ùa về từ khắp mọi nẻo nhớ, Và dòng sông xa lạ trước mặt, đóng khung bằng hai bờ kè đá, bằng hai hàng cây, bằng hai dòng xe cộ, bỗng chốc hóa thân mát rợp bóng tre và cao vút thân dừa. Tôi nghe tiếng em cười, thấy tóc em bay, tay lần tìm từng ngón nhỏ, mũi thơm đầy mùi da thịt và môi ngọt lịm môi. Tôi nhớ tôi hai mươi, tôi nhớ tôi bốn mươi và khi nhìn xuống, thấy đôi chân khẳng khiu lạc lõng trong những ống quần thùng thình, tôi không còn nhận ra tôi nữa. Thế mà em nỡ bỏ tôi đi, Lam nhẫn nại tặng tôi

nghĩa vợ chồng suốt ba mươi mấy năm rồi bỏ tôi đi, Yến cuốn hút tôi vào tình yêu không lối thoát rồi cũng bỏ tôi đi, để tôi cô độc ngồi lại với chuỗi ngày cuối đời dài lê thê này. Tại sao tôi chưa theo được chân em, tại sao tôi còn quá tỉnh trí để đưa mắt nhìn quanh đây, tự hỏi trong đám đông qua lại, ai là con cháu của những kẻ tôi đã giết hại trên đồng Lô Giang, ai là bạn hữu những kẻ đã tra khảo anh Cả tôi đến chết vì kiệt lực ngoài Côn Đảo. Cuộc sống đầy những vực sâu và núi cao. Cuộc sống là gặp gỡ bất ngờ ở mỗi khúc quanh lối rẽ, khi tôi, thân tù tội gầy mòn vì cái chức giáo sư - sĩ quan biệt phái, được nghe lại giọng nói quen thuộc dù đã biến hình theo thời gian của Tạo, uy nghi giữa buổi học tập đóng cho tròn vai trò giảng viên tuyên huấn. Chỉ một lần duy nhất mắt chúng tôi gặp nhau, mắt của Tạo ngỡ ngàng, mắt của tôi an phận, rồi thôi, ai nấy trở về với vị trí của mình, tôi cùng bạn đồng tù trở về lán, Tạo theo xe ra thành phố, không tìm kiếm, không trò chuyện, dửng dưng, rất kịch. Tôi đâu còn là Duy Cotab, Tạo đâu còn là Tạo Banjo, những bạn bè thân thiết của tuổi đôi mươi, cùng ước mơ, cùng chí hướng, đầy nhiệt huyết thanh niên, căng tràn tình yêu và sức sống. Bây giờ, nếu bất chợt gặp lại Tạo giữa bao khuôn mặt du khách lướt qua cái chỗ-tôi-ngồi- mà-không-phải-của-tôi này, chúng tôi sẽ làm gì cho phải phép? Đâu còn là bằng hữu, đâu còn là kẻ chiến thắng và tên tù binh, có còn chăng là hai lão già nhăn nheo theo tuổi tác, sinh cùng một quê hương, nói cùng một thứ tiếng mà đang hiện diện nơi đất lạ xứ người. Có lẽ tôi sẽ chào Tạo bằng một cái gật đầu, một nụ cười méo mén để thay vào những cái bắt tay, vỗ vai, mày tao chi tớ thuở xưa hay gần đây hơn, cái nhìn của người tù dành cho tên cai ngục. Chỉ một điều mà tôi hằng mong mỏi là đừng thấy cảnh con cái tôi hằn thù chém giết con cái Tạo, dù đối với nhau, chúng là người dưng, không ràng buộc tình nghĩa. Ít ra là đến ngày xuôi tay nhắm mắt, được như vậy, tôi hài lòng thỏa nguyện lắm rồi...

Nắng đã biến mất trên đỉnh cây. Dòng sông không kỷ niệm sẵm mặt. Nhưng trời vẫn xanh, như đã từng xanh ở Hà Nội, ở Sài Gòn, trong mắt em, trong mắt tôi, mắt Tạo, giữa cuộc đời kẻ sống và linh hồn người chết. Trời xanh trên đầu những tình nhân và trên đầu những kẻ thù đôi bên chiến tuyến. Trời xanh chẳng dành riêng cho một ai, bát ngát tận cùng, không biên giới...

*

Hè năm nay, tôi không còn thấy ông cụ ngồi ở chỗ cũ nữa. Chiếc băng đá hoặc bỏ trống hoặc được những cặp tình nhân lấp đầy bằng môi hôn và tay nắm. Vậy mà cái hình ảnh ông cụ da vàng người như

cố thu nhỏ lại, đăm đăm nhìn ra phía sông cứ ám ảnh tôi hoài. Đôi khi, tôi cũng thử phóng mắt theo hướng của ông cụ, nhưng chỉ thấy ở bờ bên kia xe cộ đổ dồng, giữa sông tấp nập những chiếc *bateau mouche* đen nghẹt du khách, hoặc thỉnh thoảng, một đôi vịt trời vỗ cánh rỉa lông cho nhau. Vậy thôi. Duy có một lần, chiều chớm thu, tôi nhìn xuống lòng sông đỏ ráng, chợt thấy thấp thoáng bóng dáng những con thuyền giấy mỏng manh thời bé dại tôi thường thả dọc bờ sông trước nhà. Có những con thuyền chìm ngay trong sóng. Có những con thuyền lênh đênh, rồi trôi đi tít tắp ngoài xa, khuất mắt...

Cổ Ngư

Paris 8-93

DU TỬ LÊ

thư gửi tuyền ở, sài gòn và, trinh, phụng ở đà nẵng

đêm thốc tháo nôn chiều, táng tận
gió giả đò thoa, sức vết răng
ngực chói, nhức tan phai cây, cỏ
em trở vào
nguyên nếp vuông khăn
*
trái tiểu thuyết. Rịn. Môi chữ nghĩa
tháng tôi năm. Đồi, vực than, tro
thấp điên, dại. Nguồn em: thảng thốt
bặt âm. Âm. Rừng rổn rảng, khua
*
Cửa tận thế đốt ta. Chết tiệt
em sinh sôi: một loại tế bào
hiểu rất rõ: sống làm chia biệt
thiên thu kia:
đồng nghĩa tình cờ.

ĐOÀN NHẬT

ngày hẹn ở biển xưa

Đứng nghe
Ngày hẹn còn xa
Nỗi mê muội bỗng
Bất ngờ rất xanh
Biển miên thẳm
Nỗi lặng thinh
Những mong ngóng cũng
Thu hình rất cao.

Đứng nghe
Ngày hẹn còn lâu
Nỗi nhớ khuất đấu
Biển dâu muộn phiền
Rừng lá
Mông muội trong đêm
Sớm mai bỗng nở
Trăm miền hoang xưa.

Đứng nghe
Ngày hẹn đã vừa
Nỗi đau gió hạn
Những mùa chưa qua
Cánh chim
Vạch bóng trời xa
Sóng xô động dội
Nỗi xưa vừa về.

Đứng nghe
Ngày hẹn cận kề
Nắng chia sớm hạ
Nửa mê nửa sầu
Biển cả
Như giấc chiêm bao
Đứng đây nhận nỗi
Ngọt ngào
Tình
Xưa...

NGỰ THUYẾT

dọc đường

Tôi đứng trên đường Fairview
Trên dải đất giữa lòng đường
Trước những dòng xe ngược bắc xuôi nam
Trôi miên man dài ngây ngất
Đằng sau, xóm học
Cành nẩy lộc, ong hút nhụy, hoa kết trái.
Tôi
Cây phong ốc đảo co ro
Gió dập vùi trút lá.

Tôi đứng trên đường Fairview
Trên dải đất không cho phép đứng
Trong buổi chiều giăng màn vây phủ
Hai bên tôi
Những cơn gào thét, những tiếng gầm gừ
Lùa tới xua lui thịnh nộ
Và bầu trời
Ngàn vạn con mắt lân tinh biển đen đêm tối ám
Dòng sông khô
Con nhái con trố mắt nhìn khiếp hãi
Bám chân bèo trôi lạc thời gian
Xuân không thấy về
Hè mất tích
Thu đi xa khuất
Cùng những mùa đông biệt tăm
Tôi nghe trong tôi ẩm mục rêu rong
Trên mỗi bước chân em
Trời xưa đổ.

Tôi đứng trên đường Fairview
Trên cù lao thác lũ.

HỒ PHỔ LẠI

nghĩ thân phù thế

Vi tới Canada troug những ngày đông lạnh. Chín tháng ở trại tị nạn, với đứa con tàn tật, đủ cho Vi thấy hết nỗi cam go của mình.

Vi cũng không ngờ. Dông lại có thể cư xử tệ bạc đến độ đó. Vừa xong trung học, Vi đã lấy Dông. Với tuổi mười tám, một người con gái tỉnh lẻ, Vi đâu đã hiểu gì. Thùuh lình Dông đổi về làm việc ở C-T. Dông gặp Vi lúc nào, Vi cũng không biết. Rồi Dông tò tò đi theo sau Vi, những buổi chiều tan học. Rồi Dông ném vào cặp sách Vi, những lá thư tình, tẩm dầu thơm sực nức. Rồi Dông nhờ người mối lái đến hỏi Vi làm vợ. Vi đâu đã queu biết Dông. Vi đâu có xúc động, khi đọc những lá thư tình cóp nhặt từ tiểu thuyết rẻ tiền, của Dông. Vi cũng dâu có mừng rỡ khi thấy Dông đứng chờ trước cửa trường, với đôi mắt láo liên dảo qua lượn lại. Với cái đầu bôi dầu bóng lưỡng. Với cái cổ áo, tẩm hồ cứng ngắc.

Nhưng mẹ thì lại muốn. Mẹ nại ra đủ thứ lý do. Bố chết sớm. Vi là con một. Mẹ muốn sớm có cháu, để bồng. Sớm được nghe tiếng con trẻ bi bô trong nhà, cho đỡ phần hiu quạnh. Còn chuyện Vi chưa quen biết nhiều với Dông. Mẹ giải thích gọn bâng: "Hồi đó, ngay trong ngày lễ hỏi, mẹ mới thấy mặt cha con. Vậy mà mẹ vẫn sống hạnh phúc cho đến ngày cha con mất". Vi còn muốn học tiếp? Mẹ giải quyết lẹ làng: "Thì con học ở đại học C-T cũng được vậy. Cần gì phải lên tận Sài Gòn để bỏ mẹ ở nhà một mình".

Vậy là Vi lấy Dông mau lẹ. cũng không cần đắn đo hơn thiệt. Vậy mà Vi có bầu thiệt. Có bầu sớm. Bụng Vi càng lớn, Dông càng vắng nhà. Lối xóm rỉ tai mẹ: Dông cặp bồ với cô bán "ba" ở chợ tỉnh. Bạn bè chỉ cho Vi: Dông đang sớm đón chiều đưa một cô nữ sinh khác. Vi ra, vô rầu rĩ. Mẹ dêm, ngày tỉ tê: "Đàn ông năm thê, bảy thiếp là chuyện thường. Con cứ lo ăn, lo ngủ. Đập bầu xong, đẹp đẽ ra, là tự khắc nó bò về..."

Vi chưa kịp đập bầu, Dông chưa kịp "bò về" thực thụ, thì Việt cộng đã tràn qua vĩ tuyến 17. Dông phải "bò" vô trại học tập. Lúc Dông ra tù, cũng là lúc bé Chu bị liệt cả hai chân, sau một cơn sốt nặng. Mẹ nuốt nước mắt, dốc hết số vàng bòu mót cả cuộc đời góa bụa, cho vợ chồng Vi đóng tiền ghe. Cho Dông có tự do. Cho bé Chu được chữa bệnh.

Ngày ra đi, lúc được kéo lên ghe lớn, sau lưng là cái dãy, bọc bé Chu, Vi không thấy Dông đâu. Trên bãi đáp, Vi ngồi riêng, với những người có con nhỏ, như nàng. Dông đi chung với nhóm đàn ông khác. Theo sự sắp xếp của chủ ghe, nhóm Dông được ghe nhỏ đưa ra đầu tiên, để còn lo phụ kéo đàn bà, con nít. Tất cả có mặt, trừ Dông. Dầu rằng Dông có xuống bãi đáp một lần, với vợ. Mọi người ngạc nhiên. Nhưng, Vi thì không. Mạnh khỏe, bơi giỏi như Dông, làm sao lại bị bỏ sót? Dầu không có ghe nhỏ, Dông vẫn thừa sức để bơi ra ghe lớn. Thảo nào, những ngày sắp đi, Dông không hề tỏ vẻ lo sợ. Cũng không buồn rầu. Ngoài Vi và bé Chu, Dông đâu còn thân nhân nào khác. Cha mẹ chết hết. Anh em không có. Dông ở lại với ai? Ngoài chuyện ở với bồ.

Té ra có đổi dời, Dông vẫn cứ là Dông. Vẫn chỉ sống cho mình. Cho niềm vui. Cho nỗi sướng. Cho lòng nhục dục của riêng mình. Mặc kệ Vi, với đứa con tàn tật. Với sóng gió lênh đênh. Với ngày mai phiêu bạt, xứ người.

Gần một năm trời dằng dẵng, trong gian lều xiêu vẹo, thiếu đèn, thiếu nước, thiếu người thân, Vi ngán ngẩm. Gặp phái đoàn Canada đến trại, Vi xin đi liền.

Cái lạnh của xứ này, càng khốc liệt và thấm thía hơn cho một kẻ cô đơn, lẻ bóng như Vi. Cũng may là trong nhóm bảo trợ, có một bác sĩ nhi khoa. Bé Chu được săn sóc. Vi cũng được giúp đỡ tận tình. Sau mấy tháng đầu lớ ngớ, Vi cắp sách đi học. Hàng ngày, bé Chu có người đến tận nhà chăm sóc. Mấy năm lặng lẽ trôi qua, Vi ra trường. Cùng một lần với tin mẹ mất. Cũng trong một lần với tin Dông vừa có thêm một đứa con nữa. Vậy là rồi. Là cắt đứt. Với mọi liên lạc xưa. Với cả bờ bến cũ.

Nhờ thuốc men, nhờ phương tiện, bé Chu chập chững tập đi. Với cây nạng, trong nhà. Với chiếc xe lăn, khi ra ngoài đường. Nó đã tới trường, trong những lớp dành cho trẻ con tàn tật. Còn Vi thì làm việc tại bệnh viện đa khoa của tỉnh.

Luận cũng đổi về làm việc ở đó, sau Vi mấy tháng.

Một hôm, trong giờ ăn trưa, Vi thấy Luận. Lần đầu tiên. Giữa một đoàn đông đảo nhân viên da trắng, Vi thấy có bóng dáng của một người đàn ông da vàng. Vi chưa kịp chào, thì Luận đã tự động bước thẳng tới, đưa tay ra:

- Tôi là Luận, Lê Khắc Luận. Làm việc ở khu hộ sản. Xin hân hạnh được biết chị. Chị Thúy Vi!

Vi ngơ ngác:

- Anh về đây lâu chưa? Sao anh biết tên tôi?

Luận mỉm cười, chỉ tay vào bảng tên Vi đeo lủng lẳng trên ngực:

- Tên chị ở đó. Tôi từ Montréal đổi về đây, thần trước. Ngày tôi về phỏng vấn, tôi đã có hân hạnh được nghe nói về chị. Ở đây, ai gặp tôi cũng kể về người nữ y tá Việt Nam làm việc ở khu lão khoa. Theo họ, hình như nguồn tin ở đây có một nữ đồng nghiệp, cũng là đồng hương, đối với tôi, là một mời gọi.

Vi cúi đầu, đi chân trên mặt đất. Vậy là Vi quen Luận. Ban ngày, thỉnh thoảng Vi gặp Luận ở phòng ăn, ở phòng đợi. Để trao đổ một câu chào. Để trao đổi vài lời thăm hỏi.

Một đêm, đang giờ trực, đúng lúc con bạn đầm, cùng làm, đi nghỉ giải lao, Vi nghe tiếng cầu thang máy dừng lại ở lầu năm. Nghĩ là bà y tá trưởng đi kiểm soát, Vi tỉnh bơ ngồi đọc báo. Thình lình, một giọng nói bằng tiếng Việt, cất lên bên cạnh nàng:

- Mới đi làm có mấy tháng, bị trực đêm mà chị tỉnh táo như vậy, thì tôi cũng phục.

Vi nhìn lên. Trước mặt nàng là Luận:

- Bộ đêm nay, bên khu hộ sản, có người sanh sao anh?

Tự động ngồi xuống cái ghế bên cạnh Vi, Luận trả lời:

- Đến hai ca, chị ơi! Đều phải mổ. Phần tôi vừa xong. Phần ông bác sĩ kia, thì mới bắt đầu.

Giữa không khí êm ru của bệnh viện nửa khuya, chỉ có tiếng máy lạnh chạy rì rầm, họ bình thản nói chuyện. Như đôi bạn thân, đã lâu ngày. Tới giờ cô bạn đầm lên thay, Vi đứng dậy, đưa Luận ra cầu thang:

- Cảm ơn anh. Làm việc đêm, có người nói chuyện, thời giờ như bớt dài đi. Tôi hên quá! Còn anh thì xui, mất hết mấy giờ ngủ.

Luận nhếch miệng cười:

- Có về giờ này thì cũng dễ gì đã ngủ được. Lỡ giấc rồi.

- Nhưng chị trông.

Mặt Luận sầm hẳn xuống:

- Nhà tôi uống thuốc ngủ. Biết gì nữa mà trông!

Vi giật mình:

- Chị bệnh ra sao mà phải uống thuốc ngủ?

Đưa tay bấm nút cầu thang máy, Luận thẫn thờ:

- Chuyện nhà tôi là một... trường thiên tiểu thuyết. Thôi, để chị làm việc. Mình còn gặp gỡ nhau, để nói chuyện nhiều.

Từ đó, Vi thường gặp lại Luận. Qua mấy lần trò chuyện, Vi biết được là Luận chưa có con. Biết luôn là Túy Trúc, vợ Luận, bị bệnh thần kinh. Một hôm, sau cả tuần không gặp Luận, lúc sắp xong việc, Vi nghe điện thoại viên gọi tên nàng. Áp ống nghe vào vành tai, Vi chờ đợi:

- Chị Thúy Vi! Luận đây, chị. Chị mạnh giỏi luôn chứ?

Vi chưa kịp trả lời, thì bên kia đầu dây, giọng Luận lại cất lên ngập ngừng:

- Chiều mai, hình như chị xong việc lúc 5 giờ 30? Tôi mời chị ra ngoài uống nước. Bà gì trông bé Chu, có thể ở lại thêm vài giờ không chị?

Vi nhận lời, cũng không hiểu rõ sao mình nhận lời. Mấy năm qua, Vi chưa bao giờ chịu ra ngoài một mình, với ai. Dầu là bạn học thời còn ở trường. Dầu là bạn làm sau khi có việc. Có cái gì ẩn núp, trong Luận, làm Vi tin tưởng. Có cái gì bàng bạc nơi Luận, làm Vi xao xuyến.

Trong tiệm nước, tận ngoại ô xa, họ đối mặt nhau. Lần đầu, giữa một bầu không khí khác. Không có bóng áo trắng lượn lờ. Cũng không có mùi thuốc men phảng phất. Luận bùi ngùi kể lại cho Vi nghe, cuộc sống vợ chồng chàng:

- Thời còn ở Pháp, khi sắp học xong tôi gặp Túy Trúc. Cha mẹ Trúc giàu có. Trúc được qua Pháp học về báo chí. Trúc không đẹp, nhưng có cái nhí nhảnh của người con gái trẻ. Đang là chủ tịch hội sinh viên Việt kiều ở Rennes, tôi là người ra đón Trúc ở phi trường. Cũng là người thu xếp nơi ăn chốn ở cho Túy Trúc trong những ngày nàng mới đến xứ người. Mấy tháng sau, tôi nhận được thư của cha mẹ Túy Trúc, từ quê nhà gởi qua. Thư cảm ơn. Thư gởi gắm. Không biết Trúc viết gì về cho gia đình mà, hình như, cha mẹ Trúc nghĩ là tôi mê con gái họ. Ngoài việc gởi thư, họ còn gởi quà qua biếu xén liền liền. Thời ở Pháp, tôi chỉ biết học. Lúc rời Việt Nam thì tôi mới có mười bảy tuổi, cũng chưa kịp có người yêu. Rồi việc nhỏ, việc lớn gì, Trúc cũng kêu réo, nhờ vả tôi. Dần dần chúng tôi trở nên gần gũi. Dạo đó, ở Pháp, số nữ sinh viên Việt Nam rất họa hiếm. Khi tôi tốt nghiệp, cũng là lúc bên mình hết chia cắt. Mọi dường dây liên lạc tạm thời bị gián đoạn. Trúc không còn được chu cấp nữa. Càng bám chặt lấy tôi. Cuối cùng, tôi thành hôn với Trúc. Phần Trúc, thì Trúc yêu tôi. Và cần tôi. Còn tôi, tôi cũng không hiểu vì sao tôi lấy Trúc. Có lẽ vì tôi quá

trống trải, không có ai để chờ, để đợi. Mà cũng có lẽ vì tôi muốn ra tay... nghĩa hiệp.

Thời đó, việc làm ở Pháp đã bắt đầu khó kiếm. Tôi xin di cư qua đây. Tôi phải học lại để thi lấy bằng tương đương. Trúc cũng đi học tiếp. Trong thời gian đợi thi lại và đợi bổ dụng, tôi phải đi làm để kiếm sống. Cuộc sống xứ lạ. Khí hậu thay đổi. Đồng lương lao động của tôi thì quá ít ỏi. Mọi liên lạc với gia đình vẫn chưa nối lại được. Là con một, lại là con nhà giàu, được nuông chiều từ nhỏ, Trúc bị hụt hẫng, lao đao. Càng ngày càng gầy gò, bạc nhược. Sức khỏe của Trúc vốn đã mong manh từ hồi còn nhỏ. Một hôm ra ngoài, mặc không đủ ấm, Trúc bị sưng phổi nặng, phải vào nằm nhà thương. Khi bệnh thuyên giảm, thần kinh Trúc bắt đầu suy nhược. Và suy nhược mãi, càng ngày càng tệ. Khi nhớ, khi quên. Lúc cười, lúc khóc. Đã năm, bảy năm qua, bây giờ Trúc hoàn toàn là một người lệ thuộc. Không còn có thể làm bất cứ điều gì, một mình. Dầu chỉ để đưa mấy muỗng cơm vào miệng. Nhiều lúc thấy Trúc bất động như pho tượng, suốt ngày ngồi nhìn vào khoảng không, tôi cảm thấy bất ổn. Không biết mình can dự đến mấy phần trong bệnh trạng của nàng. Từ ngày gặp Trúc, tôi chưa bao giờ yêu Trúc. Đối với Trúc, tôi có cái tình của người anh với em gái. Hay của một người bạn với một người bạn, để chia ngọt sẻ bùi. Chứ tuyệt đối không phải như một người tình với một người tình. Hay một người chồng đối với người vợ đầu ấp tay gối, đúng nghĩa...

Vi đã hiểu. Vì sao trên mặt Luận có vương vấn một nỗi gì xa vắng.

Lúc Luận đưa Vi về, thì trời đã khuya. Sonia, cô giữ trẻ, ngồi đợi ở phòng khách, luôn miệng than phiền:

- Chu đòi đợi bà, nhất định không chịu ngủ. Tôi phải dỗ mãi, nó mới nằm yên, độ mười lăm phút.

Trước khi lên phòng thay áo, Vi tạt qua nhìn con. Dưới ánh đèn mờ, thằng nhỏ đã ngủ say. Cái mền bị vất một đống dưới đất. Mặt thằng bé cau lại. Hai giọt nước mắt còn long lanh ở khóe.

Trằn trọc gần suốt đêm, Vi không tài nào ngủ được. Câu chuyện của Luận chờn vờn trong trí nhớ. Cuộc sống lứa đôi nhọc nhằn như vậy! Năm này rồi năm khác! Còn Vi? Hình ảnh người chồng cũ. Những mưu mô. Những lừa gạt.

Một tuần sau, nơi ven đô, trong một nhà hàng ăn của Pháp, trước mặt Luận, Vi tức tưởi kể về người chồng vắng mặt. Về những năm hương lửa hững hờ. Về chuyến đi, với cái dãy bọc con. Lâu lắm rồi, đã mấy năm qua, Vi không có dịp thổ lộ cùng ai cho vơi bớt nỗi niềm.

Luận có mặt, như lòng suối sâu, như đáy sông rộng, làm chỗ đọng cho nước mưa rớt xuống từ trời.

Vi dứt lời, mặt chan hòa nước mắt. Lấy điếu thuốc ra khỏi môi, Luận cất giọng xao xuyến:

- Vi, Thúy Vi! Nghe... anh nói đây. Ngay ngày đầu đặt chân tới nhà thương, anh nghe kể về em. Hiển nhiên là không đủ. Một mãnh lực nào đó, trong lời kể, trong lời tả, làm anh thấy tò mò, háo hức. Cũng một mãnh lực nào đó, thôi thúc anh phải đi tìm em. Khi nhìn thấy em, sắp hàng giữa đám tây dầm, dềnh dàng, náo động, anh nao lòng. Vì em quá nhỏ nhoi. Vì em quá lạc loài. Vài ngày sau, anh lại thấy em, trong chiếc áo choàng trắng, một mình đếm bước trên dãy hành lang dài, giữa đêm khuya vắng vẻ, đầu em cúi thấp, dáng em rụt rè, cái bóng chênh vênh. Anh chợt hiểu mình. Cái anh trông, đã đến. Cái anh chờ, đã lại.

Nói tới đó, Luận cúi mặt xuống, thì thầm:

- Vi, anh yêu em! Anh thành thật yêu em. Có một cái gì trong anh, buộc anh phải nói ra. Và phải nói hết.

Vi úp mặt xuống bàn, thổn thức. Một bàn tay ấm áp cầm nhẹ lấy tay Vi:

- Có một điều chắc chắn, anh muốn em nghe cho rõ: đây là lần đầu tiên, trong đời, anh chân thành và sáng suốt khi nói lên ba tiếng "anh yêu em".

Vi cũng vậy. Ít ra một lần, trong đời, được biết mình yêu. Yêu trong sáng suốt. Và yêu tận đáy lòng.

Mấy hôm sau, Luận chở Vi về gian phòng mới mướn. Sát bên bệnh viện, để lấy chỗ đi, về. Trong vòng tay của một người đàn ông khác, không phải là người chồng cũ, Vi thấy mình không còn là mình nữa. Không còn là cô nữ sinh nhút nhát của tỉnh C-T, một thuở nào xa lắc. Cũng không phải là một người vợ ngỡ ngàng trong buổi tối tân hôn năm nào. Mà là một người tình, vừa bóc vỏ, vừa lột xác. Như con trăn lượn lờ giữa cảnh sơn lâm, hùng cứ. Như con rồng uốn khúc giữa khoảng trời cao, mây rộng, của riêng mình.

Khi dừng xe cho Vi xuống trước nhà, Luận chồm qua, ôm siết lấy Vi:

- Cảm ơn em, cho hạnh phúc này!

Vi sung sướng đỏ mặt. Mở cửa xe chạy vụt vào nhà. Nghe tiếng động cửa lách cách, chị Sonia tỉnh dậy, càu nhàu:

- Bé Chu khóc hoài, mới thiếp đi, lúc hai giờ sáng.

Vi nhẹ nhàng đi vào phòng, kề mặt, hôn con. Thằng bé cựa mình, mở choàng mắt. Nhìn thấy mẹ, nó lập tức đưa một bàn tay lên, xô mạnh mặt Vi ra:

- Con không thương mẹ nữa.

Vi chưng hửng:

- Tại sao con nói vậy?

- Tại mẹ bỏ con, đi với người khác.

Ngồi xuống cạnh mép giường con, Vi cật vấn:

- Ai nói với con là mẹ bỏ con, để đi chơi với người khác?

Thằng bé chu mỏ, ré lên:

- Chị Sonia nói. Mẹ đi với cái ông gì tên Luận cứ phôn tới đây hoài đó.

Vi cau mặt:

- Chị Sonia còn nói gì nữa? Kể mẹ nghe coi.

- Chi Sonia nói là "ông đó người Việt Nam. Giống mẹ, giống con. Cùng làm một nhà thương với mẹ".

Đang don dỏn, bất ngờ nó dừng lại, òa khóc. Vi ôm mặt con, hỏi dồn:

- Là bạn làm chung với mẹ, ông ta không có quyền nói chuyện với mẹ sao?

Vẫn tiếp tục khóc, thằng bé lắc đầu quầy quậy:

- Chị Sonia nói... mẹ còn trẻ, còn đẹp. Mẹ sẽ lấy chồng khác.

Ôm đầu con vào lòng vỗ về, Vi không trả lời. Thằng bé đã tới tuổi lớn. Phải tập cho nó quen suy nghĩ. Những suy nghĩ phải có, trong đời. Để cho nó khỏi giật mình, cũng phải tập cho nó nghe tiếng đạn lẻ tẻ, trước khi bị nghe tiếng nổ ầm ầm của quả bom to. Đặt đầu con xuống gối, Vi thì thào:

- Ngủ đi, con! Đó là chuyện của người lớn. Con nên biết là lúc nào mẹ cũng thương con, là đủ.

Chu đưa cả hai nắm tay nhỏ nhắn lên, che lấy mặt. Vi đứng dậy, chậm rãi đi ra. Thằng bé chồm đầu dậy, gào theo:

- Có đúng không, mẹ?

Vi im lặng. Đi thẳng lên lầu.

Trưa hôm đó, từ nhà thương, Luận gọi về cho Vi:

- Em có ngủ được không? Con vẫn ngoan luôn chứ?

Vi nói cho qua:

- Nó vẫn vậy. Còn chị ấy?

- Đêm qua, ở nhà, Trúc không chịu ăn uống. Đến lúc anh về, cả bà y tá, cả anh, phải đè ngửa Trúc ra, mới bỏ được vào miệng nàng mấy viên thuốc. Vậy mà đến khi đổ nước vào, Trúc vẫn phun ra hết.

Vi lắng tai nghe, im lặng thở dài.

Cuối tuần đó, theo lời hẹn, Luận tới nhà thăm bé Chu. Thằng bé được chải rửa tử tế. Ngồi ở ghế bành. Dầu đã được mẹ căn dặn từ sáng sớm, khi thấy Luận xuất hiện, với một chồng đồ chơi trên tay, bé Chu vẫn lì lợm ngồi yên. Không chịu chào khách. Vi ngượng nghịu nhắc con:

- Kìa Chu! Chào tonton Luận đi, con!

Thằng bé không mở miệng. Luận tươi cười tiến sát đến bên Chu. Cúi xuống, thân mật:

- Chu lớn quá! Chu học lớp bốn rồi, phải không? Chu có cặp mắt giống mẹ, đẹp ghê!

Dã không trả lời, thằng bé lại quay phắt mặt đi. Nhìn thẳng vào vách. Phụ với Luận, Vi đem hộp đồ chơi lớn nhất, đặt trong tay nó. Nó cũng không chịu cầm.

Trước khi leo lên xe ra về. Luận cầm tay Vi nói nhỏ:

- Đừng buồn, em. Cái gì cũng phải giải quyết từ từ. Cuộn chỉ rối mấy, cứ tháo hoài, có ngày cũng phải bung ra.

Một tháng sau, Vi đòi Luận đưa về thăm Túy Trúc. Vi cũng không biết tại sao nàng có ý muốn đó. Để được thấy tận mắt ơi ăn, chốn ở của Luận. Hay chỉ để nhìn tận mặt, người đàn bà có diễm phúc tới trước, trong cuộc đời của người nàng yêu?

Nghe Vi ngỏ ý, ban đầu Luận lưỡng lự, nhưng cuối cùng thì gật đầu:

- Cũng được. Trước sau gì thì Trúc cũng phải biết điều đó.

Tuy hăng hái vậy, nhưng lúc xe dừng trước cổng nhà Luận, Vi lại ngại ngùng. Chùn bước. Lúc người y tá mở cửa ra, Vi định thối lui. Luận cầm lấy tay Vi, bước vào. Vi bỡ ngỡ trước gian phòng khách to lớn của nhà Luận. Càng bỡ ngỡ hơn trước hình ảnh người đàn bà mặc áo trắng đang giương đôi mắt tròn vo, thao láo nhìn nàng. Người Túy Trúc nhỏ nhắn. Da mặt xanh xao của người ở hoài trong bóng mát. Cặp tay gầy ốm, đầy cả gân xanh, đặt thẳng thớm trên tà áo mỏng manh. Luận tiến đến bên vợ:

- Túy Trúc! Đây là Thúy Vi, người bạn gái cùng làm việc với anh ở nhà thương.

Vi cũng lắp bắp:

- Xin chào chị. Rất hân hạnh được biết chị.

Túy Trúc dăm dăm nhìn Vi. Nhìn không chớp.

Khi Vi đến ngồi trên chiếc ghế đối diện, đầu Trúc lập tức xoay theo. Đôi mắt mở tròn. Trong đôi mắt thẫn thờ đó, Vi mơ hồ thấy có một nét gì soi mói, làm Vi đâm ngại. Luận ngồi xuống bên Vi, thì thầm:

- Cứ nói chuyện tự nhiên. Đừng nhìn Trúc nữa.

Nghe lời Luận, Vi xoay mặt qua chỗ khác. Có cảm tưởng đôi mắt ấy vẫn cứ theo dõi mình. Luận tần ngần đứng dậy:

- Em uống gì, Vi? Ly trà nóng có lẽ tốt cho em.

Luận rời phòng khách, lẹ làng đi xuống bếp. Ngồi lại một mình với Túy Trúc, Vi e dè, xoay mặt lại, thăm dò. Mắt Trúc vẫn trơ trơ, dang dõi nhìn sâu xuống bếp, theo hướng Luận đi. Rồi Luận đi lên. Trên tay lễ mễ ba ly nước sóng sánh. Đặt khay trên chiếc bàn thấp, Luận bưng ly trà bốc khói đến trao tận tay Vi:

- Uống đi em! Đây là loại trà cỏ, có công dụng an thần.

Câu nói của Luận chưa dứt thì cả người Luận đã chao đi. Đầu chúi đến trước. Một dòng nước nóng hôi hổi trút hết lên cặp đùi Vi. Cái tách vuột khỏi tay Luận, rơi xuống thảm trải nhà. Vi hốt hoảng, đứng vùng dậy. Trước mặt Vi, cách có một tấc, là khuôn mặt của Trúc. Đôi môi tím ngắt, run run. Cặp mắt không còn dờ dẫn nữa, mà long lên sòng sọc. Chằng chịt gân máu đỏ. Trật cái tách, hai bàn tay Trúc tiếp tục vươn dài tới trước. Chụp lấy mái tóc xõa của Vi. Vi đứng yên. Chết sững. Toàn thân lạnh ngắt. Luận gượng đứng dậy, quay lại. Đôi mắt cũng mở tròn. Rồi như chợt hiểu, Luận vung tay ra, ôm lấy Trúc. Đến lúc đó, Vi mới sực tỉnh. Để ngã người xuống ghế. Đôi bàn tay mười ngón của Trúc vẫn như những chiếc vòi bạch tuộc, trắng bệch, trơn trợt, dẻo dai, quấn chặt lấy mái tóc Vi. Cả đến mấy phút sau, Luận mới gỡ được Trúc ra khỏi người Vi. Trúc vẫy vùng. Xô dạp. Gầm gừ. In hệt con cọp đói, bất thần bị bứt ra khỏi món mồi ngon. Áo Luận bung hết nút khi chàng ẵm được Trúc lên tay. Trước khi dưa vợ vào phòng, Luận quay lại:

- Em vào giúp anh, chích cho Trúc mũi thuốc an thần.

Vi ngồi yên. Đợi cho bớt run mới từ từ đứng dậy. Từ trong phòng

ngủ vang ra tiếng vật ầm ầm. Xen lẫn với tiếng gầm gừ, càng ngày càng lớn. Có tiếng Luận giục giã:

- Vi ơi! Vô đây đi, em!

Lúc Vi vô đến cửa phòng, mái tóc Luận đã bung lên, áo quần xô lệch. Trúc nằm yên. Tay chân sóng soài. Miệng há hốc. Hai bên khóe miệng, nước bọt trắng tiếp tục sủi ra. Vi lấy thuốc qua ống kim, hai bàn tay run lẩy bẩy. Vẫn giữ chặt Trúc, Luận dặn dò:

- Xong rồi, em! Không có gì phải sợ nữa. Trúc mệt rồi. Em cứ từ từ chích.

Trong bốn năm học, có biết bao nhiêu lần thực tập. Rồi cả năm trời đi làm thực thụ, đã bao phen, Vi phải đối diện một mình, giữa đêm khuya, với bệnh nặng, với bệnh nhân sắp chết, chưa có lần nào, Vi thấy run sợ và vụng về như lần này. Trong tay Vi, cây kim chích cứ rung lên bần bật. Đẩy xong ống thuốc, Vi xoay người trở ra phòng khách liền. Mấy phút sau, Luận ngượng nghịu ra theo. Vừa đi, vừa đưa tay vuốt tóc. Tiến đến bên Vi, Luận ngồi ngay xuống thảm:

- Cho anh xem, chân em có bị phỏng không?

Vén quần Vi lên, Luận xem xét chỗ nước nóng đổ xuống:

- Cũng may là em mặc quần dày.

Ngồi xuống bên Vi, Luận ôm lấy vai nàng:

- Anh xin lỗi em. Anh cũng không ngờ phản ứng của Trúc lại có thể hung dữ đến độ đó.

Nước mắt Vi ứa ra. Luận dứng dậy, xót xa:

- Thôi, để anh đưa em về.

Cũng dâu phải lỗi ở Luận? Vi thấy chạnh lòng:

- Còn chị ấy?

- Trúc ngủ rồi. Sẽ ngủ yên đến tối. Dầu gì thì anh cũng sẽ gọi bà y tá lại. Anh đã có dặn bà ta đợi ở nhà.

Suốt ngày hôm đó, ở gian nhà trọ, họ nằm kế bên nhau. Rã rời. Buồn bã.

Khi đưa Vi ra về, Luận an ủi:

- Trúc phải chấp nhận. Anh đã phải chịu đựng năm, bảy năm trời rồi. Đã đến lúc anh phải sống cho... mình.

Bất ngờ, Luận đổi đề tài:

- Chỉ lo bé Chu. Nó còn nhỏ.

Nhìn cặp mắt u sầu của Luận, Vi thương cảm:

- Thể xác nó tàn tật, nhưng óc não nó sáng suốt. Mình còn có thể nói cho nó nghe được.

Luận nhún vai:

- Nó là một cái gì của em. Còn... bà ấy! Đâu phải là một món nợ, để anh phải trả suốt đời. Viện tâm thần mới là nơi cho bà ấy sống.

Vi giật mình, nhìn Luận. Lần đầu tiên, sau cả nửa năm trời quen nhau, Vi nghe Luận gọi vợ, không bằng tên, mà bằng hai từ "bà ấy" dửng dưng, xa lạ.

Vi về nhà. Bé Chu ở trong phòng, đóng kín cửa lại. Bà Sonia cho biết là trong lúc Vi đi vắng, Chu không chịu ăn. Vùng vằng quăng tất cả đồ chơi ra cửa sổ. Khi Luận phôn tới hỏi thăm, Vi không kể phản ứng của con mình. Luận đã có đủ nỗi lo, về phần chàng. Vi hỏi qua về Trúc, Luận lạnh lùng trả lời:

- Vẫn vậy. Anh muốn cho bà ấy quen với sự vắng mặt của anh.

Mấy hôm sau, gặp lại Luận ở nhà thương, Vi thấy mặt chàng hốc hác. Đôi mắt lờ đờ của người thiếu ngủ. Trên cổ, trên tay đầy những vết xước, vết bầm. Vi nhìn, nhìn sững, rồi quay mặt đi. Len lén chùi nước mắt.

Hè năm ấy, Vi và Luận đi nghỉ mát hai tuần, ở một hòn đảo cách xa đất liền. Luận nói đúng. Phải cho Trúc, cho cả bé Chu, tập thói quen, sống với người khác.

Trên hòn đảo cách biệt, họ có mặt bên nhau. Tay trong tay. Hòa hợp. Như tạo hóa đúc ra họ, cho nhau. Nỗi phiền muộn đã để lại, làm tặng vật, cho kiếp trước. Với kiếp này, chỉ có họ, với nhau. Chỉ có yêu dương. Chỉ còn hạnh phúc.

Đêm cuối cùng của tuần đầu tiên ở đảo, Luận đặt nhà hàng làm một bữa tiệc nhỏ. Bên cốc rượu nồng. Dưới ánh sáng lập lòe của cây nến đỏ, Luận cầm tay Vi âu yếm:

- Vi, Thúy Vi! Anh muốn cưới em làm vợ.

Đã từ lâu, Vi chờ đợi giây phút đó:

- Em cũng muốn có mặt bên anh suốt đời. Nhưng...

Luận đưa ngón tay trỏ lên ngang miệng:

- Suỵt! Cho anh dứt lời. Bao nhiêu đêm, anh đã suy nghĩ về ngày mai chung sống của hai đứa mình. Hiển nhiên là còn nhiều khó khăn. Nhưng đâu có nỗi khó khăn nào mà không giải quyết được, với ý chí và với tình thương. Về bé Chu, đầu sao thì nó cũng còn nhỏ. Mình cứ từ từ giải thích cho con hiểu. Rồi nó sẽ quen đi. Anh chưa có con. Nó

cũng thiếu một người cha kề cận. Còn về bà ấy thì anh đã có đi hỏi một nhà thương tư, chuyên canh giữ những người bị tâm thần lâu năm. Có bác sĩ, y tá săn sóc ngày đêm. Chỉ còn dợi em quyết định là anh đóng tiền.

Vi thấy động lòng:

- Có tội chị ấy không, anh?

Luận rít mạnh một hơi thuốc dài:

- Anh cũng có nghĩ đến điều ấy. Nhưng anh cũng đâu có thể làm gì hơn được nữa? Bằng chứng là anh đã hết lòng. Đã kề cận trong chừng đó năm trời mà bệnh trạng của bà ta cũng đâu có thuyên giảm.

Trên đường về, dưới hai hàng cây cao, trong gió chiều lồng lộng, họ đi nép vào nhau. Hai người như dán với nhau, làm một. Bốn cánh tay, đan tréo. Hai cặp chân, bước chồng. Hai vành môi, chỉ rời nhau, để thở.

Đêm lại. Trên chiếc giường thơm tho, dưới ánh đèn mờ ảo, họ ái ân cuồng nhiệt. Pha trộn cho nhau nỗi hoan lạc tận cùng. Như mỏ muối, cùng hòa tan, trong biển. Như mây trời, như gió núi, cùng pha trộn, trong mưa. Cho đến khi mệt rã, họ mới chịu rời nhau. Rồi cứ vậy, trần truồng, họ ôm lấy nhau, mà ngủ.

Tiếng chuông điện thoại reo vang. Lúc đêm đã sâu. Lúc trời chưa sáng. Ai gọi đó? Họ đã cắt đứt hết, với thế giới bỏ lại. Chỉ có thể là bà y tá giữ Trúc, hoặc là bà Sonia ở lại với bé Chu. Cả hai cùng thức dậy, cùng mở mắt. Vi tỉnh ngủ, hoàn toàn. Sực nhớ lại mọi chuyện, Luận quơ vội chiếc áo, nhìn qua Vi, vói tay bắt điện thoại:

- A lô, tôi xin nghe.

Mắt Luận chợt mở lớn, chàng ngồi thẳng dậy:

- Vâng, chính tôi. Xin vui lòng nói rõ lại từ đầu. Chuyện đó xảy ra lúc nào?

Một vài giây im lặng, để lắng nghe, rồi Luận lại e dè đưa mắt qua Vi, trước khi hỏi tiếp:

- Bây giờ... đang ở đâu?

Bỏ hai chân xuống đất, Luận hối hả:

- Chúng tôi về ngay.

Vẫn nhìn Luận, Vi không dám cất tiếng hỏi. Lấy cái áo bỏ lăn lóc dưới chân giường, khoác vào mình Vi, Luận kéo Vi đứng dậy:

- Mình phải trở về. Ở nhà vừa xảy ra một chuyện... không may.

- Cho ai? Cho bé Chu? Hay cho chị ấy?

Cúi xuống buộc dây giày, Luận nói lấp:

- Nhanh lên, em! Mình phải đi cho kịp chuyến máy bay sớm nhất.

Trên chuyến xe đưa ra phi trường, Luận lắp bắp kể lại: "Đêm qua, lúc bà Sonia đang say ngủ, bé Chu một mình bò lên cầu thang. Rồi ngã xuống. Hiện đã được đưa vào nhà thương".

Vi nghe. Mà tưởng mình mơ ngủ. Làm sao lại có thể xảy ra chuyện đó? Vi cư ngụ ở gian nhà ấy, từ ngày mới tới xứ này. Nhà có hai phòng ngủ trên lầu. Đến lúc bé Chu bắt đầu tập đi, bằng nạng. Để tránh cho Vi nỗi nhọc nhằn, đoàn bảo trợ lấy phòng ăn, ở dưới, sửa lại thành phòng ngủ cho Chu. Có cả phòng rửa mặt, kế cận. Từ đó, Chu không bao giờ còn cần phải lên tầng trên nữa. Những hôm Vi phải đi làm đêm, bà Sonia ở lại, cũng ngủ ngay ở ghế đài, nơi phòng khách, để canh chừng.

Ngồi trên máy bay, Vi không dừng đặt câu hỏi:

- Hay là nó mò ra kiếm bà Sonia ở phòng khách, rồi vì đèn tắt, vấp phải chân cầu thang, té ngay ở đó?

Luận đưa tay qua, siết lấy vai Vi, không trả lời.

Lúc Luận và Vi tới nhà thương thì bé Chu vẫn còn đang ở trong phòng mổ. Để Vi ngồi ở phòng đợi, Luận chạy đi tìm nhân viên phụ trách việc nhận bệnh. Bao nhiêu giờ, bao nhiêu phút trôi qua. Luận trở lại, ngồi vào chiếc ghế trống bên cạnh Vi. Mắt Luận nhìn qua hướng khác, lúc chàng cất tiếng nói:

- Vi! Nghe anh nói đây: tình trạng của con cũng khá nặng, nó đã ngã, từ đầu cầu thang thật.

Vi đưa một bàn tay lên, bụm lấy miệng:

- Vậy nó... chết rồi sao?

Vẫn tránh nhìn Vi, Luận lắc đầu:

- Dâu có. Bằng chứng là cuộc giải phẫu vẫn còn tiếp tục. Anh vừa gặp bà Sonia. Bây giờ anh đưa em về nhà, thay đổi áo quần. Khi mình trở lại thì cũng vừa lúc con ra.

Lúc họ trở lại nhà thương, bà Sonia vẫn còn đó. Đang khóc. Bé Chu đã được đưa ra khỏi phòng mổ. Trên chiếc giường hồi sinh, giữa bao nhiêu dây nhợ, bao nhiêu bình lớn, bình nhỏ lủng lẳng, bé Chu nằm dài. Bình thản, như đang ngủ. Vi đứng sững, nhìn con. Vẫn tưởng mình mơ ngủ. Rồi Luận trở lại, với cái ghế, cho Vi ngồi. Nhân viên bệnh viện vẫn ra vô. Luận vẫn khi hiện, khi biến. Cái chụp dưỡng khí trên mặt Chu, vẫn nhịp nhàng lên xuống, theo nhịp thở. Cặp mắt Vi

vẫn chỉ dậu trên khuôn mặt nhỏ nhắn của Chu. Như một người chưa bao giờ rành việc, để có thể theo dõi bệnh trạng bằng máy móc, bằng đồ thị, bằng cả những mũi kim qua về, nhảy múa, nhấp nhô.

Trời tối dần. Có bóng người, không phải là Luận, tiến sát đến bên Vi. Có một bàn tay, cũng không phải tay Luận, dè dặt để lên vai Vi. Có một giọng nói ngoại quốc cất lên, bên tai Vi. Có tiếng Luận đỡ lời. Rồi Luận vòng tay, dìu Vi đứng dậy. Người Vi cứng đờ. Đôi chân tê liệt. Khi ra đến cửa phòng, Vi quay đầu lại. Bên giường bé Chu, hai người y tá đang từ từ tháo gỡ. Cầu chì điện, được rút ra. Dây nhợ, được quấn lại. Mặt bé Chu, được phủ khăn kín mít.

Về đến nhà, Luận cởi áo khoác cho Vi, rồi ép Vi uống thuốc. Vậy là Vi ngủ.

Lúc Vi tỉnh dậy, trời cũng đã sáng. Bên cạnh nàng, cũng còn có Luận. Hình như Vi có ra khỏi nhà, có đi nhiều nơi, có làm nhiều việc. Theo lời Luận hướng dẫn. Có ra cả vườn hoa của thành phố. Có thấy cây cao, có nghe tiếng chim hót trên cành.

Những ngày hè của Luận, chấm dứt. Những ngày hè của Vi, được kéo dài. Vì nàng mới có tang.

Rồi có một ngày, cũng giữa mùa đông lạnh, lần đầu tiên, từ ngày bé Chu mất, Vi thức dậy, bên cạnh nàng không có bóng Luận. Dưới chân đèn ngủ, Luận để lại mấy chữ: "Thức ăn sáng anh đã làm sẵn. Em cố gắng ăn hết. Nhớ uống mấy viên thuốc anh để kế bên ly nước trái cây. Hôm nay anh có ca sanh khó. Có cần gì, em cứ liên lạc ở phòng hộ sản...".

Vi đứng dậy. Đi lang thang trong nhà. Từ tầng trên, xuống tầng dưới. Nhà cửa im lặng. Vắng hoe. Trong phòng ngủ của bé Chu, nệm gối đã thu dọn gọn ghẽ. Ngồi xuống giường con, Vi thẫn thờ đưa tay kéo chồng sách vở đủ màu. Cũng đã được sắp lại ngay ngắn, trên chiếc bàn nhỏ. Là dấu tích còn lại độc nhất của thằng bé. Trong tập vở mới thay, qua mấy trang đầu có chép bài vở, chữ viết nguệch ngoạc, ở trang sau cùng có một hàng chữ nắn nót. Đậm nét. Rõ ràng: "Mẹ ơi! Con thương mẹ. Con nhớ mẹ nhiều lắm".

Nước mắt Vi tuôn ra lai láng. Làm nhòa cả trang vở học trò. Từ ngày bé Chu mất, lần đầu tiên Vi được khóc tha hồ. Được khóc thả cửa. Được khóc chán chê. Nó nhớ Vi là phải. Từ lúc mới ra đời, nó chỉ có Vi. Mấy tháng trời ở dảo, chỉ có hai mẹ con hủ hỉ. Những ngày mới đến xứ sở này, giữa mùa đông lạnh, cũng chỉ có hai mẹ con hôm sớm. Rồi Vi có Luận để yêu đương. Để khuây khỏa. Còn nó có ai?

Vi nhớ lại, thời bé Chu mới bị bệnh, thấy cặp chân nó từ từ teo nhỏ, mẹ nàng có lên chùa, nhờ thầy cúng giải sao. Khi trở về nhà, bà thủ thỉ: "Hòa thượng trụ trì nói rằng vì kiếp trước, vợ chồng con có mắc nợ của nó. Kiếp này nó phải đầu thai lên, để đòi. Khi nào đòi xong nợ thì nó sẽ đi".

Bây giờ nó đi thật rồi. Mà nợ của nó, Vi dâu đã trả xong? Hình ảnh nó, cái xác nhỏ xíu, ngay chừ, phủ vải kín mít, vẫn còn đó. Như một ám ảnh tội lỗi. Quay quắt. Không rời. Đâu có thể gọi là xong được? Mà sao chỉ có một mình Vi phải trả? Còn Dông nữa, cũng là cha nó vậy? Cho đến giờ phút này, Dông vẫn bình yên, tự tại. Bên những khổ đau, dằn vặt mà Vi đã phải cam chịu một mình. Vậy thì, cán cân công lý, trời đặt ra để làm gì? Còn nỗi bất công, oái oăm nào nữa, dành cho Vi trên cõi thiên đình ngất ngưởng đó? Còn Túy Trúc? Ngày nào, ở phòng khách nhà Luận! Cái tay trắng bạch vươn dài tới mặt Vi, như cái nhụy của loài hoa ăn thịt. Đôi mắt long lên, đầy cả gân máu đỏ. Rồi những tiếng gầm gừ, phẫn nộ, ấm ức thoát ra, từ cái miệng sủi bọt của người đàn bà điên loạn. Vi giật mình. Vậy là Trúc vẫn còn biết đau khổ. Vậy là, trong tận cùng âm u của vũng lầy trí thức, vẫn còn lại một chút tinh anh. Đủ để hiểu. Để chống trả. Để ôm chặt lấy cái gì của riêng mình. Bất giác, Vi rùng mình, hoảng sợ. Món nợ trước, Vi trả chưa xong, chưa biết đến bao giờ mới thật sự xong. Vi dâu còn dám ôm dồm thêm nợ mới.

Như trong cơn mộng du, Vi lê bước lên phòng mình, dáo dác tìm lại sổ ghi địa chỉ. Hồi mới tới đây, có một lần, Vi theo cô bạn cũ, lên tận phía Bắc Québec, để thăm bà dì ruột của cô ta, đang tu, trong một nhà tu kín. Nhà dòng đó, năm 75, mở cửa đón nguyên một dòng khác, từ Việt Nam chạy nạn qua. Từ đó đến nay, có nhiều bà sơ già đã chết. Số còn lại, chừng dâu năm, bảy người. Lúc Vi và cô bạn đến thăm, mấy bà sơ già đồng loạt túa ra. Bủa vây lấy hai người. Vồ vập. Lăng xăng. Tíu tít. Như bầy quạ con, mừng mẹ, đi kiếm mồi về. Đứng giữa những vòng tay nồng nhiệt, những ánh mắt reo vui, những nụ cười hồn nhiên, dôn hậu, Vi ngạc nhiên đến sửng sốt. Đồng thời cũng lâng lâng sung sướng. Như vừa lạc vào một thế giới khác. Hoàn toàn khác. Một thế giới không tội lỗi. Không lo toan. Không bon chen. Không tranh chấp. Không tài sản. Chỉ một nhúm người lớn tuổi. Bỏ xứ. Lạc loài. Không gia đình. Không tài sản. Sống cách biệt với xã hội loài người. Quanh mình, chỉ có bạn tu và tượng... Chúa. Vậy mà, họ bằng lòng. Vậy mà, họ hạnh phúc. Đức tin nào đã đem đến cho họ, nỗi thanh thản, bình an đó?

Liếc nhìn đồng hồ, Vi kéo vội chiếc va ly ra. Bỏ vào đó mấy bộ đồ, mấy thứ giấy tờ, ít tiền lẻ còn lại, Vi gọi taxi, hồi hộp đứng đợi.

Khi xe chạy đi, khi tầm mắt Vi thoát khỏi căn nhà cũ, Vi ngả người ra sau nệm xe. Nước mắt Vi bồi hồi tuôn chảy. Vậy là Vi xa Luận mãi mãi rồi. Sao người yêu của Vi lại là Luận, mà không là ai khác? Với một hoàn cảnh khác? Và sao Vi lại chọn chỗ gởi thân là một dòng tu, mà không là một nơi chốn nào khác? Vi đâu phải là người Công giáo, cũng đâu có biết gì về giáo lý của nhà thờ? Phải chăng đó là nơi tu hành độc nhất mà Vi có dịp đến. Có dịp thấy. Từ ngày đặt chân, lưu lạc xứ người. Vi đâu còn ai thân thích nữa. Cũng đâu có biết nơi chốn nào, để về. Thôi kệ! Mặc cho số kiếp rủi may. Vi cũng đâu còn gì nữa, để tiếc?

Hồ Phổ Lại

Canada 28-7-1993

PHAN NI TẤN (N.D.)

về châu đốc

Ăn cơm Cao Lãnh dưới ghe
Nước phù sa nhuộm đỏ hoe hình hài
Mua xoài một chục mười hai
Vừa cạp vừa lóng tai nghe tiếng gà

Dừng bên Long Khánh dòm qua
Thấy cô Hồng Ngự áo dà nâu tươi
Hiền Lương mà cũng dữ trời
Chèo xuống Thường Phước cự người thất nhân

Gặp Tân Châu lúc chiều tàn
Cái hồn năm lụt chàng ràng dâu đây
Như trời mưa nắng đổi thay
Tôi sầu cô ấy áo bay theo chồng

Đêm rời bến bắc Châu Giang
Thò tay với mớ trăng ngàn trôi sông
Biểu sao không khởi pháp phồng
Ai bên Châu Đốc dứng trông ai về

TRIỀU HOA DẠI

đêm bỗng trăng

Đêm bỗng
bơ vơ giấc ngủ trăng
mà sao. Sông thoáng gió qua đồng
áo xưa, ai mặc nên ngày mới
thoảng bặt như tìm mộng, rất mong

Một giấc ta, giấc thật mơ hồ
tan lòng nhân thế, sớm hay trưa
mây trôi, chiều chiều ru quạnh vắng
ngồi dậy đong đưa một lối về

Ở với ta
đêm của nhau ơi
hoa phai, hoa nở mãi hiên ngoài
mà ai biết được điều xưa ấy
vẫn tiếng đi về của dấu vui

Đêm trăng đi mãi
ở mô tê
chim chóc bay, run rẩy môi kề
có nhau, có đấy và không đấy
thở nhẹ hơi người, lạc suối khe

đong đưa nắng chiều

Em về
ngang phố đìu hiu
chân son
dẫm động
nắng chiều đong đưa
tóc bay
vờn
đuổi gió đùa
môi vui
hôn gửi
tình xưa
dỗi hờn

TRẦN MỘNG TÚ

vằng vặc trăng rằm

Cha tôi vuốt lại những chiếc nan tre cho thật nhẵn (những chiếc nan này đã được ngâm nước từ mấy hôm trước cho mềm), người dùng ngón tay trỏ nhúng vào bát hồ quết lên từng chiếc nan một, những mảnh giấy bóng kính (dùng làm cửa sổ) và giấy bóng mờ (dùng làm tường), giấy bìa cứng (dùng làm nóc) đã được cắt sẵn theo ni tấc. Cha thận trọng dặt từng chiếc nan đã quết hồ lên giấy, đợi một lúc cho khô rồi người mới bắt đầu dựng đình. Chúng tôi đứng chung quanh xem cha làm với tất cả tấm lòng háo hức. Thỉnh thoảng cha lại sai đi lấy cái này cái kia, mấy đứa con tranh nhau đi lấy cho cha.

Năm nào cũng vậy, trước Trung Thu mấy hôm, cha tôi sửa soạn làm đình, làm đèn kéo quân, đèn ông sao cho anh chị em chúng tôi. Chiếc đình cha làm có ngói âm dương như sóng lượn, có bốn đầu mái cong lên như đình làng, có cửa ra vào, cha còn cho thêm cửa hông nữa, cửa này dán bằng dấy bóng kính để chúng tôi có thể nhìn rõ đồ dạc bầy ở bên troug. Cả cái đình được dựng bằng nan tre và dây mà trông rất chắc chắn nhờ dán bằng hồ. Đèn kéo quân thì cha tôi dùng toàn giấy bóng mờ. Những hình người đuổi nhau giữa hai lớp giấy khi ngọn nến thắp lên làm nóng cái trục quay ở giữa bao giờ cũng được chúng tôi nhìn bằng những cặp mắt thán phục. Cái đèn ông sao với năm cánh đều đặn được dán xen kẽ một cánh bằng giấy kính, một cánh bằng giấy mờ. Khi đình và đèn đã làm xong, cha tôi bắt đầu dùng mía để tiện ông công, ông táo, những hột bưởi cũng đã được phơi khô cả mấy tuần trước xâu lại thành từng dây để chờ đốt. Tiệc Truug Thu của chúng tôi bao giờ cũng hấp dẫn được tất cả trẻ con cùng xóm. Làm sao mà không hấp dẫn! Với cái đình mái xanh uốn cong có đủ cửa chính cửa phụ, trong đình có cột dán câu đối, có bệ cao, có tượng thờ, trước cửa đình có cây da, có bậc đá (tất cả đều bằng giấy) và những cái đèn dán giấy xanh đỏ.

Vào đêm rằm, dưới ánh trăng vằng vặc, cha tôi bê ra giữa sân một chiếc bàn tròn to, trên đó cái đình được xếp ở giữa, chung quanh có một chiếc bánh dẻo to bằng cái mâm, trắng muốt thơm nức mùi hoa bưởi; những con giống nặn bằng bột màu rất đẹp (mẹ tôi mua ở chợ

về cho chúng tôi), nào là con cá vàng hai mắt lồi ra, cái đuôi uốn cong như một giải lụa được thổi tung trong gió; đàn vịt mẹ, vịt con vàng chóe; con gà trống có cái đuôi làm bằng lông gà thật được nhúng vào phẩm hồng đứng oai phong bên con gà mái hiền lành; có cả một đàn heo mũm mĩm nữa; quả na, quả đào, nải chuối cũng được nặn rất khéo léo, bầy ra cùng với những cái bánh nướng loại đặc biệt cho trẻ con có hình con heo, con gà (bánh mỏng không có nhân). Những múi bưởi cũng được mẹ tôi bóc ra lớp sơ bên ngoài rồi lật cong lên khoe những con tép bưởi mọng nước trắng nõn. Đã hết đâu, còn có cả một đĩa hồng trong như mã não, một đĩa cốm non xanh như ngọc xếp cạnh nhau như một cuộc hôn nhân môn đăng hộ đối; sau cùng là đĩa kẹo mè, kẹo bột nằm khép nép bên đĩa trái cây xếp đủ các loại trái cây ngon của tháng tám.

Ôi! Tuổi thơ trên quê hương của chúng tôi đẹp như những trang cổ tích. Trong đó có cha tôi với giọng nói chậm rãi hiền từ, với tấm lòng thương yêu con cái mà tôi không biết nói thế nào cho đúng dù bằng những lời giản dị và chân thành nhất.

Với hầu hết những gia đình khác thì người cha là một người nghiêm nghị, dậy dỗ con cái vào khuôn vào phép làm cho các con kính sợ mà không dám đến gần, thì gia đình tôi, cha tôi lại là người cho chúng tôi chạy đến, nhờ bao che mỗi khi bị mẹ răn dậy đánh phạt, hay xin một cái gì mà mẹ không cho.

Tôi không muốn ví cha tôi là một ngọn núi vì ngọn núi thì cứng rắn và hùng vĩ quá, tôi cũng không muốn ví cha tôi như một dòng sông vì nó có vẻ xa vời và mông lung quá, cha tôi giản dị đơn sơ lắm. Người không hùng vĩ cứng rắn và cũng chẳng mông lung, người không có những cao vọng xa vời. Đối với tuổi thơ của chúng tôi, cha tôi là tấm chăn ấm áp mùa đông mỗi khi tôi chợt thức dậy vì lạnh, là ly nước mưa trong suối ngọt lịm trong những buổi đi học đang nắng về, là chiếc khăn mặt cha lau nước mắt, nước mũi cho khi bị mẹ đánh, phạt quỳ, là chén cơm cha lén giấu vào phòng cho ăn khi bị mẹ phạt bắt nhịn cơm, là cái ổ rơm êm ái cho nhường cho vợ con trong những ngày tản cư về hậu phương, là những chiếc diều cha nối sợi dây thật dài dắt các con lên đê thả, là những cái cần câu bẻ ngay ở bụi tre đặt vào bàn tay nhỏ xíu của các con.

Tôi nhớ vô cùng những mùa hè của tuổi thơ thỉnh thoảng được ngủ với cha (dù lúc đó tôi đã hơn mười tuổi), cha tôi một tay quạt một tay xoa lưng con gái (cái lưng nhỏ bé rôm sẩy mùa hè), tôi nằm trong lòng

cha như một con cá bống, đọc lại cho cha nghe những bài học thuộc lòng từ lớp tư, lớp ba rồi đến những bài ở lớp nhì lớp nhất.

Từ bài học thuộc lòng ở lớp tư về sự lễ phép như:

Gặp người già lão
Ta nên kính chào
Chớ có hỗn hào
Mà ai cũng ghét
Thấy ai đói rét
Chớ nên chê cười
Ấy cũng là người
Cùng nòi giống cả

Rồi đến bài học thuộc lòng ở lớp ba về phép vệ sinh như:

Quần áo che thân thể
Sao cho hợp tiết thời
Không nên lòe loẹt quá
Chỉ cốt sạch thơm thôi
Áo mỏng năng vò giặt
Áo dầy phải chải phơi
Rách đâu nhờ mẹ vá
Bẩn thỉu bạn chê cười

Cho đến những bài học thuộc lòng ở lớp nhất như bài Hận Sông Gianh có những câu như:

Ôi Việt Nam cùng Việt Nam gây hấn
Muôn ngàn xưa để hận cho dòng sông
Mộng bá vương Trịnh Nguyễn có còn không
Nhục nội chiến muôn năm còn in vết
Ôi Việt Nam nơi nồi da sáo thịt
Nơi con Hồng tàn phá giống Lạc Hồng
Nơi máu Hồng nhuộm đỏ xuống dòng sông
Máu nhơ bẩn muôn đời không rửa sạch

Tôi đã dọc ngọt ngào trong lòng cha tôi như con chim nhỏ biết có người thưởng thức tiếng hót của mình. Cha tôi có đôi lúc yếu lòng đã gọi tôi là Thần Đồng (cha mẹ nào mà chẳng có đôi phút yếu lòng nghĩ con mình là thần đồng), nhưng cha tôi không hề đi khoe với họ hàng, bạn bè rằng người có cô con gái có trí nhớ tốt. Và tôi đã là thần đồng trong bóng tối của riêng mình cha tôi mà thôi.

Tôi cũng chẳng bao giờ có thể quên được những năm tháng đầu tiên trên đất khách. Cái hình ảnh của cha tôi ngồi bên cửa sổ từ từng lầu ba của khu chung cư nhìn xuống góc đường chờ con đi làm về. Con

nhìn lên, bố nhìn xuống đưa tay vẫy nhau, cha tôi đi cầu thang từ lầu ba xuống đón con, dỡ trên tay con cái bóp hoặc gói thực phẩm con mới đem về mang vào trong bếp cho mẹ nấu nướng, rót ly nước đưa vào tận tay con như ngày xưa còn bé.

Rồi con đi lấy chồng, đón cha mẹ về ở chung, bà trông cháu, mẹ nấu ăn, ông cả ngày sơn nhà, sơn cửa, sơn cả từ viên gạch lát trên lối đi (con rể đi làm về tưởng đi lạc vào nhà người khác).

Ôi! Đã bao nhiêu mùa trăng tháng Tám đi qua trong đời tôi. Trăng quê hương và trăng đất khách, cứ mỗi lần ngẩng mặt nhìn trăng tôi lại se lòng nhớ đến những kỷ niệm ngọt ngào thuở chưa mất cha, mất mẹ. Tôi lại bâng khuâng thương cho tuổi thơ của các con tôi, những đứa trẻ không được học những bài học thuộc lòng về kính trọng người già lão, không hề biết thế nào là miếng vá trên chiếc áo rách và không biết đến bao giờ thì chúng mới hiểu được cái Hận Sông Gianh. Tôi có cố gắng bằng tất cả khả năng của mình đi chăng nữa thì các con tôi cũng chỉ hiểu một cách rất mơ hồ về cây đa, chú cuội. Mặt trăng của chúng đã in dấu chân người.

Trang sách cổ tích đã gấp lại cùng với quê hương ngàn dặm, nhưng hình ảnh của cha tôi ngồi làm chiếc đinh giấy cho các con vào những ngày Trung Thu thì vẫn vằng vặc trăng rằm.

Trung Thu 1992

Trần Mộng Tú

ĐÍNH CHÍNH

Trong bài Sáng Tạo Chung Quanh Chữ Sáng của Ngu Yên trong Văn Học số 90, phần cuối, tòa soạn in thiếu phụ bản dưới đây. Xin cáo lỗi tác giả và quý bạn đọc.

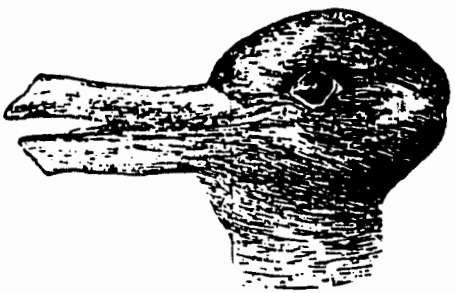

MAI KIM NGỌC

lập thu

Ta đi dưới trời hanh ấm áp
Nghe hơi may thấm lạnh đôi vai
Lúa mạch chín từng bông trĩu hạt
Táo nho thắm đỏ cánh đồng
Chờ trông mùa gặt hái

Năm muốn già mà hè còn níu lại
Chút nắng tàn hấp hối ngất ngây
Đất trời tỉnh say nôn nao ngóng đợi
Giây phút giao mùa

Trang trọng lắm
Trên dậu cây héo úa
Dưới cội phong già
Chắc chỉ đêm qua mới rụng
Nguyên vẹn như hoàng kim mới đúc

Một chiếc lá vàng

Ngỡ ngàng
Đón thu sang

huế

Ta về thăm xứ Huế
Thuyền cột gốc sung già

Ngẩng mặt tìm trăng
Chỉ thấy vạn tinh cầu lấp lánh
Từ vô biên về đậu trên cành

Ta về thăm Vĩ Dạ
Thuyền cột gốc sung già

Ngoảnh mặt nhìn sông
Chỉ thấy vạn tinh cầu lấp lánh
Lơ lửng về xuôi
Dây Hương giang hay sóng nước Ngân hà

Ta về thăm dĩ vãng
Thuyền cột gốc sung già

Quay lại tìm em
Chỉ thấy vạn tinh cầu lấp lánh
Xa vắng hư vô tận đáy tâm hồn
Mắt người xưa hay trời sao xứ Huế
Chuyện ngày xưa hay muôn kiếp u hoài

BERNARD COOPER
TRƯƠNG MỸ VÂN dịch

hái mận

Bernard Cooper là một văn sĩ tên tuổi hiện nay tại Mỹ. Ông nổi tiếng từ những tác phẩm đầu tiên đăng trên các tạp chí văn chương và hồi ký "A Clack of Tiny Sparks" năm 1991. Tập tiểu luận "Maps to Anywhere" của ông được giải thưởng hội văn bút PEN USA Ernest Hemingway Award năm 1991. Hiện ông sống tại Los Angeles, Hoa Kỳ.

Truyện "Hái Mận" được dịch từ nguyên tác "Picking Plums", sáng tác mới của ông vào tháng 8, 1992. Nội dung truyện đề cập đến mối liên hệ giữa hai cha con và những tương quan hệ lụy đối với tình nhân họ, thứ tình cảm gắn bó vượt ra ngoài quy ước thông thường, bất chấp sự kỳ thị chủng tộc và cái nhìn khắt khe của xã hội. Truyện của ông nổi tiếng vì kỹ thuật diêu luyện và lối sử dụng ngôn ngữ tài tình, nhất là đối với những đề tài thời thượng.

Từ ngày cha tôi bị té lúc đang hái mận đến nay đã gần một năm rồi. Những vết bầm tím trên dùi ông tan dần và ngoại trừ màu da còn tái xanh chung quanh vết thương nơi bắp vế, cha tôi đã hoàn toàn bình phục. Ông trở lại thói quen buổi chiều hay đi bộ quanh xóm. Ông bảo tôi, "Tám mươi lăm tuổi mà đi như ba là nhanh lắm đấy nhé". Ông thường mặc bộ áo thể thao màu xanh còn dính nước trà Lipton và vết mứt dâu của mấy cái bánh chiên doughnut mà ông ưa thích và không tài nào bỏ được mặc dầu bác sĩ đã căn dặn ông nhiều lần.

Khi cha tôi té từ trên cây xuống, ông làm gãy luôn cặp kính và cái máy nghe, vì thế hôm vào bệnh viện thăm ông, tôi sửng sốt thấy ông phải ngoẹo đầu, vểnh tai, nheo mắt và khó khăn lắm mới nói chuyện với tôi được. Bỗng dưng cha tôi như già hẳn đi, hoàn toàn cách biệt với tôi và dường như bị kềm hãm bởi giác quan suy yếu của ông. "Có phải Boychick đó không?", ông rán nhướn người lên nhìn về phía tôi rồi nằm phịch xuống chồng gối cao nghệu, thở ra một hơi dài và không cần chờ tôi hỏi, ông kể lể:

- Cả hàng chục quả mận tím rơi đầy sân, thấy mà thèm. Vậy chứ con bảo ba phải làm gì bây giờ? Không lẽ để cho chim ăn à? Còn lâu đấy! Cây mận này là của tao mà. Trước hết ba nhặt những quả dưới đất chất đầy một thùng xô. Rồi ba lấy cái thang trong nhà xe leo lên hái mấy quả trên cao. Ba đã từng leo cái thang này cả trăm lần rồi chứ ít sao, vậy mà không hiểu sao lúc ba leo đến ngọn cây, đang với tay ra xa bỗng nhiêu... ai biết được; khi không tao thành phi hành gia, đầu chúi ngược xuống đất, chân dốc thẳng lên trời. Chuyện xảy ra nhanh quá tao không kịp té đái ra quần nữa đấy! Thế là ba nằm dài dưới đất, hoàn toàn bất tỉnh. Dẫu lúc đó có muốn cầu cứu cũng không kêu được một tiếng. Lại còn thêm cái chân nữa, ôi thôi nhức nhối quá trời. Ba có kể ra chắc con cũng không muốn nghe đâu.

- Vậy chứ ai tìm ra ba?

- Cái gì?

Tôi nhích người lại gần giường và nói to hơn.

- Có ai tìm ra ba đâu! Cha tôi chán nản trả lời. Ba phải chờ đến lúc ngồi dậy được. Cứ nằm đó mà chờ tưởng như cả mấy tiếng đồng hồ. Nói cho con hay, ba tưởng đâu đi đoong rồi đấy chứ! Vậy mà rốt cuộc cũng thở lại được bình thường. Rồi chỉ có trời biết chứ con cũng không nên hỏi tại sao lại lái xe vào bệnh viện được.

Cha tôi dổi thế nằm và nhăn mặt vì đau. Tấm khăn trải giường tuột xuống để lộ cái chân bị thương của ông với bắp vế sưng vù và tím bầm như một quả mận lớn. Bác sĩ bảo ông chỗ da đó bị bầm dập.

Suốt quãng đời niên thiếu của tôi, cha tôi là kẻ tràn đầy sinh lực, hay đúng hơn sinh lực của ông quá tràn trề đến nỗi chiếm hữu ông. Trong tuần ông cắm cúi làm việc ở văn phòng và cuối tuần ông chăm sóc vườn tược trên mảnh đất quanh nhà. Ngoài ra ông còn có tật hay nổi nóng bất thường. Những cơn giận của ông không bao giờ bắt nguồn từ những biến cố lớn. Lúc phải đương đầu với tai nạn hay bệnh hoạn trong gia đình, cha tôi luôn luôn điềm tĩnh, có phương pháp và còn lạc quan nữa. Trước nghịch cảnh ông vẫn giữ lối pha trò không đổi, tật vỗ vai cố hữu và luôn luôn túc trực bên giường bệnh của người thân. Tuy nhiên chỉ cần một điều nhỏ nhặt như cái ly nước của ai đó để quên trên bàn cũng đủ làm ông nổi trận lôi đình. Miệng ông phun nước bọt phì phì, mặt đỏ gay và tiện tay ông cầm cái ly ném thẳng vào tường!

Tánh nóng nảy bất thường của ông không làm mẹ tôi nao núng tí nào. Bà thường chậm rãi châm điếu thuốc lá Tareyton, đứng sang một bên nhìn cha tôi giận dữ la hét cho đến khi ông phun hết những lời độc

địa cuối cùng của ông. Rồi như một mỏi vì hết sức lực, ông rút vào phòng khách, kéo kín màn cửa, ngồi ủ ê suy ngẫm hàng giờ trên ghế bành.

Ngay khi còn nhỏ, tôi đã hiểu nghề nghiệp cha tôi làm vẩn dục cái nhìn của ông về cuộc đời và biến ông thành một kẻ thận trọng nhưng cũng hay nổi nóng bất thường. Cha tôi đã phải ngồi hàng giờ nghe các bà vợ bị bỏ rơi buộc tội chồng và nghe các ông chồng kể thì khóc lóc đòi ly dị, người thì phun ra những lời độc địa buộc tội nhau, thậm chí có kẻ còn dấm bàn đòi một hai phải trả thù cho bằng được. Thuở đó luật pháp ở California bắt buộc bằng cớ ly dị phải được chứng tỏ tại tòa, vì thế cha tôi thường mang trong cái cặp to tướng của ông không những giấy tờ liên quan đến luật pháp và những bì thơ dày cộm màu vàng, mà còn thêm các hóa đơn tiền phòng ngủ khách sạn, những hộp diêm của các quán rượu và cả đến mấy cái quần lót còn dính vết son môi, bằng chứng lúc ra hầu tòa của dám thân chủ của ông nữa.

Có lần sau một vụ kiện ly dị dai dẳng và thâm độc, cha tôi bằng lòng đưa gia đình ra khỏi thành phố nghỉ cuối tuần. Mẹ tôi đề nghị đi Palm Springs và không ngớt ca tụng không khí ấm áp nơi đó, những cây xương rồng ban đêm sáng rực ánh đèn màu và nhất là con đường mang tên vua hề trứ danh của Mỹ là Bob Hope. Thế nhưng đến lúc gần khởi hành, mẹ tôi cứ liên tục nhớ đến những món đồ bà quên mang theo. Cha tôi vừa lùi xe ra khỏi ga ra, mẹ tôi đã vội vàng kêu ông dừng lại để bà chạy vào nhà lấy thêm vài thứ - bịch thuốc lá Tareyton, chai thuốc chống nắng Solarcaine, quyển tiểu thuyết để bà đọc lúc nằm phơi nắng cạnh hồ bơi. Tôi câm như hến ngồi bất động ở băng sau và cảm thấy mỗi lần mẹ tôi chạy vào nhà lấy thêm một vài thứ là mỗi lần cơn tức giận của cha tôi lại nổi lên bừng bừng. Đến lúc mẹ tôi khăng khăng đòi trở vào nhà thêm lần nữa để lấy phong bánh mặn đề phòng đi dọc đường có đói thì ăn, lúc đó cha tôi không còn nhịn được nữa. Ông nhìn trừng trừng vào mặt mẹ tôi rồi lao ra khỏi xe và đi vòng về phía sau. Ông lôi tất cả hành lý ra khỏi thùng xe rồi đóng ập cánh cửa bằng tất cả sức mạnh của cơn thịnh nộ của ông đến nỗi cái xe phải lắc lư.

Từ trong xe, mẹ tôi và tôi nhìn cha tôi ném các thứ hành lý lên trời. Hai chiếc va li Samsonite, một cái xách tay bự và cái tráp nhỏ đựng son phấn của mẹ tôi, tất cả đều được cha tôi lần lượt tung lên cao khỏi cái đầu hói của ông. Bầu trời hôm đó xanh thẳm, không một gợn mây nên những khối hành lý xám bay bổng trên không trung rồi uốn éo, vặn mình quay tít giữa trời trước khi rơi bình bịch xuống đất trông

chẳng khác gì những mảnh vụn vung vãi từ giàn phóng của chiếc hỏa tiễn nào đó. Mỗi khi một món hành lý rơi ầm xuống mặt đường nhựa, cha tôi lại nhặt lên và tiếp tục ném trở lại lên trời. Cứ mỗi lần như vậy cổ họng ông lại phát ra những tiếng gầm gừ của một con thú chưa hả giận.

Cuối cùng chiếc va li lớn nhất gãy chốt và mở tung giữa trời. Ngay đến cha tôi cũng ngạc nhiên khi thấy áo quần vợ mình bay lượn giữa không trung rồi từ từ rơi xuống chung quanh ông. Một chiếc khăn quàng màu vàng của bà lơ lửng trên không như tia nắng sớm đang đùa giỡn với ánh mặt trời. Đôi dép lông xù màu hồng té lộn nhào xuống mặt đất, chiếc áo choàng mỏng manh bay về lối ra vào trước cửa ga ra, rồi như có bàn tay vô hình nào đưa đẩy, lại bay trở về nằm vắt ngang trên bờ rào. Lúc đó cha tôi hậm hực bỏ vào nhà, cổ và thái dương ông nổi lên những đường gân xanh thẫm. Mẹ tôi lẩm bẩm than: "Thật tao chán cái trò này lắm rồi!" và bà cúi xuống nhặt mớ áo quần hỗn độn, vương vít vào nhau như tấm bản đồ thế giới nhiều màu, sau khi dụi tắt mẩu thuốc lá đang cháy lập lòe trên mặt đất.

Lâu lắm, mãi về sau khi tôi đã dọn ra khỏi nhà, một tối nọ cha tôi gọi điện thoại cho biết mẹ tôi vừa mất đêm hôm trước. "Nhưng hôm đó ba đâu biết mẹ con mất", ông bảo tôi.

Theo lệ thường, cha tôi dậy sớm và ôn lại trong đầu vụ kiện ngày hôm đó lúc ông đang tắm và cạo râu. Mẹ tôi vẫn còn nằm yên trên giường như đang ngủ say, cánh tay vắt ngang trán che mất cặp mắt bà. Khi cha tôi ngồi xuống bên mép giường để mang vớ, ông cố gắng nhẹ người để đừng làm mất giấc ngủ mẹ tôi. Ông lập đi lập lại rằng mọi việc sáng hôm đó không có gì khác thường, từ chiếc gối cái mền cho đến cách mẹ tôi nằm ngủ đều không có gì khả nghi khiến ông phải quan tâm cả. Rồi cha tôi vội vàng đi làm sớm, chỉ dừng lại ăn một cái doughnut điểm tâm dưới phố trước khi vào sở. Thế nhưng đêm đó khi cha tôi trở về, căn nhà có vẻ lạnh lẽo, khả nghi quá. Vẻ vắng lặng làm ông hậm hực, bậm tay gọi lớn, "Lilian, Lilian" rồi ông dò dẫm trong bóng tối, chậm rãi bước lên lầu.

Có lần tôi nhìn thấy bức hình một thiếu nữ nhảy từ tòa nhà chọc trời Empire State Building ở Nữu Ước, rơi xuống trên trần chiếc xe hơi đậu ngay dưới đó. Điều làm tôi ngạc nhiên là cô ta có vẻ dường như vừa nhảy vào mớ chăn nệm êm ái và đang say ngủ, đôi mắt nhắm nghiền, môi hé mở, mái tóc xõa tung như chiếc quạt trần trên trần xe. Tuyệt nhiên không hề có vết máu nào và cả thân hình nàng là biểu tượng một giấc ngủ êm ái.

Khi nghe giọng cha tôi như tắt nghẹn vì xúc động qua điện thoại, bỗng dưng tôi lại hình dung ra mẹ tôi. Cuộc đời bà là một cú nhảy dài suốt sáu mươi năm và mẹ tôi cũng rơi xuống rất êm ái để cuối cùng vĩnh viễn ra đi trong giấc ngủ huyền bí của bà.

Từ ngày mẹ tôi mất vì bệnh tim, cha tôi và tôi dều có cuộc sống bí mật, ít ra cũng bí mật giữa ông và tôi. Dạo đó tôi đang say mê anh chàng Travis Mask vừa từ tiểu bang Kentucky dọn sang Los Angeles. Những gì quá quen thuộc đối với tôi ở đây như các tấm bảng quảng cáo nhấp nháy ánh đèn màu dọc theo đường Sunset Strip ở Hollywood, những tiệm 7-Eleven mở cửa suốt đêm đều làm Travis trầm trồ ngạc nhiên; tiền ở các máy bán thức ăn tự động quanh thành phố và bữa ăn tối nào chàng cũng kể tôi nghe các văn phòng và những câu lạc bộ sinh viên ở các trường đại học nơi chàng đã đến thâu tiền. Travis tỉ tê nhắc lại những kỹ thuật tiểu xảo chàng dùng để mở các loại máy khác nhau và tiếng các đồng bạc cắc rơi ào ào như thác lũ. Con người Travis Mask luôn luôn đầy vẻ phấn khởi vì chàng dễ tính. Những lúc gần gũi nhau, tôi thường gọi tên chàng vì nghe dấy lên niềm hứng thú đầy hoan lạc.

Cha tôi ngược lại lúc đó đang theo đuổi một thiếu phụ nhưng ông muốn giấu kín tung tích của bà với tôi. Tôi đoán biết sự hiện diện của bà chẳng qua chỉ vì bỗng dưng cha tôi thay đổi tính tình. Ông biến thành con người đầy bí mật cũng đột ngột và khó hiểu như những cơn thịnh nộ của ông ngày trước. Mặc dầu tôi phẫn uất vì không được can dự vào đời sống riêng tư của cha tôi, tôi không hề có ý định cho ông biết tôi đang yêu một người đồng giới. Tôi đã mất ba mươi năm mới tạo được mối liên hệ này vì thế tôi không muốn mất đi. Đâu phải tôi thích giấu kín khuynh hướng tính dục của tôi vì tôi đã cho bà con, bạn bè và đồng nghiệp của tôi biết điều này; nhưng với cha tôi thì lại khác. Ông là người đã từng huýt sáo trêu ghẹo các cô bồi bàn, tán tỉnh các nàng thâu ngân viên và cái đầu ông bao giờ cũng sẵn sàng quay ngược như cái máy ra đa nếu có bộ ngực nở nang hay cặp mông hấp dẫn nào đó gần ông nhất. Ngay khi tôi còn nhỏ, cha tôi đã khiến tôi nhớ đến hình ảnh con chó sói trong phim hoạt họa với đôi tai vẹ vẩy, cặp mắt láo liên như muốn nổ tung ra khỏi tròng và cái lưỡi thèm rỏ dãi mỗi khi thấy một thân hình đàn bà nào với những đường cong hấp dẫn. Đối với cha tôi, tính hiếu sắc của nam giới cũng thông thường như trăm ngàn dục vọng khác, hiển nhiên tựa trọng lực từ lòng đất và cần thiết như muôn vàn động lực đang khiến thế giới quay tròn ngày đêm không

ngừng nghỉ. Tôi không nỡ làm cha tôi thất vọng vì chính nghề nghiệp ông tạo cho ông cái nhìn vẩn đục này.

Cuối cùng Travis bị dồi sang thành phố Long Beach. Những đêm vắng chàng trở nên dài lê thê. Tôi dâm ra suy tư, tìm cách gần gũi cha tôi hơn với hy vọng có dịp ông sẽ biết đời sống riêng tư của tôi. Thỉnh thoảng cha tôi và tôi cũng gặp nhau ở tiệm ăn tối tuy thân mật và trang trọng nhưng dưới ánh đèn mờ ảo, cả hai cha con đều nói những câu chuyện vô thưởng vô phạt, cố tình né tránh các câu hỏi liên quan đến đời tư của nhau và chẳng mấy chốc cả hai đều trở thành thiện nghệ với cuộc chạy trốn sự thực này. Có lần cha tôi hỏi dạo này tôi có bạn bè bồ bịch với ai không, tôi thản nhiên đáp trước đây tôi có người bạn thân nhưng nay họ đã dọn sang thành phố khác rồi. Tôi cố gắng dùng đại danh từ số nhiều để không lộ giới tính của bạn tôi. Vô tình tôi có cảm tưởng mình bồ bịch cả tá! Đến lúc tôi tưởng được yên, cha tôi đột ngột tiếp lời:

- Uổng quá! Ba tiếc không có dịp gặp bạn con. Thế thì bạn con dồi sang thành phố nào?

Tôi nhanh trí đảo ngược câu chuyện:

- Còn ba thì sao? Ba có thân thiết với ai không?

Cha tôi chậm rãi đáp:

- Thân thiết? Ba không biết có nên dùng chữ đó không. Thế nào, con gọi món gì, cá hay thịt gà?

Có lần sau khi khám phá ra cả hai đều thích chương trình truyền hình về thiên nhiên và thú vật, từ đó mỗi khi cạn ý về việc bình phẩm thời tiết hay món ăn, cha con tôi không ngớt bàn tán chương trình thú vật và trầm trồ khen ngợi loài cá mù mắt, thân thể trong suốt quanh năm sống ẩn náu trong hang sâu dưới lòng đại dương, hay cuốn phim về loại nai ở Bắc Mỹ với cặp sừng đầy rêu xanh giúp chúng dễ dàng ẩn trốn dưới các bụi cây thấp. Cũng như các giống thú trên mặt đất này, cha tôi và tôi đang tập quen dần với lối ngụy trang trong thế giới thu hẹp đầy bí ẩn của mỗi người.

Rồi tình cờ tôi gặp bà bạn của cha tôi.

Tôi nhớ rõ chiều hôm đó đang đứng trong tiệm tạp hóa Thrifty, trước quầy bán dụng cụ văn phòng chợt ngước lên nhìn thì thấy cha tôi và một thiếu phụ da đen mảnh mai, trạc bốn mươi tuổi. Trong khi cả hai đang chờ dược sĩ bốc thuốc, cha tôi luồn mấy ngón tay vào tóc bà, ngừng lại sau gáy và ánh đèn phản chiếu ánh sáng cặp kính của ông khiến đôi má ông bừng lên. Tôi có cảm tưởng như đứa trẻ ăn vụng

bị bắt quả tang vì đang chứng kiến cảnh cha tôi âu yếm thân mật với một người đàn bà lạ mặt. Tôi không biết nên đứng lại hay bỏ đi. Có thật từ trước đến nay cha tôi vẫn thích đàn bà da đen trẻ đẹp không? Hóa ra tôi không hề hiểu cha tôi hay sao? Tôi gắng gượng bước lại gần, ấp úng chào. Cả hai người đều quay lại một lượt. Cha tôi trợn tròn mắt, đưa tay nắm vai tôi và khó khăn lắm mới thốt lên được tên tôi. Ông chưa kịp trấn tĩnh để giới thiệu, tôi đã chìa ra bắt tay và ngạc nhiên vì bàn tay mềm mại của bà. Bà tươi cười thân mật hỏi:

- Thì ra cậu là con trai đấy à? Thế lâu nay cậu trốn ở đâu?

Tuy bà vui vẻ nhưng trên nét mặt thanh tú dường như thoáng mối bận tâm ẩn sau nỗi lo âu nào đó khiến bà không muốn trò chuyện nhiều. Tôi có cảm tưởng mối u sầu của bà không liên hệ gì đến sự hiện diện đột ngột của tôi lúc đó. Khi người dược sĩ gọi tên bà, Anna cáo từ và đi đến quầy lấy thuốc.

Suốt mấy giờ sau khi gặp Anna, tôi vẫn còn nhớ cảm giác mềm mại của bàn tay bà. Phải chăng sự dịu dàng êm ái này đã làm cha tôi say mê bà? Tuy cha tôi đã bảy mươi lăm tuổi nhưng chỉ cần nhìn sự âu yếm bốc đồng công khai của ông đối với Anna, tôi biết cha tôi vẫn còn tràn trề sinh lực. Cuộc gặp gỡ này khiến tôi vui sướng và tràn đầy hy vọng. Ít ra cha tôi và tôi cũng cùng một chung điểm: cả hai đều săn đuổi những đam mê vượt ra ngoài quy ước thông thường của xã hội. Có lẽ cha con tôi có những điểm giống nhau tuy lâu nay tôi không hề biết. Sau bao năm là hai kẻ xa lạ đối với nhau, lần đầu tiên tôi nghĩ cha con tôi có nhiều lý do để tạo mối liên hệ gần gũi sâu đậm hơn trước. Nhưng những ước mơ của tôi chưa kịp thành tựu thì Anna và cha tôi đã sang Âu châu.

Về sau tôi biết hôm đó Anna đang chờ dược sĩ bốc thuốc an thần cho bà vì từ thuở bé, bà đã bị bệnh phiền muộn kinh niên. Bệnh trạng của bà đã tạo cho cha tôi một sứ mạng trọng yếu: cố gắng làm bà vui, giúp bà thoát cơn buồn bã tuyệt vọng. Anna là giáo viên tiểu học phụ khuyết, ngoài ra còn quản trị mấy căn phố cho thuê vùng Trung Nam Los Angeles, nơi có nhiều người da đen ở. Cứ sau vài tuần lễ sinh hoạt bình thường, bà lại dâm ra buồn bã tột độ, nằm bất động ngày nay qua ngày khác trên giường cha tôi, mình cuộn tròn trong chiếc chăn bông do bà mang đến lúc ban đầu để làm căn phòng thêm tươi sáng. Mặc cho cha tôi đùa cợt, khuyên dỗ, âu yếm, sững sờ, im lặng. Những cơn bệnh phiền muộn của bà xảy ra thình lình và cũng đột ngột chấm dứt.

Mặc dầu cả hai cố gắng chung hưởng hạnh phúc những lúc Anna

trở lại bình thường nhưng theo lời cha tôi than thở, họ sống thường trực trong nỗi lo âu phập phồng của những kẻ đi trong giông tố vì không biết bao giờ sét sẽ đánh xẹt ngang đầu họ. Lần cuối khi Anna trở bệnh buồn bã tuyệt vọng gần đây nhất, cha tôi và bà quyết định chung tiền sang du lịch Âu châu với hy vọng giúp bà qua khỏi cơn bệnh tâm thần này.

Cha tôi và Anna trở về Los Angeles mang theo nhiều tấm hình chụp hai người đứng trước tháp Luân Đôn ở Anh, tòa thánh Vatican ở Ý, điện Versaille ở Pháp và nhiều danh lam thắng cảnh khác. Hình nào cũng vậy, nét mặt hai người phảng phất nỗi buồn của những kẻ cố gắng đi tìm hạnh phúc nhưng thất bại.

Dường như cha tôi và Anna không chịu thua cuộc nên quyết định làm đám cưới sau đó tại nhà thờ công giáo ở Los Angeles. Tôi và ông chú Anna là hai người duy nhất chứng kiến lễ thành hôn của họ. Trước khi hôn lễ cử hành, ông chú Anna nhìn tôi với ánh mắt đầy ngờ vực vì cả tôi và ông đều không mấy tin tưởng vào sự thành công của cuộc hôn phối này. Tiếng đàn phong cầm vang lên trên nóc giáo đường với vẻ uy nghiêm không kém phần ghê rợn và ánh nắng xuyên qua khung cửa kính nhiều màu, phản chiếu thành những hình thù xanh đỏ và vỡ tung như những phiến thạch Jell-O. Cha tôi, một người cao niên gốc Do Thái, và vị hôn thê da đen của ông xuất hiện từ hai cánh cửa đối diện, cùng bước những bước chậm chạp, đắn đo, tiến về giữa nhà thờ. Tôi sửng sốt lặng lẽ ngắm vị linh mục trịnh trọng trong chiếc áo lễ màu trắng cử hành hôn lễ với những cử chỉ đầy tuồng tích, những lời ban ân phước yếu ớt như một vở tuồng diễn chậm. Sau đó, dường như chưa hài lòng với buổi lễ siêu thực này, cha tôi và Anna còn kéo nhau ra khoảng sân trống trước nhà thờ chuyện trò đùa cợt với tôi và ông chú của bà nữa. Cha tôi bảo rằng ông và Anna đã phá lệ đi hưởng tuần trăng mật ở Âu châu trước đám cưới rồi.

Sau đám cưới, mỗi lần tôi gọi đến cha tôi đều trả lời với giọng bực tức tựa hồ hồi chuông điện thoại đã làm ông giận dữ. Thế nhưng khi tôi gạn hỏi, ông chỉ đáp cộc lốc: "Có chuyện gì đâu!" Điều này khiến tôi đâm ra nghi ngờ. Có lẽ sự bực bội nào đó đã khiến cha tôi trở lại tánh nóng giận bất thường ngày trước chăng? Nhưng cha tôi đã quá già yếu nên không thể kềm hãm cơn giận được lâu. Sau đó, mỗi lần cha con tôi gặp nhau - thường không có mặt Anna vì hoặc bà đi thăm thân quyến, hoặc bận việc hay mệt mỏi không đến được - tôi thấy cha tôi phờ phạc chẳng khác gì một vị tướng đang lâm trận. Bỗng nhiên bao nhiêu niềm hãnh diện tôi đã dành cho cha tôi từ trước đến nay vì

ông đã dám liều lĩnh bất chấp dư luận khắt khe để kết hôn với một người đàn bà dị chủng biến đâu mất, thay vào đó là mối quan tâm, e ngại của tôi vì cha tôi sút cân rõ rệt, và hai tay ông cũng bắt đầu run rẩy. Những lần đó tôi đã từng nhìn ông qua ánh đèn mờ ảo của tiệm ăn sang trọng và không thể tin rằng người đàn ông đầy vẻ hoang mang bối rối đang ngồi trước mặt tôi là người đã từng thẳng tay ném những chiếc ly thủy tinh vào tường hay tung mấy chiếc va li Samsonite lên không trung.

Trong buổi ăn tối, tôi thường gắng giúp cha tôi giải khuây bằng cách bắt ông thuật lại những kỷ niệm thời son trẻ của ông. Cha tôi thường nói đến thành phố Atlantic thuở ông còn bé, lúc ông bà nội tôi có cửa hàng thực phẩm ở đó. Một đôi khi trong mớ ký ức nhạt nhòa, hỗn độn của ông lại hiện ra hình ảnh mẹ tôi. Ông nhẹ tay vuốt thẳng nếp nhăn trên chiếc khăn bàn và bảo tôi không ai có thể thay thế mẹ tôi được. Ông ca tụng đức hy sinh và lòng trung hậu của mẹ tôi khiến tôi tự hỏi lúc đó ông có còn nhớ hình ảnh mẹ tôi với mái tóc nâu màu hạt dẻ và đôi tay đầy tàn nhang không. Tôi cũng băn khoăn không hiểu ông có đang cầu mong mẹ tôi trở về để giúp ông giải quyết vấn đề hôn nhân rắc rối hiện tại của ông không. Có lần ông hỏi tôi với giọng thản nhiên không hề lộ vẻ mỉa mai hay luyến tiếc: "Con còn nhớ dạo mình đi Palm Springs vui dấy chứ?" Rồi bỗng nhiên ông trở về thực tại và thắc mắc tại sao nhà hàng nấu món thịt bò chiên lâu quá vậy.

Sự rạn nứt cuối cùng trong mối liên hệ giữa cha tôi và Anna có lẽ xảy ra đột ngột vì khi ra đi bà để lại nhiều món đồ riêng tư như bức hình chúa Giê Su trong phòng ăn, bên cạnh cây đèn chín nến bằng đồng dùng trong dịp lễ Hanukka của người Do Thái. Trong phòng ăn của cha tôi, ngoài các vật sở hữu riêng của Anna còn có những bộ sách luật bìa da, gáy mạ vàng của ông. Vì sức khỏe yếu và tâm thần phân tán, cha tôi không thể tiếp tục hành nghề luật sư nên đã về hưu trí. Từ đó căn nhà cha tôi biến thành kho chứa đồ, dung nạp mớ sách vở bề bộn của văn phòng luật sư trước kia của ông. Tôi lo ngại mỗi khi nghĩ đến cha tôi đơn độc trong căn nhà rộng thênh thang với những ngõ ngách trĩu nặng hình ảnh quá khứ của hai cuộc hôn nhân, quãng đời làm cha và sự nghiệp dai dẳng không kém phần thương tâm của ông. Cha tôi làm gì cho hết thì giờ trong căn nhà trống vắng đó, hay mỗi bước chân của ông chỉ làm khuấy động mớ tro tàn quá khứ và tiếng thở dài chỉ nhắc nhở lại dĩ vãng trên bờ tường? Nhiều lần tôi cố khuyên cha tôi nên tìm đến bác sĩ trị bệnh tâm thần, nhưng đối với ông, các

nhà phân tâm học đều là những tên phù thủy lang băm chuyên môn sống nhờ vào nỗi khốn khổ của kẻ bất hạnh như Anna.

Thế nhưng Brian, người trị bệnh tâm thần tôi đã cùng chung sống ba năm qua, không hề tỏ vẻ nao núng trước thái độ đầy ác cảm của cha tôi đối với nghề nghiệp của chàng. Brian và tôi ít khi gặp cha tôi, ngoại trừ một lần tình cờ chúng tôi thấy ông trong siêu thị gần nhà và hai lần Brian cùng tôi đi ăn tối với ông. Những lần gặp cha tôi, Brian thường đặc biệt chú ý đến ông, ngợi khen chiếc quần ca rô ông đang mặc hay hỏi han cặn kẽ về những chi tiết tỉ mỉ liên quan đến các vấn đề luật pháp. Khi cha tôi trả lời. Brian chăm chú ngồi nghe ông nói với ánh mắt xanh trầm tĩnh của chàng. Cha tôi thích thú được Brian chú ý và tính tình vui vẻ, điềm đạm của chàng đã giúp ông bớt trống trải trong chuỗi ngày dài cô đơn của ông. Thỉnh thoảng ông hỏi tôi: "Người bạn vui tính của con độ này ra sao?" Nếu có nghi ngờ Brian và tôi chung sống với nhau, ông cũng không hề tò mò gạn hỏi, cho đến ngày ông bị té từ trên cây mận xuống.

Tôi lái xe đưa cha tôi từ bệnh viện về nhà, vừa cố hết sức kềm chiếc xe khổng lồ như chiếc thuyền của cha tôi khỏi tròng trành trên đường phố, vừa cố giữ tay lái cho thẳng đường. Tôi mua cho cha tôi chiếc quần cụt bằng vải mỏng vì quần dài làm chân ông thêm đau nhức vì cấn cái. Tôi mang thức ăn và chiếc chảo chiên lớn của tôi đến nhà ông và trong lúc tôi sửa soạn cơm chiều, cha tôi ngồi ở bàn ăn, chân gác lên ghế nhựa, lắng nghe tiếng mỡ nóng reo vui trong chảo với nét mặt sung sướng, lơ đãng. Sau bữa ăn tối, tôi dìu cha tôi lên phòng ngủ của ông trên lầu và cùng ông xem chương trình truyền hình "Wheel of Fortune" và "Jeopardy". Lần đầu tiên từ khi khôn lớn, tôi ngồi dưới chân cha tôi và được ông xoa đầu. Cảm giác dễ chịu khiến tôi có cảm tưởng như con mèo mẫn nguyệu cọ sát vào chân ông. Cha tôi chờ đón những buổi viếng thăm của tôi với niềm háo hức gần như hân hoan và ông không ngần ngại phải lệ thuộc vào sự có mặt của tôi. Ông dựa nguyên thân hình to lớn của ông vào vai tôi và tôi cảm thấy cần thiết trong vai trò che chở cho cha tôi. Tôi ngửi thấy mùi hương thoang thoảng của loại nước hoa Old Spice ông thường dùng sau khi cạo râu và mùi thuốc thoa vết thương nơi chân ông quyện lẫn với mùi da thịt quen thuộc của cha tôi.

Một đêm nọ bỗng dưng cha tôi hỏi tôi:

- Con có biết những người bị bất cóc làm con tin ở Trung Đông không?

Lúc đó ông đang mặc quần cụt ngồi ở bàn ăn, cái chân bị thương của ông gác lên chiếc ghế nhựa. Vết bầm tím ở đùi ông đã mờ dần chỉ còn lại một màu tím nhạt và bắp vế ông đã bớt sưng vù hơn trước. Tôi chỉ thoáng nghe lời ông nói vì tiếng dầu mỡ chiên cải bẹ xanh đang cháy lèo xèo trong chảo. Tôi hét lớn:

- Họ ra làm sao ba?

- Ba nghe tin tức thời sự bảo một số người đó sau khi được trả tự do hiện đang tìm đến bác sĩ trị bệnh tâm thần.

- Thì có sao đâu ba?

- Nhưng tại sao lại phải đi bác sĩ tâm thần chứ?

Tôi ngừng tay chiên xào và bảo ông:

- Ba này, nếu ba bị bắt làm con tin ở vùng Trung Đông, khi được trả tự do có lẽ ba cũng phải tìm đến vị bác sĩ tâm thần như họ mà thôi.

Ngoài khung cửa sổ, ánh hoàng hôn mờ dần. Khuôn mặt cha tôi nhìn nghiêng và cặp kính của ông phản chiếu tia nắng yếu ớt cuối ngày. Ông tiếp lời tôi:

- Bây giờ họ đã có nơi ăn chốn ở rồi, còn than van gì nữa?

- Trời đất! Họ đã từng bị mang treo họng súng, từng bị tù đày. Đâu phải họ được đi nghỉ cuối tuần ở khách sạn Hilton thượng hạng đâu ba!

Cha tôi đáp tỉnh bơ:

- Sống một mình chẳng khác gì bị tù đày.

Tôi không trả lời ông, chỉ cho thêm mớ đậu đũa vào chảo. Cha tôi tiếp lời:

- Ba hỏi con điều này. Ba không biết nói sao cho đúng đây. Ba có cảm tưởng con muốn giấu ba điều gì. Vẫn biết con và ba ít nói chuyện, nhưng có lẽ bây giờ đã đến lúc.

Tim tôi bỗng dưng đập thình thịch. Tôi hoàn toàn bị cha tôi dùng chuyện thời sự thế giới đánh lạc hướng và không chút nghi ngờ rơi gọn vào bãi mìn của ông dàn ra qua câu chuyện vô thưởng vô phạt từ nãy giờ. Tôi không chuẩn bị sẵn sàng cho đề tài quan trọng này. Tôi tắt bếp. Ánh lửa sáng bừng lên và kêu lèo xèo. Khi tôi quay lại, cha tôi đang nhìn chằm chặp vào cái chân duỗi thẳng của ông trên ghế. Ông hỏi tôi:

- Sao?

- Ba muốn nói đến Brian phải không?

- Có điều gì con muốn cho ba biết thì cứ nói.

- Ba có thích Brian không?

- Có gì đâu mà không thích.

- Brian là tình nhân của con từ lâu rồi. Brian mang lại hạnh phúc cho con và chúng con có chung một mái nhà. Con hy vọng ba hiểu. Và con mong điều này không gây chia rẽ giữa ba và con.

Mỗi lời tuyên bố như một tảng đá nghẹn trong cổ họng tôi. Cha tôi đáp liền:

- Con may mắn gặp Brian và Brian cũng may mắn gặp con. Chuyện riêng tư của con có dính dáng đến ai đâu mà cần ba phải nói gì!

Tôi cảm thấy nhẹ nhõm cả người nhưng chưa kịp trả lời thì cha tôi đã nói tiếp:

- Con biết không, lúc ba khoảng mười sáu tuổi, một hôm ông nội con bảo ba giữ hộ cái thang để ông leo lên tỉa lá cây sau vườn. Ba đang vịn thang cho ông nội con bỗng dưng ba sực nhớ có hẹn với cô bạn gái xinh đẹp. Bấy giờ đã trễ rồi nên ba đâm đầu chạy ra khỏi vườn. Ba không hiểu đã bị ma cướp mất hồn vì khi chạy được nửa đường, ba nhớ lại ông nội con đang ở trên cây và ba nghĩ: "Thôi chết rồi, phen này thế nào cũng phải bị tội với ổng!" thế nhưng lúc trở lại ba còn nghe rõ tiếng ông cười từ trên cây vọng xuống. Chưa bao giờ ba nghe ông nội con cười lớn như vậy cả. Khi ba giúp ông nội con leo xuống thang, ông bảo ba: "Chắc con phải thích cô bạn gái của con lắm!" Và điều kỳ lạ nhất là ba không hề nói cho ông nội biết ba chạy đi đâu".

Tôi hình dung ra ông nội tôi đang đứng lơ lửng trên không trung, hai tay ôm lấy thân cây và mắt theo dõi đứa con trai của mình đang mải mê đuổi bắt niềm khoái lạc êm ái không tưởng của nó. Trong lúc cha tôi hồi tưởng lại quá khứ, bên ngoài màn đêm xuống dần, xóa mờ bóng những cành cây mận trong vườn và lối đi quen thuộc mà trước kia đã có lần áo quần mẹ tôi từng bay lượn trên không trung rồi rơi xuống mặt đất như những chiếc lá khổng lồ. Khi cha tôi dứt lời, ông nhìn tôi rồi ngoảnh mặt đi nơi khác. Một sự im lặng quen thuộc bướng bỉnh bao phủ lấy hai cha con. Tôi tự hỏi không hiểu có điều gì sẽ thay đổi chăng hay mọi việc sẽ y nguyên như cũ. Tôi múc thức ăn ra đĩa riêng cho ông và tôi. Cha tôi cẩn thận đè tay lên đùi ông, xem vết thương đã lành đến đâu rồi.

Trương Mỹ Vân

SỬ MẶC

ẩn dòng

Rồi thôi cũng dọng bóng chiều
Ngân sơn mộng cũ tiêu điều dáng hương
Mùa trăng cổ điển lên đường
Nét sông phủ các triều dương bến đầu
Nỗi niềm giang hạ còn đau
Hỏi trầm tích có chìm sâu mộng người
Bây giờ thơ mãi rong chơi
ẩn trong kinh tự dòng khơi vút ngàn
Rồi mai nữa, độ trăng tàn
Nương người thủy nguyệt cầm sang tiếng hoài.

khổn xích

Ra vườn bẻ nguyệt trêu hoa
không dưng ngộ phải hương tà đảo điên
trời ơi trăng rạp xuống miền
bóng người còn luyến giữa thiên niên đầy
e rồi xác lá hồn cây
mai tê đóng lại xương gầy guộc xương
lời thanh đã nói tỏ tường
không đi cũng lạnh trăm đường khổn vây.

SĨ LIÊM

nắng đỏ sau hè

Ở đâu thì không biết, chớ còn châu thành tỉnh Vĩnh Long là một thành phố tọa lạc giữa bốn dòng nước: phía Bắc là rạch Cầu Kinh Cụt, còn gọi là rạch Công Xi Heo; phía Nam là rạch Long Hồ có cầu Thiền Đức; phía Đông là sông Cổ Chiên, con sông này sở dĩ có cái tên như vậy là vì có truyền thuyết đêm đến người trong vùng nghe tiếng chiêng, trống đánh beng beng, lùng tùng xèng vang dội cả khúc sông; phía Tây là con kinh Huỳnh Tá rộng cỡ mười thước, hai bên kinh phần nhiều là nhà sàn, cột gỗ đơn sơ.

Nhưng nhà của cô Ba Lựu Đạn là nhà lợp ngói vẩy cá đỏ lòm, vách ván sơn đỏ thẫm, nhà chia ra làm ba gian, dâu dâu cũng có cửa sổ sơn mầu đỏ lợt, cửa cái làm bằng gỗ thao lao sơn dầu đỏ, lên nước láng bóng. Trong nhà từ trước ra sau lót gạch tàu màu đỏ ngay hàng thẳng lối, các cửa sổ đều treo màn thêu màu đỏ chen lẫn những ngôi sao màu vàng kim nhũ lấp lánh. Tất cả đồ dạc từ sa lông, tủ thờ, bàn ăn, ghế ngồi đều bằng gỗ mun cẩn xà cừ. Trên tường bên phải treo bộ tranh Mai, Lan, Cúc, Trúc. Phía bên trái là bộ Cầm, Kỳ, Thi, Họa. Trên tủ thờ, mỗi bên chưng một cổ bình thời nhà Minh cẩn hoa sen, đồi núi sông hồ tuyệt đẹp. Tấm màn trúc màu đỏ vén khéo hai bên làm ranh giới giữa phòng khách và các phòng ngủ ở bên trong. Nhìn cách sắp đặt, trang trí trong nhà đủ biết cô Ba Lựu Đạn là bậc có tiền, có bạc chứ không phải khố ôm áo rách, nghèo xơ, nghèo xác.

Trước cửa là một cái sân rộng bề ngaug mười thước, bề dài bốn thước, lót gạch tàu đỏ thẫm, chung quanh những chậu kiểng Lái Thiêu trồng bông sứ Thái Lan hoa đỏ, mai Tứ quý hoa vàng nở bốn mùa. Hoa đỏ xen lẫu hoa vàng trước sân nhà hòa hợp với căn nhà dùng màu đỏ làm nền nhìn vô thật là chói mắt, ai thấy cũng không hà tiện tiếng trầm trồ, không khỏi ngạc nhiên cách dùng màu trang trí của chủ nhân. Trước nhà là con lộ đưa về cầu Kinh Cụt, bên trái là Công Xi Heo và nghĩa địa Đất Thánh An Nam. Sau lưng có cou kinh Huỳnh Tá chạy ngang. Tóm lại, chu vi của nhà cô Ba Lựu Đạn, từ trước ra sau rộng khoảng hai mẫu, xung quauh có rào tre gai cao quá đầu người cùng vỉ tre dầy kín, cả chó, mèo chui cũng không lọt. Một cổng rào lớn sơn màu đỏ có giàn bông giấy nở bông tím đỏ, nhụy vàng tạo thành một cầu vồng sặc sỡ. Sát cổng rào bên trái là cây mít

nghệ, cây sa bô chê. Bên phải có cây mít tố nữ và cây vú sữa trái tím. Bốn tàng cây lớn chụm nhau, quấn quít trên không trung làm thành một bóng mát rười rượi trên con dường lát sỏi đỏ dẫn vào thềm nhà.

Trong vườn có trồng hàng chục cây ăn trái che bóng mát tối om om. Nào là mận hồng đào trái đỏ tươi, mận Thái Lan trái trắng bóng. Nào là xoài thanh ca trái nhỏ mình dài có mùi thơm hấp dẫn. Nào là xoài cát trái lớn và mập, ăn ngọt lìm lịm. Nào là cam hồng mật vỏ mỏng, ngọt như dường phèn, cam sành vỏ dầy sần sùi, nhưng chất ngọt không kém cam hồng mật bao nhiêu. Nào là ổi xá lị trái nào trái nấy bự cỡ bụm tay ngon hết biết, ổi chim ruột tím thẫm ăn hoài không biết ngán. Nào là cóc, khế, chùm ruột. Nào là chanh giấy vỏ mỏng, nước cốt nhiều. Nào là mấy cây quít chợ Lách trong lãnh thổ tỉnh Vĩnh Long. Và lác đác những loại cây cao khỏi mái nhà như cây bằng lăng hoa tím, cây mộc lan, ngọc lan hoa màu trắng, cây hoàng lan hoa màu vàng tái, giàn thiên lý hoa xanh biếc trong sân, những thứ hoa ấy hợp lại cùng với những bông hoa rải rác trong vườn tạo cho mảnh đất của cô Ba Lựu Đạn một mùi hương đặc sắc, quyến rũ ong bướm tới dập dìu. Bên hè còn có ba líp đất trồng huệ, cây diệp ta, vài khóm bông trắng để cô Ba Lựu Đạn hái bông cúng Phật. Tuy là nhiều thiệt, chớ cây nào cây nấy, có hàng, có lớp chớ không phải như một cánh rừng sầm uất âm u đâu!

Những nét đặc sắc nhất của nhà cô Ba Lựu Đạn là mười hai chậu kiểng cần thăng, kim quít được cắt tỉa tỉ mỉ thành những cái dĩa nằm chồng lên nhau nhiều tầng trông như mỹ nữ đang uốn éo, tay cầm những cái dĩa lá xanh biêng biếc. Giàn kiểng quý của cô Ba Lựu Đạn đã tồn tại nhiều đời, từ đời ông nội của cô. Bao nhiêu biến cố trôi qua, cuộc đời thay đổi nhưng giàn kiểng vẫn còn nguyên. Chúng nó là gia bảo, cha truyền con nối. Chúng nó vô giá. Lúc trước, ông Năm Đạo, ba của cô Ba Lựu Đạn, tục danh là "Thầy Năm Lỗ Bang" còn sanh tiền, với giá nào, dù cao bao nhiêu, ông cũng không bán. Ai gạ mua ông giận, ôug duổi cổ ra cổng rào. Xóm giềng tản cư, tránh bom, tránh đạn, chết chóc, ông nhất định ở lại, không vì muốn bảo vệ nhà cửa, cây trái mà chỉ để trông nom, săn sóc giàn kiểng. Một cây kiểng mất hay chết, ông thấy nùnh đắc tội với ông bà, cha mẹ. Mỗi lần có chậu kiểng nào héo úa, rụng lá, trơ cành, ông lo sợ, ngã bệnh theo cây, suốt ngày theo dính bên cạnh tìm đủ mọi phương cách chữa trị. Cây nẩy mầm, ra lá non, ông mừng như trúng số độc đắc, cười chúm chím suốt ngày. Đêm nằm ngủ mơ lảm nhảm khen thầm mộc, thần hoa dễ thương.

Ngoài giàn kiểng, ông Năm Đạo còn bận bịu với bầy nai, công, rồng, cá hóa long, đại bàng làm bằng loại cây cần thăng, kim quít. Biết tài uốn con này, con nọ do tiên phụ truyền cho ông ít có tay chơi kiểng nào theo kịp ông. Đã nhiều lần, ông đoạt giải nhất, nhì trong những cuộc triển lãm cây kiểng tại châu thành tỉnh Vĩnh Long. Năm nào ông đoạt giải nhì, ông giận đổ mồ hôi ban chấm thi hoặc thiếu tinh thần vô tư, thiên vị hoặc không có óc thẩm mỹ, có mắt mà không có tròng!

Bà Năm chết sớm để lại cho ông hai đứa con, một trai và một gái. Đứa con trai đầu lòng vừa được lên năm tuổi thì té sông mà chết, chỉ còn lại có một mình cô Ba Thu Hương, hỗn danh là cô Ba Lựu Đạn. Sở dĩ, làng xóm đặt cho cô Ba Thu Hương cái danh hiệu quái đản đó bởi tánh tình của cô Ba từ nhỏ đã hung dữ, hiểm độc, ai chọc ghẹo cô là miệng của cô chửi rủa bôm bốp như lựu đạn nổ. Vào tuổi thanh xuân, ông Năm Đạo lừng lẫy với cái vốn võ nghệ bách chiến, bách thắng. Bà Năm là con duy nhất của võ sư Sáu Chiến ở Vũng Liêm. Ông Năm thượng đài đánh thắng Hai Muôn, học trò giỏi nhất của Sáu Chiến. Mến tài ông, võ sư Sáu Chiến gả con gái cho ông. Ngoài nghề hốt thuốc Nam trị bá bệnh, ông Năm còn nổi tiếng về bùa Lỗ Bang. Ông có lối trị bệnh kéo dài để moi tiền thân chủ với giá cắt họng. Cứ một thang thuốc "lành", tiếp theo là một thang thuốc "trở". Con bệnh phải uống cả chục thang mới khỏi. Bệnh nhân nào chê tài ông, ông dùng Lỗ Bang trù, ếm đau lên đau xuống, có khi chết luôn cũng không chừng. Lối xóm thường xuyên lén lút lên án tội ác của ông hè nhau tránh xa không dám lại gần. Bà con lối xóm sợ oai ông Năm hơn là yêu kính ông.

Người ta thường nói:

- Ông Năm hành nghề kém lương thiện, con cháu sẽ lãnh đủ hậu quả sau này. Nhất là con gái của ông ta sẽ trả cái quả của cha. Dờn ông con trai nào dám bước vào làm rể nhà ông. Con gái của ông sẽ ế tới già tới chết!

Lời đồn dãi xa gần truyền tai lên tới quận, tỉnh trưởng tỉnh Vĩnh Long bắt buộc ông Năm phải ngưng hành nghề thuốc Nam. Nếu muốn tiếp tục ông phải theo học một khóa Đông y ở bộ Y tế xã Hòa Ninh. Ông Năm bĩu môi chế giễu: "Tụi nó tài cán gì mà đòi dạy tao học? Y tế của tụi nó có con mẹ gì mà học với hỏi? Thà tao giải nghệ chớ nhất định không thèm làm học trò của tụi nó". Rồi ông dùng bùa Lỗ Bang ếm chung quanh nhà, cảnh sát của quận vừa tới trước cổng rào tức khắc ôm bụng ói mửa, xây xẩm mặt mày. Tỉnh trưởng không

tin chuyện hoang đường lại đề cử nhóm khác. Lần sau cũng như lần trước, mấy cảnh sát viên lại nhào lăn, ôm bụng rên la trước cổng rào, tháo chạy trối chết. Ngồi trong nhà nhìn ra, ông Năm vuốt râu cười khoái chí.

Ông lẩm bẩm: "Tụi bay đừng hòng đến làm khó tao. Tao sẽ cấm không cho tụi bay bén mảng tới đây nữa".

Ông chôn một lá bùa khác. Từ đó không còn một ai đặt chơn tới trước cổng rào nhà ông nữa.

Sợ người ta bắt cóc cô Ba Lựu Đạn, ông cho cô đeo một lá bùa nơi cổ. Cô tha hồ tự do đi đứng không sợ bất cứ ai đụng vào người cô.

Oai danh của ông càng ngày càng lan rộng. Bà con lối xóm xem ông như một hung thần. Gặp nhau ngoài đường, mọi người đều cúi đầu chào ông một cách thành kính. Trong những cuộc ruồng bố từ lính Tây đến Mỹ, Quốc gia, các lực lượng quân sự không hề đặt chơn tới nhà ông Năm. Cơ ngơi của ông được coi như một nơi bất khả xâm phạm.

Dạo ấy, tôi là một thanh niên tuấn tú nhất trong vùng, được ông yêu mến và truyền dạt võ nghệ suốt trong hai năm trước ngày ông Đạo qua đời sau Tết Mậu Thân 1968 theo câu tục ngữ "sanh nghề tử nghiệp". Vì không lượng sức mình ông đã bị bùa Lỗ Bang của một ông pháp sư ở Sài Gòn cao tay hơn, yếm cho một lá bùa, lúc chết mặt mày sưng bự lên trông thiệt thảm thương. Lúc ông Năm qua đời, cô Ba Lựu Đạn đã được mười chín tuổi. Lũ con trai trong xóm hay tin đó, có ý muốn ve vãn cô Ba nhưng không dám xáp lại gần sợ cô học bùa Lỗ Bang của cha sẽ trù ếm mà toi mạng có ngày. Lúc ông Năm còn sống, bà con láng giềng có con trai cũng không dám làm sui gia với ông. Người đời thường nói: "Bà con ngày một xa, sui gia ngày một gần". Gần một ông sui như vậy thiệt tình thiên hạ không ham. Lỡ con trai mình giận vợ, chửi đánh vợ, đố khỏi nó bị ông nhạc gia thổi một lá bùa là chết không kịp ngáp.

Duy có tôi vượt qua thành kiến của trai tráng trong xóm. Tôi làm quen với ông Năm được ông thương mến dạy võ, dạy nghề, tôi học rất chuyên cần và quyết tâm học tất cả các ngón nghề siêu đẳng "thượng thừa" của sư phụ.

Trước đây, tôi có bộ vó ốm yếu như cây sậy, thường hay bị ức hiếp, hễ bị ai đấm đá là tôi chạy có cờ. Đụng trận, tôi co giò chạy trước cho yên thân. Chỉ một năm thọ giáo với ông Năm, tôi đã trở thành một võ sĩ, thân thể nở nang, gân guốc. Tôi sẵn sàng ưỡn ngực cho hai ba thanh niên khỏe mạnh đấm những quả đấm thôi sơn vào

ngực, vào bụng mà tôi vẫn trơ trơ như tượng đá. Tôi còn lấy tấn cho bọn lực điền xô mạnh vẫn không làm tôi ngã. Nội lực của tôi càng ngày càng thâm hậu.

Một thời gian sau, tôi có thể tỉ thí với ông Năm Đạo, khi thắng, khi bại. Về bùa Lỗ Bang, ông Năm chỉ mới dạy tôi một ít phép như: khoán dời, trừ tà, yếm quỷ, đuổi ma. Ông chưa cho tôi bước sâu vào thế giới huyền bí của Lỗ Bang, nói một cách khác, ông còn do dự không biết có nên biến tôi thành một ác nhân như ông hay không. Ông biết rõ con người của chính ông và tất cả những gì ông đã làm từ trước đến nay. Một số lớn bài thuốc Nam, ông cũng đã truyền dạy cho tôi để mai sau hễ gặp dịp là tôi mang ra ứng dụng.

Tôi hoàn toàn tin tưởng huyễn lực của ông Năm Đạo. Những gì tôi đã thấy tận mắt qua hành động huyễn hoặc của ông Năm là bằng chứng xác thực đã một thời làm giao động dữ dội tinh thần tôi và từ đó, khoa Lỗ Bang, bùa ngải đối với tôi không còn là chuyện hoang đường chỉ có tác dụng hù dọa những ai nhẹ dạ yếu bóng vía.

Sau ba tháng quen thân với ông Năm, một lần tôi được dịp chứng kiến pháp thuật của ông. Một buổi sáng, ông rủ tôi đi thăm nhà lồng chợ Vĩnh Long. Ông không nói trước cho tôi biết mục đích của mình.

Hai người đến chợ cá dọc mé sông, ông rẽ đám đông đi thẳng xuống ghe cá dậu sát bờ. Thấy ông, bạn ghe dõng dạc đuổi ông trở lên bờ. Ông vẫn hiên ngang tiến qua cầu ván lắc lư dánh nhịp thẳng xuống ghe. Bọn bạn ghe hạch hỏi, ông nói muốn gặp chủ ghe cá.

Được thông báo, chủ ghe từ sau lái tiến lại hỏi:

- Ông muốn gì? Ông có phải dầu nậu không?

Ông Năm lắc đầu:

- Tui không là gì hết. Thấy ghe cá mới lên tới, tui muốn mua vài kí lô cá tươi về nhậu chơi!

Chủ ghe cá giật nẩy mình:

- Chuyện gì lạ vậy? Xời ơi, cá bán lại cho dầu nậu chớ đâu có bán lẻ cho ông đem về nhậu? Ông có điên không?

Ông Năm cố nài nỉ:

- Ậy! Tui thèm cá tươi mà. Bán cho tui vài kí đi.

Chủ ghe vung tay, xua đuổi ông:

- Không bán. Muốn ăn cá thì chờ mua ở sạp cá. Ở dây không có bán cá lẻ.

Mặc cho ông Năm kèo nài, chủ ghe nhất quyết từ chối, xua đuổi ông, còn dòi kêu lính bắt ông nữa. Ông Năm vẫn điềm tĩnh tỏ ra

không giận dỗi, quay trở lên bờ. Tôi đứng chờ ông giữa đám đông đầu nậu cá. Tôi không hiểu ông muốn gì.

Gặp lại ông, tôi hỏi:

- Bác xuống ghe cá làm gì vậy?

- Mua ít kí cá về hai bác cháu mình nhậu một bữa chơi.

- Họ không bán hả bác?

- Dĩ nhiên. Đâu có chủ ghe cá nào chịu bán lẻ. Cá tôm từ dưới Cà Mau chở lên chỉ bán lại cho bọn đầu nậu thôi!

- Biết vậy sao bác lại xuống dưới dòi mua?

- Để chọc giận tụi nó rồi cho tụi nó một trận hú hồn, hú vía vui chơi.

Ông dẫn tôi lên bờ, ông chỉ tôi nhìn kỹ chiếc ghe cá kia. Tôi không hiểu ông sắp sửa làm chuyện gì. Tôi nóng ruột chờ đợi.

Ông dùng ngón tay trỏ vẽ lên không khí, miệng lâm râm đọc thần chú, nghe trài trại tiếng Miên, đoạn ông búng tay một cái bóc thổi một hơi mạnh về phía chiếc ghe cá. Tôi chăm chú theo dõi các động tác của ông. Tôi không hiểu gì ráo trọi.

- Bác ơi, bác làm gì vậy hả?

- Chờ chút nữa. Cháu sẽ thấy ngộ lắm. Hãy nhìn kỹ dưới kia. Tụi nó sẽ tức điên lên!

Tôi chăm chú nhìn ghe cá khi nãy. Chiếc ghe đang nằm yên lặng trên mặt sông bằng phẳng, bỗng lay động, nghiêng qua nghiêng lại từ từ rồi lắc mạnh như con tàu đang trên mặt biển cấp năm, cấp sáu. Tiếng cá quậy đùng đùng bên trong ghe. Bạn ghe, chủ ghe kinh hồn khiếp đảm la ó, loay hoay tìm cách giữ ghe thăng bằng trở lại. Có đứa té nhào xuống sông lội bì bõm vào bờ. Tiếng la hét dậy trời hòa lẫn với tiếng cá quậy tung, và nhảy trong khoang ghe. Mặt sông vẫn bằng phẳng, chiếc ghe cá nghiêng qua nghiêng lại, cắm đầu, chống lái lên xuống như bị sóng nhồi.

Tôi và những người đi chợ chung quanh nhìn sững cảnh hỗn độn trước mắt, miệng há hốc trong khi ông Năm tay vẫn bắt ấn, cất tiếng cười khăng khắc. Thần kinh của tôi căng thẳng cứng dờ như lên dây đờn.

Tôi lắp bắp:

- Bác... bác làm ra... cảnh đó... phải không bác?

Ông Năm gằn từng tiếng:

- Cho tụi mầy đuổi tao, dòi kêu lính bắt tao. Thấy tía chưa các con!

Tôi nắm chặt tay ông Năm lắc mạnh:

- Thôi bác à. Bao nhiêu đó đủ rồi bác. Tội nghiệp họ quá bác ơi!

Ông Năm vẫn bất ấn, nín thinh. Tôi van lơn:

- Con... Con lạy bác. Xin bác... tha cho họ. Con xin bác!

- Chút nữa đã. Chút xíu nữa đã.

Dưới kia chiếc ghe cá như sắp chìm. Nhiều ghe bên cạnh vội vã nhổ sào, kéo ghe chèo chống ra xa. Tiếng la, gọi cầu cứu vang dậy sông Cổ Chiên.

Tôi van xin liên tục. Ông Năm buông tay ấn, đọc thần chú, thổi mạnh một cái. Dưới sông, chiếc ghe đứng lại hẳn, nổi lềnh bềnh trên mặt nước phẳng lặng. Tiếng la thất thanh cũng im bặt. Chỉ còn tiếng khóc của chủ ghe. Mọi người trên bờ, dưới sông sững sờ nhìn chiếc ghe cá vừa trải qua cơn biến loạn kỳ dị hãi hùng. Cá chết rất nhiều, nổi trắng khoang ghe!

Sau lần đó, tôi bắt đầu nể sợ ông Năm Đạo và không còn xem Lỗ Bang là một sự kiện huyễn hoặc nữa. Đối với tôi khoa học là một thực thể hữu ích cho con người, còn Lỗ Bang là một loại khí giới dùng vào những thủ đoạn tự vệ, trả thù độc hiểm.

Niềm tin của tôi nơi bùa Lỗ Bang càng mạnh mẽ hơn sau vụ ông Năm Đạo mê hoặc một người đàn bà có chồng ở chợ Lách. Ông Năm có cho tôi biết trước rằng bà Hai Hột Xoàn là vợ một người thợ kim hoàn có tiếng trong vùng sẽ mê mệt ông một thời gian. Tôi không mấy tin vì tôi hiểu rõ đức hạnh của bà Hai Hột Xoàn. Đó là một người đàu bà tứ tuần, có bốn mặt con, suốt đời thờ chồng, nuôi con, nổi tiếng là người vợ đảm đang, một người mẹ nết hạnh gương mẫu.

Vậy mà ông Năm Đạo đã kéo bà Hai ra khỏi nếp sống đạo đức, trở thành người đàn bà trắc nết. Ông Năm đánh cuộc với tôi chỉ trong nửa tháng ông sẽ làm bà Hai mê mệt ông. Tôi nửa tin, nửa ngờ. Trong thâm tâm tôi không muốn ông Năm phá vỡ hạnh phúc của ông bà Hai Hột Xoàn nhưng tôi vẫn muốn coi thử tài mê hoặc phụ nữ của ông Năm Đạo cao cường tới bậc nào.

Ông Năm Đạo mua chuộc đứa tớ gái của bà Hai, nhờ nó đánh cắp một tấm ảnh và mấy sợi tóc của bà Hai. Ông vẽ bùa, đọc thần chú và gói giấy đựng tấm ảnh và tóc của bà Hai. Đêm đêm, ông đặt gói giấy trước mấy bụi ngải sau vườn, ngồi xếp bằng, chắp hai tay trước ngực, lâm râm đọc chú. Đến ngày thứ 14, ông tìm cách gặp mặt bà Hai chuyện trò. Qua ngày thứ 15, ông gọi tôi tới nhà cho biết ông đã thành công.

Tôi theo dõi hai người, thì thấy hễ ông Năm Dạo đi ngang qua tiệm vàng là bà Hai Hột Xoàn vội vã sửa soạn theo ông. Hai người gặp nhau tại góc đại lộ Tống Phước Hiệp, quốc lộ đưa về Vũng Liêm hoặc ở khúc đường từ cầu lộ rạch Công Xi Heo.

Sau mỗi lần gặp gỡ, ông Năm Dạo cho tôi xem tiền bạc, nữ trang của bà Hai dâng tặng ông.

Tôi thật sự khiếp đảm. Tôi không còn nghi ngờ nữa. Rõ ràng ông Năm Dạo là thầy Lỗ Bang xuất chúng.

Hai lần ông Năm chứng minh tài nghệ của ông, tôi xem ông như một vị thần. Tôi dốc tâm học hỏi nơi ông, nguyện làm một đệ tử trung kiên. Nhưng rất tiếc ông mất sớm trước khi tôi bước vào ngưỡng cửa của tà đạo.

Còn phần cô Ba Lựu Đạn, vì sự lui tới thường xuyên của tôi, cô có phần mến tôi lắm, nhưng vì bản tánh kỳ quặc, dữ dằn của cô làm cho trái tim tôi đang đỏ ửng cũng phải xanh xao khô héo. Sau cái chết thê thảm của ông Năm Dạo, má tôi, vừa lo sợ, vừa chống đối sự gần gũi của tôi và cô Ba Lựu Đạn, lôi cổ tôi về Cà Mau bắt phải cưới vợ. Vợ tôi là con gái út của danh kỳ cách đây 50 năm.

Hà Quang Bố là một trong những danh kỳ lỗi lạc ở miền Nam. Làng cờ Sài Gòn Chợ Lớn quen gọi ông một cách thân mật là Giáo Bố và tôn vinh ông cùng danh thủ Nguyễn Thanh Ngoan, Hứa Văn Hải là Tam Bửu Phật của Việt Nam. Cuộc đời chơi cờ của danh kỳ Giáo Bố có rất nhiều giai thoại, ly kỳ hấp dẫn:

Vào những năm đầu của thập niên bốn mươi, nền kinh tế của đất nước đang cơn khủng hoảng, khó khăn, nhạc phụ tôi phải kiếm sống bằng cách thủ đài cờ tướng trong khu vui chơi, cờ bạc đại thế giới ở Chợ Lớn. Lúc đó chơi cờ cũng giống như đấu võ: người ta lập một kỳ đài, có người thủ gọi là đài chủ. Họ mời những tay "anh hùng hảo hớn" nhảy lên thử tài, tức là "đả lôi đài" hay "công đài". Ai thắng được đài chủ thì ban tổ chức sẽ trọng thưởng. Đài lập đã mấy năm qua mà chưa hề thấy một tay cờ bạc nào hạ nổi ông Giáo. Ngày nọ, có một chú bé tuổi độ mười lăm, mười sáu nhảy lên xin ban tổ chức cho thử tài. Chú bé này có nước da ngăm đen, ăn mặc có vẻ như dân miệt vườn chớ không ra dáng người thành thị. Có điều chú ta không ngờ nghệch, quê mùa nhờ cặp mắt sáng, và đi đứng, nói năng dạn dĩ, lanh lợi.

Ban tổ chức hỏi thăm dôi điều rồi cho chú bé thử tài với ông Giáo. Người công đài được đi trước, chú bé đi cờ rất thành thạo và tự tin. Khởi đầu, chú sử dụng trận Pháo đầu Xe qua hà phối hợp chiến lược

tiến trung binh, tấu công đối phương rất dũng mãnh. Ông Giáo thấy dường cờ chú bé chơi khá sắc bén thì có ý gờm, không dám khinh dịch. Với bản lĩnh và kinh nghiệm già dặn, ông Giáo đem hết sở trường của mình trong trận Bình Phong Mã tiến tam binh ra đối phó. Đánh đến hiệp thứ mười lăm, ông Giáo dưa Pháo phong Xe để dụ cho đôi Xe của chú bé cùng tập trung sang cánh tả rồi giả bộ như hốt hoảng đi nhanh một nước cờ khi đối phương vừa bình Xe sang. Đó là ông Giáo rút lui con Xe qua hà trở về phòng thủ cạnh Tướng. Chú bé đang chiếm thượng phong, hí hửng khi thấy đối thủ lui binh, chẳng thèm suy nghĩ một giây nào, chơi ngay một nước theo quán tính là "vô sự thượng Sĩ hộ Tướng trung", tức là chẳng có việc gì lên Sĩ che Tướng giữa. Thấy chú bé trúng kế, ông Giáo mỉm cười rồi khẽ nhấc Mã nhảy qua biên bắt cùng lúc hai Xe của đối phương. Đang hí hửng tưởng uy hiếp được ông Giáo, không ngờ sơ ý quá nặng, chú bé xám mặt bóp cằm nhăn nhó, suy nghĩ. Hồi lâu, chú đành phải "bả nhị", tức là một Xe đổi lấy Pháp, Mã của ông Giáo. Thế cờ chú bé hạ phong, có thể cầm cự lâu dài nhưng vì bị mất xe, tinh thần giao động nên chú bé không thể chống đỡ cầu hòa. Về phần mình, tuy chiến thắng được chú bé, nhưng ông Giáo đã thấy ở chú bé hé lộ một tài năng đáng trân trọng nên ông đứng dậy bước đến ôm chú bé và khen ngợi. Chú bé không dám bắt tay ông Giáo mà đứng ngay ngắn cung kính xá ông Giáo mấy xá. Ấy là chú bé muốn tỏ lộ tình cảm coi ông Giáo là bậc thầy của mình.

Ông Giáo vốn mắc bệnh lao từ mấy năm. Hồi đó, bệnh này còn liệt vào "tứ chứng nan y", gia cảnh túng bấn nên bệnh tình của ông Giáo ngày càng trầm trọng. Tuy vậy thỉnh thoảng người ta thấy ông Giáo cố gắng lên Biên Hòa tìm chú bé nọ để chỉ giáo kiến thức và kinh nghiệm thi đấu cờ. Ngược lại, chú bé có dịp cũng xuống Sài Gòn đến đình Tân Kiểng thăm và học hỏi ông Giáo.

Mùa đông năm 1948, ông Giáo viết thư cho ban tổ chức kỳ đài xin nghỉ không thủ đài nữa. Giới thiệu người thay mình, ông Giáo ghi ngắn gọn "Kể như chi, nhi Lý hồ", nghĩa là nối nghiệp ta là Lý đó! Bấy giờ Lý Anh Mậu đã mười tám tuổi, đường cờ sắc sảo, thông minh, đồng thời kinh nghiệm thi đấu cũng già dặn và bắt đầu nổi danh, rất xứng đáng nối nghiệp ông Giáo. Lý Mậu Anh chính là chú bé công đài hồi ba năm trước. Khi đã tìm đi Lý Mậu Anh thay mình thủ đài chưa đầy hai tháng thì danh kỳ trác tuyệt Hà Quang Bố qua đời, để lại nhiều thương tiếc cho làng cờ cả nước.

Đối với Lý Anh Mậu, trong cuộc đời chơi cờ của ông, ông luôn

luôn giữ ván cờ đã chơi với ông Giáo để tỏ tình cảm thương kính, đồng thời cũng là một kỷ niệm đẹp của mình. Theo ông Kỳ Quân cho tôi tài liệu này về cha vợ của tôi thì nếu muốn biết ván vờ "duyên nghiệp" này, có thể hỏi danh kỳ Lê Thiên Vị, chắc chắn sẽ được thỏa mãn. Riêng phần ông Lý Anh Mậu thì ông cho ông Giáo đi giỏi nhứt là cặp Ngựa, ván cờ tiêu biểu về cặp Ngựa của ông Giáo là ván cờ đánh với Sơ Minh người Hoa. Ông Giáo đã dùng Ngũ Thất Pháo (Trực Xa) đánh với Bình Phong Mã (Hoàng Xa) của Sơ Minh. Ông Minh khai cuộc ra quân không đúng cách nên thua.

Lúc tôi cưới con gái của ông Giáo thì ông đã qua đời rồi. Rất tiếc, tuy là mang danh con rể của tay vô địch cờ tướng Việt Nam nhưng "Văn kỳ thanh bất kiến kỳ hình", ông già vợ mà chỉ thấy ảnh ông trên bàn thờ hkói nhang nghi ngút.

Sau lễ cưới, tôi cùng gia đình liền dọn qua Vũng Liêm sanh sống, tôi dạy học ở trường làng huyện Long Hồ. Vợ tôi may vá thêm cũng tạm đủ sống qua ngày. Còn má tôi thì theo người cha ghẻ xuống Cần Giuộc lập nghiệp. Từ đó tôi cũng ít qua lại nhà của ông Năm Đạo bởi vì cô Ba Lựu Đạn cứ đi đi Sài Gòn, thỉnh thoảng mới về nhà một lần. Căn nhà của ông Năm Đạo để lại, cô giao cho ông Hai Trợn Chín chăm sóc, cai quản. Hồi đó, lần đầu tiên vô nhà ông Năm Đạo, tôi nghe ông gọi người dàn ông chăm sóc vườn tược tuổi độ tứ tuần, mặt mũi xấu xí, hai dôi mắt láo liên, nước da đen đủi với hỗn danh là chú Hai Trợn Chín. Lần đầu nghe tên gọi như vậy, tôi ngạc nhiên lắm. Tên gì nghe sao mà quái đản quá, tên Mít, tên Xoài, tên Ổi nghe còn được được chớ sao lại là "Hai Trợn Chín". Tôi tò mò hỏi Năm Đạo:

- Bác à! Sao chú đó có cái tên gì kỳ cục vậy hả bác?

Ông Năm Đạo cười ha hả:

- Đâu phải cháu ơi! Tên của ổng là Phát. Hồi đó, nhà ổng ở chợ Trường An, gia cảnh có một mình, thấy tội nghiệp, bác đem về nuôi được mười mấy năm rồi đó.

- Ủa! Vậy sao không gọi là chú Phát mà gọi là Hai Trợn Chín?

- Tại vì bác thấy ổng còn có một chút nữa là thành Ba Trợn cho nên bác gọi ổng là Hai Trợn Chín dó chớ!

Nghe qua, tôi cười lăn ra. Tôi hỏi dùa ông Năm:

- Vậy cái thằng nào cà chớn chưa tới mức thì mình phải gọi nó là Cà Chưa Chín phải không bác...

*

Căn nhà ông Năm Đạo để lại cho cô Ba Lựu Đạn, nếu không nhờ

bàn tay của ông Hai Trợn Chín lo trong, lo ngoài chắc có lẽ giờ đây đã thành một khu vườn tiêu điều hoang dại và mười hai chậu kiểng cằn thăng, kim quít đã theo ông xuống cửu tuyền. Bởi vì cô Ba Lựu Đạn dân phải hạng người biết hưởng thụ cái văn minh miệt vườn của tiên phụ đã mấy đời chăm sóc từng ly, từng chút. Cô thừa hưởng cái đặc tánh trời ban là làm đàn bà thì phải mê, phải mệt hột xoàn, cẩm thạch. Từ cái mê đến cái mệt nên cô lăn lộn vào nghề buôn bán hột xoàn. Hột xoàn nó chiếu lấp lánh, lấp lánh sáng ngời nên cô đã bị chóa mắt không còn nghĩ tới vườn tược cây trái nữa. Vả lại, bà con lối xóm đã ác cảm với gia đình cô từ lâu, nên không ai dám bén mảng tới gần. Mọi người coi khu đất của cô là một cấm địa, một bãi mìn. Nhứt là cách dùng màu đỏ trang trí nhà cửa. Từ ngoài ngó vô đã thấy hình ảnh rùng rợn toát ra làm cho dương sự cảm thấy ớn lạnh nổi da gà. Một khi đã dấn thân vào con đường buôn bán thì phải quen nhiều, biết nhiều, nhưng ai cũng ghét cô Ba Lựu Đạn hết thì làm sao cô bán buôn, lời lãi với ai được nữa. Vì lẽ đó cô Ba Lựu Đạn phải ôm hột xoàn mò lên tận Sài Gòn sinh sống, lâu lâu về thăm nhà một lần. Dần dà, sự vắng mặt thường xuyên làm phai mờ tên tuổi cô, ít ai nhắc nhở tới nữa. Cô đã bị "xóa tên trong sổ bụi đời" tại châu thành tỉnh Vĩnh Long.

Riêng phần tôi, vì ơn xưa nghĩa cũ với ông Năm Đạo, lâu lâu dạp xe dạp ngang qua ghé mắt vào nhà thăm chừng lấy lệ vậy thôi.

Vợ chồng tôi sau sáu năm nhơn ngãi đã có năm mặt con. Vợ tôi sanh năm một, năm nào cũng rặn ra một đứa con gái, chưa có một mụn trai nào. Bà con lối xóm nhìn gia cảnh vợ chồng tôi, kẻ nói vầy, người nói khác:

- Xời ơi! Thầy cô làm ăn không khá cũng uổng. Đẻ một cái rét năm đứa con gái, ngũ long công chúa giàu sang phú quý, của cải ăn mãn đời, mãn kiếp không hết à nghen!

- Thánh thần thiên địa ơi! Tui ao ước có một đứa con gái mà hổng được, đẻ năm thằng con trai, ăn như hạm như tằm ăn lên, phá như quỷ đầu thai, ma nhập. Thầy cô Hai sao mà dư quá, còn tui kiếm mòn con mắt, đỏ con ngươi!

- Mà cũng ngộ quá hén! Mà sao sanh cô nào cô nấy như tiên nga giáng thế, Phật bà tái sanh, hổng thua gì Thẩm Thúy Hằng, Kiều Chinh à nghen!

- Thầy Hai dúng là người có học thức, chữ nghĩa đầy mình, đầy mẩy, đặt tên cho mấy đứa con gái đẹp ác! Tên nào tên nấy đều có ý nghĩa hết á. Đâu coi, cô gái đầu tên là Giáng Hương có nghĩa là

hương trên trời sa xuống. Cô thứ hai tên là Nùng Hương có nghĩa là hương thơm nồng nàn, sực nức. Cô thứ ba tên là Thiên Hương có nghĩa là hương trời. Cô thứ tư tên là Đạm Hương có nghĩa là một mùi hương thanh đạm. Còn cô út tên là Bạch Đàn Hương có ý nghĩa là mùi hương của cây bạch đàn dùng làm nhang thơm.

Người nói vầy, kẻ nói nọ, làm cho vợ chồng tôi cũng thấy vui lây. Có một điều rất ngộ nghĩuh, lúc con gái út Bạch Đàn Hương của vợ chồng tôi chưa ra đời, thiên hạ chòm xóm mở miệng là "Gia đình thầy Hai Hổ", tới khi Bạch Đàn Hương xuất hiện, không biết ai, con nào, thằng nào, mụ nào, ông nào chế ra cái tên mới cho gia đình chúng tôi "Gia đình cô thầy Ngũ Vị Hương", nghe vừa gọn, vừa hay, vừa vui tai đáo để. Cho nên vì vậy mà về sau lúc năm đứa con con gái lớn lên, mỗi lần muốn gọi chúng, vợ chồng tôi cứ việc hô lớn:

- Ngũ Vị Hương! Ngũ Vị Hương ăn cơm!

Bạn bè Sài Gòn về chơi nghe gọi như vậy, ai cũng cười thích thú. Còn phần vợ tôi cứ mỗi lần cầm tới bịch ngũ vị hương để ướp đồ ăn là cười chúm chím. Gia đình tôi thật hạnh phúc và ấm cúng. Nhưng cuộc đời là một khúc vũ muôn màu...

*

Vào một buổi sáng, mặt trời vừa qua khỏi tàu dừa trước sân nhà, tôi đang cắm cúi sửa sang cái hàng rào tre, vợ tôi đang ở trong nhà may vá mấy bộ đồ bà ba để kịp giao hàng cho người ta, mấy đứa con gái thì đang quây quần bên lồng chim sáo giỡn hớt rất ngây thơ, còn con út Bạch Đàn Hương thì mới được có sáu tháng nằm trong nôi ngủ thiêm thiếp, tôi bỗng nghe có tiếng xe hơi thắng đứng lại trước cửa nhà. Một chiếc trắc xông màu đỏ chói, bóng láng, người từ trên xe bước xuống không ai khác hơn là cô Ba Lựu Đạn. Cô bận chiếc áo dài gấm màu huyết dụ, quần lãnh sa teng, chơn mang đôi giày nhung đỏ, tay cầm cái xắc cùng màu, hột xoàn đeo lấp lánh. Tôi thấy cô Ba lúc này phốp pháp hơn trước rất nhiều. Tôi không biết vì lẽ gì sáng nay cô lại ghé qua nhà tôi. Tôi bỏ cây kềm xuống đất, đon đả chạy ra cổng rào đón khách:

- Ủa cô Ba. Trời ơi! Lâu quá hổng gặp. Vô nhà chơi cô Ba.

Cô Ba Lựu Đạn tươi cười:

- Dạ! Sao, anh khỏe không? Nghe người ta nói lúc này anh chị làm ăn khá giả lắm phải không?

- Ôi, thì cũng nhờ phước đức ông bà cũng đủ sống qua ngày. Thôi vô nhà, vợ tôi ở trong nhà đó, thấy cô Ba chắc là bả ngạc nhiên lắm.

Trong nhà, có lẽ vợ tôi nghe tiếng léo nhéo ở ngoài sân, chạy ra đứng trước thềm nhà, mấy đứa con gái lúc nhúc chung quanh...

Sau khi cô Ba từ giã ra về, vợ chồng tôi đã phải thức sáng đêm thảo luận về câu chuyện cô Ba Lựu Đạn hồi trưa.

Tôi cảm thấy nghi ngờ lắm, còn phần vợ tôi thì hớn hở vô cùng. Nhưng tôi không biết dùng cái lý do nào để bắt những lời lẽ vô cùng chơn thật của cô Ba Lựu Đạn. Số là cô Ba về đây sinh sống, không trở lên Sài Gòn nữa. Cô sẽ lấy tư thất của ông Năm Đạo, sửa sang lại thành một cái am và lấy tên là "Quan Âm Tịnh Thất" để cầu phước cho bá tánh trong vùng. Cô muốn "sửa sai" và "đổi đời" hầu đền bù lại những gì gia đình cô đã gây ra cho bá tánh trước đây. Nghe qua tôi cũng mừng. Một người làm bậy mà biết "sửa sai" chuộc lỗi cũng là một điều tốt đáng khuyến khích. Nhưng ngặt một nỗi, cô Ba Lựu Đạn đưa ra một đề nghị làm vợ chồng tôi phải đắn đo, khó nghĩ:

- Tôi biết bà con lối xóm trong vùng ai cũng có ác cảm với gia đình tôi hết. Nhưng tôi thấy sống ở đời tiền bạc là phù du, ảo ảnh. Nay tôi có tâm nguyện muốn hy sinh cuộc đời còn lại mà giúp đỡ cho bá tánh xóm giềng, những người nghèo khổ. Tôi muốn "sửa sai" và "đổi đời", tôi mở một công ty nặc danh, anh chị là chỗ quen biết thâm tình, tôi muốn giúp đỡ anh chị trước tiên. Trên Sài Gòn tôi đã gầy dựng xong cơ nghiệp. Trên đó là tiền phương của tôi, dưới này là hậu phương của tôi. Trên Sài Gòn là chỗ dể ra tiền, từ cái tiền đó tôi chuyển về đây làm công quả. Nay tôi muốn anh chị vô công ty của tôi, tiền lời là mười lăm phần trăm mỗi tháng. Anh chị cứ việc suy nghĩ rồi cho tôi hay. Chỉ có anh chị là tôi cố tâm giúp đỡ, xin anh chị đừng có nói cho ai biết chuyện làm ăn này. Tuần tới tôi cho sơn phết nhà cửa lại màu trắng. Tôi cũng đã chán cái màu đỏ quá rồi, trông nó dầy sát khí, không hạp với chỗ tu hành.

*

Mấy ngày sau, vợ tôi quyết định tom góp hết của cải dành dụm bấy lâu, được hai chục ngàn đem qua nhà đưa cho cô Ba Lựu Đạn. Vợ tôi nắm tay tôi mừng rỡ:

- Anh à, mình dưa cho cô Ba hai chục ngàn, mỗi tháng mình có ba ngàn đồng tiền lời rồi. Em sẽ không còn may vá cực khổ nữa. Tương lai của mấy đứa con mình sẽ sáng sủa hơn.

- Mình cũng đang sống sung túc vậy. Anh thấy mình đâu có cần. Anh thì lo lắm, không biết cô Ba có gạt tụi mình không? Bao nhiêu của dều dưa cho cổ hết. Rủi có chuyện gì...

- Anh sao cứ lo bậy, lo bạ! Hổng lẽ cô Ba lại đi gạt tụi mình?

- Anh nói cho em nghe, em không có rành cô Ba bằng anh đâu! Con người ta có khuyết điểm thì còn sửa được chớ dụng tới bản chất thì không thể nào sửa được đâu.

- Nhưng người ta biết "sửa sai", người ta có tâm ý "đổi dời" thì mình cũng phải mở đường cho người ta chớ. Sông có khúc, người có lúc mà anh!

- Sao anh nghi quá! Cái gì mà có tiền bạc đính vô là anh thấp thỏm.

Thế rồi đúng như lời cô Ba Lựu Đạn nói với vợ chồng tôi. Một tuần lễ sau tư thất của ông Năm Đạo đã được sửa sang lại thành một cái am. Nhà cửa được sơn phết lại thành màu trắng từ trong ra ngoài. Mấy tượng Phật từ Sài Gòn đưa xuống... khoảng một tháng sau thì đâu đã vào đó. Trước cổng, tấm bảng "Quan Âm Tịnh Thất" đã được treo lên ngay ngắn. Thiệt lộng lẫy! Một cuộc "đổi đời" và "sửa sai" đã bắt đầu.

Bà con lối xóm trong vùng bàn tán, xôn xao. Kẻ tin, người không. Bán tín bán nghi! Vợ chồng tôi thấy sự thật đã hiển hiện trước mặt nên tin tưởng hoàn toàn. Có sẵn uy tín trong làng, tôi ra công thuyết phục, ai nấy đều tin đây là một sự "sửa sai" thực sự của gia đình cô Ba Lựu Đạn.

Ngày khánh thành "Quan Âm Tịnh Thất", bà con rủ nhau kéo tới tấp nập để biết rõ sự tình. Người dân quê dễ giận và cũng dễ tha thứ. Lần đầu tiên, từ ngày ông Năm Đạo còn sauh tiền cho đến nay, tôi mới thấy căn nhà từ lâu được coi là cấm địa, nay là nơi tập họp đông người nhứt. Đủ hạng người, nào là thân hào, nhơn sĩ, nào là nhà văn, chính trị gia, cựu quân nhân, thậm chí có mặt luôn cả những người ngày xưa chửi rủa thậm tệ nhứt... Họ tới để ủng hộ tinh thần "sửa sai" của cô Ba Lựu Đạn. Vợ chồng tôi hăng say nhứt, phụ trong phụ ngoài dữ cả người. Cả châu thành tỉnh Vĩnh Long ai cũng vui vẻ và hớn hở. Cái "Quan Âm Tịnh Thất" đã ăn sâu vào lòng của mọi người. Người ta tôn vinh cô Ba Lựu Đạn là Phật Bà tái sanh. Người ta trút bỏ hận thù, phủi sạch dĩ vãng, sẵn sàng hòa hợp và hòa giải với một lòng tin yêu mãnh liệt.

Cuộc đời đúng là một vũ khúc muôn màu. Một năm đầu, ai cũng cảm phục lòng tốt của cô Ba. Ai túng bấn, nghèo khổ, cô Ba sẵn sàng giúp đỡ. Mọi quan hôn tang tế đều có bàn tay phúc đức của cô Ba nhúng vào... Không còn ai nghi ngờ gì nữa. Đúng là cô Ba đã thực sự

"sửa sai" và muốn "dổi dời". Có một số người không tin, bị nguyền rủa là bảo thủ không theo kịp đà tiến hóa của dân làng!

Nhưng tôi bắt đầu nghi ngờ cô Ba về món tiền lời của công ty nặc danh. Tôi thấy cứ hễ gần tới ngày cô Ba đưa tiền lời là cô Ba gọi vợ tôi ra nói nhỏ rằng công ty của cô trên Sài Gòn vừa có chuyến hàng mới cần phải có hai, ba chục ngàn để lấy hàng:

- Chị à! Tôi có chuyến hàng sắp phải lấy, chị có mười ngàn không? Chị đưa cho tôi, chuyến này tôi cho chị mười phần trăm một ngày. Nếu chị không có tôi kêu người khác!

Mười phần trăm một ngày dâu phải dễ kiếm. Vợ tôi nghe kêu người khác thì tiếc rẻ, nên nhận lời ngay rồi chạy mượn bạn bè, đồng thời chia tiền lời là bảy phần trăm cho họ. Cứ như vậy, tiền lời vừa được sáu ngàn thì chục ngàn bay ra khỏi túi, không thấy một xu teng trong nhà. Tôi khuyến cáo:

- Em coi chừng đó nghen! Sao anh thấy kỳ cục quá. Tiền bạc đưa cho cô Ba ngày càng nhiều - Tôi không dám nói trắng là cô Ba giựt mà nói trớ - Rủi cổ có mệnh hệ nào thì chết cả đám. Tiền bạc mình mượn của bà con láng giềng, không biết lấy đâu mà trả cho người ta.

Câu nói của tôi chưa được bao lâu thì đùng một cái cô Ba Lựu Đạn bỏ "Quau Âm Tịnh Thất" ra đi biệt tích.

Vợ chồng tôi khiếp vía, ngày nào cũng chạy qua nhà xem coi cô Ba có trở về không. Nhưng cửa đóng im lìm không có một bóng người. Cả chú "Hai Trợn Chín" cũng biệt dạng luôn.

Không riêng gì vợ chồng tôi bị cô Ba dùng quỷ thuật "sửa sai" lường gạt mà bên cạnh còn có cả chục gia đình cũng vì quá tin tưởng mà mất hết tiền của. Sau lưng ai cũng có hàng chục gia đình lọt bẫy cô Ba. Ai cũng "mượn đầu heo nấu cháo", nồi cháo của cô Ba Lựu Đạn đã ẫm đi mất rồi. Bây giờ ai nấy ngậm cái đầu heo trơ xương lạt nhách. Về sau người ta còn biết thêm, cô Ba Lựu Đạn đã âm thầm bán ngôi "Quan Âm Tịnh Thất" cho một người giàu có ở Bạc Liêu. Thôi rồi, tiền mất tật mang! Chủ nợ kéo tới nhà đòi tiền rần rần như cái chợ. Thiên hạ còn đề quyết vợ chồng tôi đã a tòng với cô để lường gạt!

Vợ tôi khóc hết nước mắt. Tôi an ủi vỗ về cũng bằng thừa, không khí tang khó đầy ắp trong gia đình. Tia nắng đỏ chói sau hè hắt vào nhà làm vợ chồng tôi chóa mắt. Bên kia là khu nhà của cô Ba Lựu Đạn, lớp vôi trắng rụng xuống để lộ màu đỏ thắm ngày xưa, loang lổ khắp nơi.

HOÀNG XUÂN SƠN

buồn lô dung

Gối đầu lên mùa lũ
buồn Lô Dung đổ dài
vạt chiều quai nắng thắt
ngọi ngóp dặm triều phai

Mưa gầy lên vút ngọn
run xõa trăm tóc nhàu
ngồi lênh đênh thuyền nón
liệu tình còn nghĩa sau

Bạch dương linh hồn cũ
màu lá mục lòng xuân
đá xương hằng vĩnh quyết
u uẩn bến đàn trầm

Miên miên dầu cổ tự
lệ khô thầm ngấn tang
dâu ngọc ngà khuê nữ
dâu vương tướng mơ màng

Dùm đề chi rong tảo
sông lở bồi. Xa hương
ngạn đau rồi tả hữu
hồi âm dẫu một đường

Thôi mắt xanh đồng ấu
dêm ở tận sương hồng
Lô Dung buồn mai hậu
hò vẳng cuối bờ không.
(Trích Huế Buồn Chi, sắp xuất bản)

CHRISTA WOLF
THẠCH HÃN dịch

còn lại được gì

(tiếp theo kỳ trước)

Tôi phải chuẩn bị, thu xếp đồ dùng vào trong một chiếc xách của H. rồi mang giày. Giờ thăm bệnh ở nhà thương sẽ bắt đầu trong vòng chưa đầy nửa tiếng nữa. Chuông cửa reo. Thật không còn lúc nào bất hợp thời hơn! Tôi nói với mình như vậy cố che giấu nỗi sợ hãi. Ai đến vậy? Ngày hôm nay? Tại nhà tôi? Tốt hơn hết là không nên mở cửa. Tôi rón rén tới hành lang, rồi lắng nghe tiếng động ngoài cửa. Tôi có cần khóa thêm sợi xích cửa không? Vớ vẩn. Câu chuyện bắt đầu như thế.

Lúc đầu tôi cho là giác quan của tôi đã đánh lừa mình. Đó chính là cô gái tôi vừa mới thấy băng qua đường. Tóc mầu nâu cắt ngắn. Da sạm nắng. Chiếc áo choàng. Ví đeo lên vai.

Ai đã phái cô ta đến đây? Mắt chúng tôi nhìn nhau, và tôi cảm thấy có chút hổ thẹn. Tôi bình thản mời cô vào nhà. Đã có một điều gì mà ngay tự trong cội rễ đã khiến cho tôi có cảm giác vừa quen vừa lạ, đang bước qua ngưỡng cửa nhà tôi trong hình dạng của một thiếu nữ. Tôi không thể thu hết can đảm để bảo cô ta - trạc độ hai mươi, hăm hai - cởi áo choàng đưa cho tôi. Cô gái xưng tên, nghe thoáng có vẻ quen, và tôi có cảm tưởng rằng cô gái này sẽ chẳng bao giờ rời khỏi nhà tôi. Tôi đã không rút dây điện thoại ra khi đi ngang qua chỗ cắm, chỉ là một việc làm hữu lý thôi. Tôi đã dại để cho cô ta nói rõ về mình vào những máy vi âm đã được lén thu giấu trong phòng, cạnh chiếc bàn tròn, vì lúc đầu tôi đã ughĩ cô ta đến đây chỉ với mục đích đó. Sau một hồi thăm hỏi, tôi đã nhận ra tên cô gái có dính dáng đến một vài vụ việc tố cáo nhau, xét xử nhau, những vụ hăm dọa bắt bí nhau ở các đại học. Chính cô là người đã bị đuổi ra khỏi đại học vì không chịu nhượng bộ trước những đe dọa bắt bí của người khác.

Đúng, tôi đã nhớ ra vụ việc này, tôi có nghe người ta kể lại thôi, và chuyện đó cũng đã... bao lâu rồi nhỉ? Một năm? Hai năm? Nhưng cô gái cũng nói tiếp thêm, một cách bình thản, không cao rao, rằng cô cũng dính vào một vụ thứ hai, và lần này cô đã bị vào tù một năm và đó là lý do tại sao cô đã không thể đến thăm tôi sớm hơn.

Làm như thử chúng tôi đã có hẹn nhau trước cả hai năm nay. Cái bầu khí của buổi gặp gỡ tôi đã chuẩn bị để đón tiếp cô gái giờ đã sẵn sàng. "Nhà tù" chính là từ ngữ đã làm hỏng bầu khí của buổi gặp gỡ của chúng tôi. Tôi không có gì để nói về nhà tù, và cũng chẳng có gì cần phải hỏi. Cô gái loay hoay tìm một xấp giấy trong xách tay, cuối cùng lôi ra một vài trang bản thảo và đưa cho tôi. Tôi đọc một mạch, dù tôi cũng đã nói trước ngay từ lúc đầu là tôi cần phải đi.

Sau khi đọc xong bản thảo, tôi hỏi cô gái đã cho những ai xem sáng tác của cô. Cô trả lời có đưa cho chị, một người bạn, và chồng cô.

Bây giờ tôi mới đứng dậy, đến kéo dây điện thoại ra khỏi ổ cắm. Tôi không cần mở máy thu thanh, và cô ấy không nghĩ là tôi rụt rè cũng chẳng tự kỷ. Cô ta có chồng. Đúng vậy. Và chồng cô cũng đã giúp cô, tuy không quan tâm mấy đến việc vợ mình làm.

Một ý nghĩ thoáng qua đầu tôi trong những giây phút như thế này là tất cả những yếu đuối trong con người đều lộ rõ nét, hay tất cả những sức mạnh đều đã mất hết sinh lực để trở thành yếu đuối. Tôi không phải là người hay chê bai văn chương người khác, hay là người không ưa khuyến khích những người viết văn có tài. Tôi bảo sáng tác của cô khá lắm. Tôi không nói dối đâu. Mỗi một câu cô viết đều nói lên đúng sự thật. Và cô không nên bạ ai cũng đưa cho xem. Những trang giấy ít ỏi này có thể đưa cô vào tù thêm một lần nữa.

Nghe tôi nói, cô gái trở nên mềm lòng hơn, rồi cô kể tiếp. Đã đến lúc rồi đây, tôi nghĩ. Những người trẻ thường muốn ghi lên giấy những điều họ nghĩ. Cô gái kể lại cuộc đời truân chuyên của mình, cô muốn bộc lộ hết nội tâm của cô, nhưng bộc lộ để làm gì? Tôi phải ngăn cản, và không thể để cho cô bước ra đường với một niềm tự tin nhiều như vậy. Tôi không thể không hỏi đến đời sống bên trong nhà tù ra sao, và cô trả lời sợ nhất là cái lạnh. Và chỉ tiêu sản xuất bí tất quá cao. Những cơn đau thận vật vã. Ở nhà tù họ sưởi không đủ ấm đâu.

Và giờ đây cô đang đứng trong căn phòng ấm cúng của tôi, và tôi đang mang đôi bí tất có lẽ đã do cô sản xuất. Nếu được, tôi cũng nên dọa cô này đôi chút. Tôi phải nói cho cô biết là hàng loạt những tài năng lớn lao nhất của Đức đang rữa mục trong các nhà tù, và đúng là

những người có tài thường giỏi chịu đựng cơn lạnh, chịu đựng sỉ nhục, sự tàn tạ, hơn những người kém tài. Và mười năm sau người ta vẫn còn thích đọc những dòng chữ như những dòng chữ cô ta đã viết. Vậy dừng có dại dâm đầu vào tai họa.

Vậy cô ta hãy bảo toàn tính mạng mình à? Nhưng để làm gì?

Cô có yêu chồng không?

Chồng cô lấy cô để bảo đảm an ninh cho cô. Anh ta luôn che chở vợ. Cô ta là một mối họa cho anh chồng, vì anh giữ chức vụ cao. Lấy nhau vì tình? Không phải thế đâu.

Cô muốn sinh con không?

Có, hồi đầu cô rất muốn có con. Nhưng bây giờ thì không. Ở trong tù, họ đã chẩn đoán sai bệnh. Cô đau thận, họ lại đem mổ tử cung.

Im lặng.

Cô gái đã đổi ý. Cô không còn muốn vất bỏ cuộc đời của mình đâu. Chỉ muốn tận hưởng cái thú ghi lại những sự thật mà cô ta biết thôi. Nên cô vẫn phải làm những gì cô làm, và trả chúng ta lại cho lương tâm của chúng ta. Cô ra về. Tôi đứng nơi cửa sổ nhìn cô ra đi, băng qua đường, len lỏi qua các hàng xe, đi qua chiếc xe màu trắng, không hề mảy may phản ứng trước cái nhìn chòng chọc của những người thanh niên trong xe, lầm lũi băng qua bãi đậu xe rồi mất hút khỏi tầm mắt của họ và của tôi.

Tôi đã quên không hỏi địa chỉ của cô.

Tôi cắm lại dây điện thoại, chuẩn bị xong xuôi, khóa cửa rồi đi. Tôi chắc là giờ thăm bệnh đã bắt đầu.

Xe của tôi đậu cách chiếc xe màu trắng kia bảy khoảng đậu. Khi đi ngang, tôi chẳng thèm nhìn. Tôi lên xe, vặn khóa cho xe nổ máy. Cô gái đã không hỏi còn lại được gì? Và cô cũng không hỏi là khi về già, cô còn nhớ được bao nhiêu chuyện.

Tôi lái xe đi theo hướng cô gái đã ra đi, chăm chú nhìn vào lề đường đến nỗi suýt gây tai nạn. Khi tưởng là mình đã nhận ra một đầu tóc màu hung cắt ngắn trong đám đông trên hè phố, tôi đã tìm cách ngừng xe bên lề đường mà không quan sát dòng xe cộ, rồi bị những chiếc xe đằng sau thúc kèn inh ỏi, nên tôi đã mất bóng mái tóc màu hung kia. Không có địa chỉ. Giỏi giấn thật.

Trong khi tiếp tục lái xe theo đúng quy luật, tuân theo những điều lệ lưu thông, một điều gì đã xảy ra trong tôi. Không biết tôi đang bị gì đây, thị giác, hay nói đúng hơn, toàn bộ giác quan của tôi đang trục trặc. Tôi vẫn còn điều khiển được chiếc xe, nhưng đó không phải là

vấn đề. Vấn đề là tôi không còn thấy gì rõ được nữa. Tôi không còn nhận ra những gì mắt tôi đang thấy, mặc dù không phải là những căn nhà, những đường phố, những con người kia đã trở nên vô hình. Không phải vậy. Không biết chuyện gì đang xảy ra cho chúng ta, tôi đã hỏi đi hỏi lại nhiều lần như thế, trí không nghĩ ra được một chữ để trả lời, và cho đến ngày hôm nay, tôi vẫn chưa nghĩ ra được. Hãy giả thử là sự liên hệ giữa tôi và thành phố này đã bị cắt đứt, giả như từ "thành phố" vẫn còn có nghĩa là nơi chốn những người sinh sống ở đó tác động lên nhau, những chuyện xấu cũng như những chuyện tốt. Tôi không còn sợ hãi hay lo lắng một việc gì nữa, tôi không còn trực hệ với cả chính tôi nữa, vậy thì, chồng, con, anh chị em, hay những người những việc có liên quan mật thiết với mình trong một hệ thống mà tự nó đã tự lực cánh sinh được còn có ý nghĩa gì? Tôi đã không hiểu ra được dấu hiện dầu tiên báo trước nỗi kinh hoàng chính là giai đoạn mình mất hết cảm giác. Tôi lái xe tách ra khỏi dòng xe cộ một cách dễ dàng, trong lúc cứ như ở trên cao nhìn xuống mình, lòng tôi lại có một cảm giác thích thú, rồi cho xe rẽ trái vào bệnh viện. Tôi tìm ra chỗ đậu xe ngay như thường lệ, và cũng không ngạc nhiên khi thấy mình đang đi vào một tòa nhà được xây cất lên ở đó, dẹp, dổ bóng che, trông như cắt từ một tấm bìa cứng. Tôi cũng không ngạc nhiên khi thấy tòa nhà còn có những bậc thang, mặc dầu dơ dáy, những bảng hiệu có mũi tên chỉ hướng phân định những lầu, những khu. Tôi đi nhanh về phía Khu C1, và đến trước căn phòng mang số 17. Tôi sửa sang lại sắc diện cho phù hợp với nét mặt một người đàn bà đi thăm chồng nằm viện. Tôi gõ cửa rồi bước vào, gật đầu chào người thanh niên nằm ở giường dầu tiên, rồi tiến đến giường thứ hai. Tôi vẫn còn quan sát mình từ trên một độ cao, thấy tôi mỉm cười, rồi cúi xuống hôn lên mặt người đàn ông đầu kê lên gối.

Trong suốt thời gian đó, tôi đã quan sát mình từ trên một độ cao.

Tôi vẫn hỏi những câu hỏi mà ai cũng thường hỏi, và nhận được những câu trả lời tương tự. Tôi lấy ly nước trái cây đặt lên chiếc bàn đêm, thu dọn những vỏ chai không, mở áo quần đơ. Tôi quán xuyến mọi việc một cách tự nhiên và chẳng hề hé môi nói lên những lo âu, những thương nhớ, bởi vì những người không có cảm xúc thường lại không bao giờ thiếu những lời nói đó ở đầu môi. Tôi cũng cảm thông, hỏi han những chi tiết bệnh tình, ngay cả đến những thay đổi nhỏ nhặt nhất của thân nhiệt, các cơn đau. Không, chưa có gì nguy kịch cả, mặc dù suốt ngày hôm qua tôi đã đứng ngồi không yên về bệnh tình của chồng. Tôi đã nói lên nỗi lo âu của mình, và đúng là ngày hôm qua

tôi đã lo nhiều. Vừa nói xong, tôi đã cảm thấy được chồng tôi không tin tưởng gì mấy, mặc dù anh không nói ra. Anh chỉ hỏi còn gì khác nữa không? Và anh chỉ nói có thế.

Còn gì khác nữa không?

Còn gì khác nữa không? Chẳng có gì đặc biệt. Cũng êm ả thôi. Không có nhiều người. Khiến em cảm thấy dễ chịu hơn. Không, chẳng có gì khác thường cả. Thôi đừng nói nữa. Hãy ngủ đi. Dĩ nhiên rồi. Anh sẽ ngủ ngon như một đứa con nít. Thôi dừng nói nữa. Anh dừng có lo lắng gì cho em hết.

Tại sao hôm nay em lại cứ bảo "Thôi dừng nói nữa", H. hỏi.

Em à? Tôi hỏi. Có thật là em đã nói thế không?

Trong vòng một phút, em đã nói "Thôi dừng nói nữa" đến hai lần, H. đáp.

Để cho em yên, tôi trả lời. Câu nói của anh cần một sự im lặng. Một lúc sau, H. bảo: em cứ khóc đi. Tôi đẩy chiếc ghế ra rồi ngồi lên giường. Mấy cô y tá không thích thấy những người đến thăm ngồi trên giường bệnh như vầy, anh bảo.

Anh có khỏe không, tôi lại hỏi. Cũng là những câu trả lời đó cho những câu hỏi khác nhau. Mặt anh trông xanh xao, có những nếp nhăn mới xuất hiện trên mặt. Tôi lấy tay vẽ dọc những nếp nhăn trên mặt mà tôi đã quen. Bệnh tình anh cũng trầm trọng lắm. Ngày hôm qua, suốt một buổi sáng tôi đã phải cố gắng lắm mới xóa tan được cái viễn ảnh một đời sống không có anh bên cạnh. Mọi chuyện đều tốt đẹp cả, tôi nói. Mọi chuyện đều tốt cả.

Thật không?

Thôi hãy ngưng nói đi.

Sau này, em sẽ kể hết mọi chuyện cho anh nghe. Đừng sợ hãi. Em không còn sợ hãi nữa đâu. Mọi chuyện đều do mình, anh biết không. Dừng cười, nếu cười sẽ làm cho anh đau. Anh có thể cười em bao nhiêu cũng được sau khi anh hồi phục. Cám ơn Chúa, anh vẫn còn nhiều thì giờ để cười em, người chồng yêu quý của em ơi. Anh biết không, trong một chốc em đã cảm thấy quá hạnh phúc đến nỗi không còn biết mình phải làm gì. Ngay cả việc không được chạm lên người anh.

Thôi được, em về.

Khi ngồi trong xe, tôi hát khẽ "Em có thấy con chim sáo không, con chim sáo, con chim sáo...". Bọn họ không thể thắng mình được đâu, chồng yêu quý của em ơi. Tôi mở lớn máy thu thanh trong xe rồi hát theo điệu nhạc. Lái xe qua đường Leninallee quá nhanh, bất chợt

định ghé lại hàng ăn rồi quay xe qua bãi đậu xe bên kia đường. Não thùy của tôi đã không ghi nhận kịp tấm bảng cấm quẹo chữ U. Tôi mong là không ai thấy....

Ố ồ! Tiếng xúp lê vang lên. Thì ra đã có một viên cảnh sát đứng gác ở góc đường này. Khi ông ta vẫy tay tôi lại gần, tôi trình giấy tờ một cách thân thiện và làm bộ ăn năn. Tốt hơn hết là nhận tội ngay, đừng tìm cách phớt lờ mà phải giải thích lý do để cho người đang thi hành luật pháp kia, lúc ông vừa đang hạ cơn giận, có thể chấp nhận để xem như là những trường hợp giảm khinh. Cuối cùng ông ta đã không viết giấy phạt tôi. Cơn giận khiến ông có thể phạt tôi đã đến nhưng rồi cũng dã đi. Nếu bị phạt, tôi sẽ phải trả nhiều nhất là mười đồng mark, và có thể chỉ trả 5 đồng nếu ông hài lòng với lời giải thích. Viên cảnh sát kia có thể làm gì hơn với một người vi phạm luật lệ giao thông dã thẳng thắn nhận là mình cũng đã đi qua con đường này nhiều lần rồi, một người đã không tìm cách chạy tội mà chỉ nói rằng vì đãng trí mà phạm luật, và hơn nữa người đó lại là một người đàn bà? Ông ta trả lại giấy tờ cho tôi, rồi nhẹ nhàng cảnh cáo là đừng bao giờ tái phạm. Ông đưa tay lên mũ rồi nói: Từ nay bà đừng có quẹo xe chỗ này nữa, rồi chào tôi.

Nhưng không phải khi nào tôi cũng gặp may như thế.

Đúng vậy. Những người phục vụ tại tiệm ăn không thân thiện chút nào, lại chậm chạp, để rồi cuối cùng tôi bước ra khỏi tiệm mà chẳng ăn uống gì. Kinh nghiệm cho tôi biết là chừng khoảng một tiếng đồng hồ sau tôi sẽ không còn cảm thấy đói nữa. Trời tối dần. Tôi đánh liều đậu xe vào một khoảng phố tối tăm sập sệ ở đằng sau quãng trường Alexanderplatz, rồi phí mất một khoảng thời gian đi bộ theo hướng ngược chiều với hướng Trung tâm Văn hóa. Khi tìm ra địa chỉ, thời khoảng nửa giờ tôi hẹn đến sớm với người điều khiển chương trình cũng đã bắt đầu. Mặt tôi không còn nét vui tươi như trước nữa, nhưng vẫn còn chút ít nhiệt thành. Chính chút nhiệt thành còn lại đó đã giúp tôi chen qua được đám đông người đang đứng chận trước cửa. Tôi cười cười bảo dám người trẻ trước cửa là nên để cho tôi đi vào, và họ cũng dã cười cười tránh ra cho tôi đi. Một tấm bảng lớn để ngay trước cửa: Hết chỗ. Hai bên cửa vào có hai người trẻ đứng gác. Chà, chuyện không ngờ. Không đáng được gọi là kín đáo. Những người trẻ này đã không gây phiền nhiễu cho ai, họ chỉ lễ độ ra đấu cho những người bên trong mở rộng cửa thôi. Và cửa đã mở. Bốn năm cô gái trẻ, mấy người đàn bà và hai người thanh niên đang đứng nơi hành lang chào tôi một cách lịch sự. Một cái bẫy! Đầu óc tôi đã có những ý nghĩ phóng

đại như thế, trong lúc đó tôi lại đưa tay bắt mọi người đứng quanh, phần lớn vì tôi đang lúng túng chứ thật sự không cần thiết. Tôi đọc thấy bảng dề Câu Lạc Bộ Nhân Dân Đoàn Kết treo ở cửa phía bên phải của tôi, rồi được một cô gái trẻ dẫn đến một bậc thang có ghi Phát Triển - Thịnh Vượng - Ổn Định. Tôi đọc lại một lần nữa một cách máy móc: Phát Triển - Thịnh Vượng - Ổn Định. Chúng ta đang ở đâu đây? Tôi thấy như mình đang muốn hỏi cho ra lẽ câu hỏi này, nhưng dành phải nhận ra là chưa phải lúc và cũng chẳng phải nơi.

Cái không khí không có thực của văn phòng Trưởng phòng sinh hoạt văn hóa, thực ra là một phòng chứa những bàn ghế cũ, khác hẳn với không khí ở những văn phòng làm việc khác. Ba tấm bích chương dã lâu ngày treo trên tường cũng chẳng làm tăng thêm được chút nào không khí sinh hoạt văn hóa mà đồng nghiệp K. đã mong đợi. Đồng nghiệp K. tỏ ra rất hớn hở khi thấy tôi, nhưng tôi lại thấy bà đang bực tức thì đúng hơn. Bà mặc một chiếc áo len màu xanh, làm nền cho một chiếc khiên có khắc một chiếc búa bằng đồng lớn cỡ bằng nắm tay, đeo lủng lẳng ngay giữa ngực. Tôi tự hỏi không biết bà có phải là Brunhilde hay không, nhưng rồi nghĩ là có biết thêm cũng chẳng ích lợi gì. Rồi bà bắt đầu nói rất nhanh, nhanh đến nỗi chiếc khiên mang trên người phải lay động theo. Bà đang bực bội gì thế? Lúc đầu tôi ngạc nhiên, nhưng sau lại cảm thấy sợ hãi khi thấy tay bà xáo qua xáo lại trên bàn giấy, khi thấy mắt mà dõi nhìn về phía cuối phòng, và tôi đã hiểu ra: bà ta đang sợ. Đơn vị đo lường mức sợ hãi nơi bà chính là sự lay động của chiếc khiên đeo trên người. Khi nói tới cấp chỉ huy của bà, cái khiên rung lên nhè nhẹ; rõ ràng là ông ta thấy không cần phải giúp bà đương đầu với mấy ông lớn, mà khi nói đến mấy ông lớn thì tiếng lanh canh của chiếc khiên lại càng lớn hơn. Không thể bỏ buổi sinh hoạt tối nay được, và bà đã thuyết phục được những ông lớn cho phép tiếp tục buổi sinh hoạt. Họ cũng đã gây nhiều áp lực với bà. Tuy thế, chiếc khiên bằng đồng của bà K. lại kêu rổn rảng khi câu chuyện bàn đến những người đang ở bên ngoài không vào được phòng hội. Bà K. không muốn một cuộc tụ họp ồn ào như thế.

Tôi cũng không cần một sự tụ họp đông dảo như thế, mặc dù tôi không nói ra. Tôi vận dụng hết kinh nghiệm của mình - tôi vốn có rất nhiều kinh nghiệm - và bắt đầu hỏi bà K. những câu hỏi vừa nhằm giúp bà vừa để tìm hiểu được tình hình bao quát như thế nào. Có một cách làm được chuyện này mà tôi không biết làm sao có thể giải thích cho một người ngoài cuộc được. Tôi nghiệm là ở xứ nào cũng có những buổi nói chuyện, nhưng những ý nghĩa bị khuất lấp chỉ được thể hiện

rõ ra khi so sánh với hàng chục những mẩu chuyện tương tự về cùng một đề tài.

Vậy thì ở "trên" đã có vấn đề gì? "Trên" sợ rằng sẽ có những lộn xộn xảy ra. Như chuyện gì, chẳng hạn? Những câu hỏi khiêu khích của thính giả, ví dụ. À tôi hiểu. Người ta đã hạ thấp mức độ của những câu hỏi có thể chấp nhận được xuống một vài nấc. Nhưng chẳng có gì đáng lo đâu, bà K. ạ. Hãy để mọi chuyện cho tôi lo liệu. Tôi không phải là một tay non.

Tôi không phải là một tay non? Nói thật, ngày hôm nay, hơn hết thảy mọi ngày, tôi nghĩ mình là một người non nớt.

Còn gì nữa không, bà K. À ra thế. Các nhà báo ngoại quốc. Những nhà báo ngoại quốc nào? Những người có thể lẻn vào, mặc dù... Mặc dù gì? Có phải đây là một buổi nói chuyện công cộng không? Ô, đúng vậy, nhưng...

Nói qua nói lại, người ta cũng đã có những biện pháp phòng ngừa. Phòng ngừa?

Trong đầu tôi lúc đó một tiếng chuông báo đang reo lên. Lúc đó tôi đang điều đình với đồng nghiệp K. với mọi sự thận trọng, khôn ngoan, thân thiện, và đã gạt bỏ được những sự e dè của viên trưởng phòng sinh hoạt văn hóa ở Thuringen, người chỉ mới vài phút trước đây đi lạc trong thành phố Bá Linh lúc này đã như một tổ rắn. Sau một hồi tranh cãi khiến cho cái khiên đeo lủng lẳng trên người bà rung vang lên, bà K. đưa cho tôi danh sách những người được mời tham dự với bộ điệu của một người sắp sửa tung hàng loạt quân vào mặt trận. Danh sách đó thực sự đã làm cho tôi cảm thấy hân hạnh. Không thiếu một ai cả.

Tôi nói với bà K. là danh sách này làm cho tôi cảm thấy hân hạnh. Nhưng còn sáu con số kế tiếp nhau bỏ trống không ghi tên tuổi hay nhiệm sở này có nghĩa gì? Bà K. vẫn im lặng, mắt nhìn xuống mặt bàn. Tôi cũng im lặng rồi đưa mắt nhìn xuống bàn. Chỉ có sáu người, tôi tin là thế. Khi nghĩ đến những buổi sinh hoạt khác mà con số này chiếm khoảng một phần tư số thính giả... Nhưng cũng không nên vì đó mà cho là có tiến bộ. Điều quan trọng hơn cả là ngay bây giờ, tôi phải cố giữ cho được óc khôi hài của mình.

Vì thế tôi đã hỏi bà K. là số người đến tham dự có phải là người thường không, sau khi đã xem sét danh sách này. Câu hỏi của tôi đã khiến bà cảm thấy bị sỉ nhục. Dĩ nhiên là bà đã cho phép một số người "bình thường" vào bên trong hội trường. Đó chính là những lời bà nói,

và khi nghe thế, tôi cũng đã lấy lại được tinh thần. Ít ra thì cũng còn có gì để trông cậy vào lúc tuổi già.

Nhưng bây giờ bà K. phải vội vã đi xuống dưới cửa để phân tán đám đông đang tụ họp ở bên ngoài. Sao không để cho một số nữa vào, sao không mở cánh cửa bên phía cầu thang? Bà K. đã gạt bỏ lời đề nghị viện cớ vi phạm luật lệ phòng hỏa. Khi không còn ai ở bên cạnh, tôi lật những trang bản thảo, tay quẹt những giọt mồ hôi đang lấm tấm trên mặt, rồi xịt một chút nước hoa. Không phải những căn nhà cổ ở thành phố Bá Linh này, với nhiều hành lang bên trong, đã có những lối thoát kín đáo sao? Có thể nào các lối thoát đó nằm bên cạnh phòng vệ sinh, nơi tôi vẫn có thể ra vào mà không sợ ai để ý? Đến đó rồi giả vờ mở nhầm cửa thoát thay vì mở cửa phòng vệ sinh mà vẫn tránh được những cặp mắt nhòm ngó vậy. Hơn nữa, tất cả những lời nói quanh co thầm gợi ý những chuyện rắc rối như thế này chưa bao giờ xảy ra trong quá khứ chỉ vô ích. Bao giờ cũng có một lần đầu tiên cho bất cứ chuyện gì.

Nhưng bà K. đã trở lại. Bà có thể giải tán được đám đông ngoài kia không? Rất tiếc là không. Từ khi gặp cho đến giờ, tôi đã thấy thân hình bà run rẩy ở nhiều nơi trên người, nhưng ngay lúc này tôi lại thấy chiếc cằm bà run lên. Bà bảo là cho dù có chuyện gì xảy ra đi nữa, bà quyết định để tôi thực hiện chương trình như dự định. Chắc phải có chuyện gì xảy ra ở bên dưới, ở đằng trước cửa. Chỉ có ai quyết tâm lắm mới bước đi với một dáng điệu như khi bà bước đi phía trước tôi. Nếu màu xanh thật sự là màu của hy vọng, thì chiếc áo len màu xanh của bà đã biểu tượng cho nhiều thứ, nhưng lại không có hy vọng. Khi đến trước cửa thính đường, bà không định tâm giới thiệu tôi. Tôi chỉ việc đi thẳng lên sân khấu và bắt đầu. Khi buổi nói chuyện bắt đầu, người ta sẽ chú ý, bà K. nói thế. Chắc chắn đây cũng là lần đầu tiên.

Hội trường im lặng. Tôi chen giữa những hàng ghế, tiến tới trước bục, trên bục có một chiếc bàn trơ trụi, một chiếc ghế và một cây đèn. Tôi bước lên bục rồi ngồi vào ghế. Một đôi người vỗ tay. Như vậy họ không phải là những người trong sáu người ghi trong danh sách. Hay đúng là họ? Tôi loan báo mình sẽ đọc gì và bắt đầu.

Tôi thuộc lòng bài văn. Những câu văn có nhịp điệu, giọng tôi trầm bổng, khi mạnh khi yếu. Phải như vậy. Mọi chuyện đều như máy móc, và sẽ không ai để ý. Thưa quý ông quý bà, tôi sẽ làm vừa lòng quý ông quý bà đêm nay. Tuy số tiền quý ông quý bà đã bỏ ra mua vé rất khiêm nhượng, nhưng tôi cũng sẽ làm cho quý ông quý bà cảm thấy đồng tiền đã bỏ ra là xứng đáng. Điều tôi muốn biết là có phải chính

quý vị đã móc tiền túi ra mua vé, hay cơ quan của quý vị đã trả một mark rưỡi cho tiền vé đó? Tôi chỉ mong thế thôi. Quý vị có cần phải gượng gạo tỏ ra mình quan tâm tới sinh hoạt văn hóa để khỏi mất sở, hay là ngay cả điều đó cũng không cần thiết nữa? Và quý vị đã nhận được những chỉ thị nào trước khi đến đây? Cuối bài, quý vị phải vỗ tay, và nếu vỗ tay, thì phải vỗ trong bao lâu? Hay phải bày tỏ sự bất bình của quý vị với buổi sinh hoạt? Bất bình ở điểm nào? Lúc này người ta không còn dương cao những nắm tay của thợ thuyền như trước nữa đâu.

Phát Triển - Thịnh Vượng - Ổn Định

Vâng, quý vị sẽ được phục vụ tận tình. Một ngày kia, quý vị sẽ ngán đến tận cổ, các đồng nghiệp thân mến của tôi ơi. Tại sao trong số đông thính giả như thế mà lại có một người trẻ ngồi phía trái, mồ hôi chảy dài trên trán mà không thèm lau? Anh không dám lau vì sợ bị chú ý chăng? Anh có thích đến nghe buổi đọc văn như anh đã cố gắng để lộ ra trên nét mặt không? Và cô gái ngồi ở dằng sau anh, một cô gái trẻ tóc dài - cô làm việc ở cơ quan nào nhỉ? Hay là cả hai đã không có chỉ thị đến đây, mà họ chỉ là hai trong số những người "thường"? Những người mà tôi muốn đọc bài văn cho họ với một cách thế hoàn toàn khác. Tại sao tôi lại "phải": phải làm cái này, phải làm cái nọ. Cho dù chỉ có hai người? Nhưng cũng có thể có hai ba chục người, và tôi đã bỏ quên hết họ rồi. Và tại sao tôi cũng không nghĩ ra đây cũng là một kinh nghiệm đáng học hỏi cho những người đã được cơ quan của họ gởi tới? Bởi có ai bảo họ là những con người bằng đá, những con người không thể dụ dỗ được đâu?

Thôi được, tôi sẽ cố gắng.

Giờ tôi không còn màng đến việc phân loại thính giả nữa. Bất kể là trong số hơn một trăm người ngồi đây họ đã nghĩ gì về cuộc đời của họ - trong một giờ đồng hồ này, tôi sẽ cấy vào đầu họ cái nhãn quan của tôi. Tôi không còn phản đối, hay dè dặt trước bất cứ một thính giả nào đêm nay nữa - và mặc dầu tôi không thể thề thốt cam đoan, nhưng tôi tin tưởng vô cùng - là có thể sáu người không ghi tên trong danh sách, hay nhiều hơn nữa cũng đã bỏ quên thành kiến của họ rồi, nếu không nói là đã quên công tác, trong giờ phút này. Bởi vì chúng ta sẽ đi về đâu khi chính chúng ta gạt bỏ những bàn tay đang chìa ra phía chúng ta?

Tôi cũng đã thấy đồng nghiệp K. hớn hở kết thúc buổi đọc văn lúc tôi ngừng để chờ đợi câu hỏi đầu tiên, một buổi đọc văn mà lúc đầu

bà đã ngần ngại không muốn tiếp tục. Chưa có chuyện gì xảy ra, nhưng có thể xảy ra bất cứ giây phút nào - chẳng hạn khi thấy người thanh niên ngồi hàng ghế đầu, người thanh niên vã mồ hôi lên trán, đứng dậy. Gì nữa đây? Nhưng anh ta chỉ muốn biết khi nào sách sẽ được xuất bản, và không ai trong số sáu người đã nói có thể đã mở đầu buổi đối thoại một cách khôn ngoan như thế, vì lúc này đang nói về chuyện xuất bản sách. Ngày mai, khi bản báo cáo về tôi được chuyển đến nơi có thẩm quyền, sẽ ghi là "không khí trầm tĩnh". Không khí tổng quát của buổi nói chuyện trầm tĩnh.

Nhưng không nên quả quyết sự việc gì trước khi sự việc thực sự xảy ra. Luôn luôn phải thận trọng với những cảm xúc của mình. Ở hàng ghế cuối, một cô gái trẻ thuộc loại mà tôi không ưa mấy đã đứng dậy rồi bắt đầu nói chuyện "tương lai" - một từ mà tuy không ai ưa nhưng lại có khả năng làm thay đổi bầu khí của cuộc thảo luận và khích động được đám đông. Người đàn bà trẻ đó làm nghề gì "Cô giáo? Sinh viên âm nhạc? Họa viên kỹ nghệ?" - Cô sẽ không có đủ can đảm nói trước đám đông nếu cô ta đã không chủ ý đến đây chỉ để hỏi câu hỏi đó, một câu hỏi mà cô không thể chần chờ được nữa: Làm sao có được một tương lai sáng sủa cho chúng ta và con cháu chúng ta từ một hiện tại chẳng có gì sáng sủa như thế này?

Cô nói với giọng trung bình, không lên án, không lả lơi, và nhất là đã không để lộ cảm xúc qua câu nói. Cô ta chỉ muốn biết mà thôi. Mọi người trong hội trường dường như cũng đã nhận ra được tín hiệu đó, mỗi người một cách. Chiếc khiên trên người đồng nghiệp K. rung lên một cách vô vọng nhưng cũng chẳng giúp gì được bà. Ngay cả những chữ Phát Triển - Thịnh Vượng - Ổn Định bằng đèn néon sáng chói treo trên tường kia cũng chẳng giúp được gì. Bây giờ vấn đề chính cũng đã được đặt ra - những vấn đề có thể ban cho ta sự sống nhưng nếu tước đoạt đi, cũng sẽ đem lại cái chết.

Tôi trả lời đại loại như thế, và cũng phải rất khó khăn, vì khi trả lời tôi cũng đã lãnh lấy trách nhiệm về câu hỏi đó thay cho cô gái, mong che chở cho cô được phần nào, biết đâu cô chính là con cừu non đang ở giữa bầy sói. Ngay tức khắc khi nhận câu hỏi như vậy tôi cũng đã thấy xấu hổ, bởi từ phía đã thấy xuất hiện những giọng nói, những cánh tay đưa cao, không những chỉ lập lại câu hỏi của cô gái đó mà còn tán rộng ra nữa là đằng khác, một cách bất cần và gay cấn. Những người này đang làm gì đây? Họ đang đưa mình vào chỗ hiểm nguy hay sao. Nhưng tôi lấy quyền nào để bảo rằng họ khờ dại hơn tôi? Tôi

có quyền gì mà bảo vệ cho họ trong khi chính họ muốn nói lên điều họ muốn nói?

Và vì thế tôi đã im lặng, lắng nghe như chưa bao giờ trong đời tôi đã chịu lắng nghe như thế. Tôi quên mất cả chính tôi, họ cũng quên mất tôi, và cuối cùng, tất cả đều đã không còn ý niệm về thời gian và nơi chốn. Hội trường nửa sáng nửa tối. Khi những hình người trong hội trường trở nên khó phân biệt, không khí trịnh trọng của buổi đọc văn tan dần. Không còn chuyện một người nói cho nhiều người nghe nữa, mà chỉ còn là nhiều người cùng nói với nhau, và vì thế cũng dã tự làm cho họ khốn nguy hơn. Có khi tôi phải giật mình: khốn nguy đến mức nào? Mối phân vân đó vẫn tiếp tục, chưa thấy có ai khai mào trận chiến. Phần lớn đều sửng sốt. Dường như họ cảm thấy họ sẽ ân hận suốt đời nếu họ không nắm lấy cơ hội sau cùng này để ngay lập tức đóng góp phần nhỏ vào cái tương lai đang cận kề đó, thứ tương lai càng ngày càng vuột ra khỏi tầm tay. Một ai đó đã nói tới "tình huynh đệ" một cách nhẹ nhàng. Thật rồ dại, tôi nghĩ; một người nào đó đã đứng bật dậy, dương cao nắm tay, giựt tóc tức bực trước sự mềm yếu, và không thể hiểu được rằng những gì đang xảy ra chung quanh họ đã nói lên được giá trị thực sự của từ "tình huynh đệ" không tưởng này. Anh ta ngồi xuống, lắc đầu; một người khác, như đang thích thú với giọng nói của mình, thúc dục mọi người bàn cãi cho rốt ráo, và có lẽ đó cũng là chủ ý của anh khi đến đây. Bầu khí trong hội trường càng lúc càng êm dần, như sau một tối hội hè. Tiếng người la lớn những đề sách vang khắp phòng, một vài người khác lúi húi ghi chép, một số khác nữa lại quay sang nói chuyện với người bên cạnh, và quanh cô gái đặt câu hỏi đầu tiên cũng đã có một đám đông người vây quanh.

Có phải đồng nghiệp K. dã mất hết lý trí rồi chăng? Bà có phải chịu trách nhiệm hay không? Nhưng bà còn kia kìa, bước đi một cách rón rén đến nỗi người ta có thể lầm âm thanh đó với âm thanh của những dinh sắt của chiếc giày. Chiếc áo len của bà đã trở nên xanh hơn trước, đôi má ửng hồng hơn trước. Bà đang run chăng? Dĩ nhiên. Cái run rẩy của bà truyền vào lời nói, tuy vẫn còn có vẻ quyết liệt. Đã đến lúc rồi đây. Tất cả những tụ họp phải... Và bà cũng đã kết thúc buổi đọc văn, và thay lời thính giả. Những lời cám ơn. Những bó hoa. Những cành hoa phong lữ thảo không thể thiếu với những cành lá măng tây bọc quanh. Một buổi tối vui thú cho mọi người.

Thế nhưng mọi người vẫn ngồi yên tại chỗ. Bà K. có lầm lẫn chăng? Có phải là chưa đến lúc để kết thúc chăng? Mặt khác, họ còn chờ đợi gì nữa? Không ai biết, nhưng khi ông già ngồi ở hàng ghế thứ

hai - trông ông có vẻ dáng của một cựu chiến binh - đứng dậy, mọi người quay lại như thử đang chờ đợi ông ta. Một trong những người lớn tuổi nhất, ông chỉ muốn nhân cơ hội này bày tỏ một cử chỉ thân thiện. Rồi ông lấy một chiếc hộp gói trong giấy mỏng để trong một chiếc bao vải cũ rồi đưa tặng tôi. Bây giờ họ cười, họ vỗ tay, và cũng có thể đứng dậy rồi tản mác ra về. Một vài người tiến về phía trước, mang những tấm hình đến xin chữ ký, trong số đó có cô gái trẻ đã hỏi về tương lai của chúng ta sẽ đi về đâu. Cô làm nghề gì nhỉ? Tôi chỉ là một y tá. Tại sao phải "Ô, tôi chỉ". Ô, vì nghề đó chẳng có gì đặc biệt.

Đây phải là cao điểm của buổi đọc văn. Nhưng thay vào đó, còn có vài lời cuối. Những lời cuối đó do hai thanh niên từ ngoài cửa tiến vào, và đã không vào được hội trường cho tới giờ phút này. Một người thanh niên trông thật vô hại, và một cô gái tóc vàng quấn. Khi tôi ký vào sách, người thanh niên này xưng tên. Anh chính là người đã bỏ những bài thơ của anh vào trong hộp thư của tôi trong mấy tháng vừa rồi. Gặp nhau như thế này cũng là đẹp lắm rồi.

Rồi người thanh niên hỏi: "Bà có biết là công an đang giải tán đám đông tụ tập trước của không?"

Tôi nhận ra ngay cái cảm giác nao lên trong ruột như đang đứng trong một thang máy bị tuột dây cáp lao vun vút xuống hầm. Công an? Tại sao? Và tại sao tôi phải biết? Đồng nghiệp K. ơi.

Bà K. đã chuẩn bị. Vâng, rất tiếc. Rất tiếc là phải gọi công an tới để bảo vệ. Đám đông bên ngoài đã ồn ào phá phách.

Cả người thanh niên lẫn cô gái nói nhỏ: Không đúng vậy đâu.

Không đúng. Đồng nghiệp K. biết rõ hơn thế. Chính bà cũng đã bị la ó khi bà tìm cách giải tán đám đông đó một cách êm thấm kia mà.

"Êm thấm gì!" Hai người trẻ trả lời, hơi thở gấp.

Thì ra bà đã biết chuyện công an đến can thiệp. Tôi hỏi bà, có phải bà đã gọi công an đến không?

Mọi việc xảy ra trong vòng trật tự và tôn trọng luật pháp. Sở công an đã gọi báo cho bà biết họ đã phái một đội công an đến.

Khi nào? Gọi công an khi nào?

Khoảng sáu giờ rưỡi. Dĩ nhiên là trước khi bắt đầu buổi đọc văn. Nhưng chúng tôi cũng đã dự đoán trước là sẽ có chuyện xảy ra.

Nhưng chuyện gì? Có chuyện gì đâu? Cả người thanh niên lẫn cô gái đều hỏi.

Bỗng nhiên một người đàn ông xuất hiện bên cạnh bà K., như từ

dưới đất vừa mới chun lên. Bà K. đang run lập cập, từ đầu đến chân. Ông ta chỉ hơi cao hơn bà một chút, nhưng chắc chắn là lương ông ta lại cao hơn bà một hai bậc. Ông chính là giám đốc trung tâm văn hóa, cấp chỉ huy của bà. Bây giờ đến lúc ông phải ra mặt. Cốt cho đám thanh niên ở ngoài kia biết... Hãy nói cho rõ chuyện đi, chuyện gì đã xảy ra ngoài đó? Thôi được. Mấy năm trước đây ông ta có học luật, nhưng có học luật hay không thì người ta ai cũng biết chuyện xảy ra ngày hôm nay cùng lắm chỉ là phạm tội xâm phạm địa sản mà thôi. Tuy nhiên, để tránh một sự xâm phạm như vậy, người ta đã dùng một lực lượng an ninh hùng hậu, cho dù có người đã không đồng ý như thế. Chỉ để làm cho mọi chuyện rạch ròi. Hơn nữa, công an cũng chưa dùng biện pháp mạnh để giải tán, và nếu có chăng đi nữa, người ta vẫn có thể biện minh cho việc làm của họ.

Một người trong số họ đã nói với tôi rằng họ có thể lùa hết tất cả bọn tôi lên ba hay bốn xe tải rồi chở về đồn, và úm ba la, mọi chuyện được giải quyết, cô gái đã nói như vậy.

Họ nói với cô thế à! Viên giám đốc trung tâm văn hóa hỏi với một giọng quyền uy. Nhưng thật sự công an đã làm gì?

Họ xô đẩy những người đứng trong hành lang hội trường.

Vậy chính cô đã xác nhận rồi đó! Công an đã vãn hồi trật tự mà không đổ một giọt máu nào. Và đồng nghiệp nhà văn có biết rằng những người ái mộ bà đã tông cửa để vào trong hội trường không?

Tông cửa à? Người thanh niên hỏi. Ở bên ngoài, chúng tôi thấy rất nhàm chán, giết thì giờ với những chuyện tào lao. Một người nào đó đứng ở cửa đã nói lớn: Chỉ cần một chiếc chìa khóa dẹp thôi! Rồi có một ai đó mang đến một chiếc chìa khóa, rồi họ mở cửa - cũng dễ thôi - rồi một số người vào bên trong. Chỉ có thế. Mọi chuyện xảy ra một cách êm thấm, có vẻ vui nữa, như đang tham dự một buổi hội hè vậy. Vì vậy xin bà đừng nghĩ là ai muốn phá đám buổi đọc văn của bà.

Điều tôi nghĩ không có gì đáng nói. Tôi cảm thấy nhẹ người khi bà K. biết đã có công an đến, bà không biết chuyện xâm phạm địa sản. Tôi tự hỏi không biết hai người đứng gác cửa ngoài kia đã làm gì khi người ta mang chiếc chìa khóa đến. Chiếc chìa khóa có thể nào qua tay họ không? Có một điều gì hết sức vô lý về chuyện này mà tôi không thể nào bỏ qua được. Cú điện thoại gọi cho công an lúc sáu giờ, trước khi có người nghĩ ra chuyện dùng một chìa khóa dẹp, hay là họ đã biết trước? Tôi cảm thấy nhẹ người hơi sớm. Jurgen M., hay một ai đó, sẽ nhận được tờ báo cáo, có thể có ba bốn báo cáo đầy đủ chi

tiết, những tờ báo cáo làm cho hắn vừa lòng và làm cho tập hồ sơ về tôi dày cộm lên. Và có thể nào Jurgen M. sẽ bỏ qua dịp may để thu thập tin tức về tôi, trong khi đó những tay chân của hắn tuy đã đứng lâu trước cửa nhưng đã không thu thập được gì? Cũng có thể lắm chứ. Nhưng không thể nói được. Không thể nói dược. Không thể nhắc đến được.

Thôi, chào các bạn. Chúc các bạn ngủ ngon.

Cho tôi một phút. Viên giám đốc muốn nhân cơ hội để kết luận rằng buổi sinh hoạt tối nay đã thành công mỹ mãu, và tất cả những việc đáng tiếc xảy ra bên ngoài khoug có gì liên hệ đến nhà văn đồng nghiệp cả. Tốt hơn hết là xem như không có chuyện gì xảy ra. Đồng nghiệp K. cũng đồng ý, tuy cằm bà vẫn còu run, và chiếc khiên vẫn kêu lanh canh. Mất bà nhìn chăm vào ông xếp, trong đầu đang nghĩ đến những lời lẽ để viết tờ trình: Đó là một buổi đọc văn bình thường trong một không khí cởi mở, và thính giả rất hài lòng.

Đúng vậy, ông xếp của bà nói.

Tôi ra về, hai người trẻ đi kèm. Một người nào đó đã mang bó hoa tôi để quên. Cả hai người đi theo tôi ra đến tận xe. Người thanh niên nói: tôi phải đưa bà ra đến tận xe. Chúng tôi đã không nói gì nhiều. Những người đứng bên ngoài rất bình thản, bình tĩnh và chẳng có gì khiêu khích. Họ nói chuyện với nhau. Chẳng hạn như hai người trẻ đang cùng đi với tôi, họ chỉ mới gặp nhau ở ngoài đó thôi.

Vậy thì hay quá, tôi nói.

Bây giờ hình như tôi đã thấm mệt.

Vâng.

Thảo luận gì hứng thú không?

Rất hứng thú. Chúng tôi đã thảo luận với nhau về tương lai. Về những gì còn lại.

Những gì còn lại.

Tôi không thể nhịn cười. Tôi biết nếu tôi bật lên cười sẽ rất nguy hiểm. Và tôi đã ngăn được. Cả hai người trẻ khám phá ra rằng họ ở cùng hướng với nhà tôi. Tôi bảo, mong gặp lại các bạn, rồi lên xe, lái về nhà. Đầu óc tôi chỉ còn biết một điều là tôi đã thấy mệt.

Chuyện gì sẽ xảy ra nếu công an xúc hết đám thanh niên này lên xe đưa về bót? Nếu họ... Chỉ có thế. Tôi không thể làm gì hơn được. Dẹp được loạn, họ nói. Tôi lại bí.

Vào khoảng thời gian này trong đêm, đường Orianienburger-

strasse dã vắng xe, đường Tucholskysdtrasse cũng thế. Tôi lái xe một cách máy móc, rồi cho xe vào đậu ngay hàng đầu tiên của bãi đậu xe rộng lớn, đối diện với cửa sổ nhà tôi và ngay bên cạnh chiếc xe bên trong có hai người thanh niên đang ngồi hút thuốc. Ban ngày có thể thấy được màu xanh của xe. Màu xanh đậm. Thôi mặc kệ nó. Mặc kệ họ. Bất kể ngày hay đêm, mùa hạ hay mùa đông cũng mặc.

Lúc đó là 11 giờ 5 tối.

Căn chung cư tối tăm, yên lặng. Tôi đi qua các phòng với đôi chân trần, rồi mở sáng đèn. Vào bếp, tôi bỏ bó phương lữ thảo vào một chiếc bình hoa, cho thêm ít nước. Tôi nhìn chòng chọc vào người xướng ngôn trên máy truyền hình, chúc khán giả ngủ ngon rồi biến mất. Tôi nhìn những dĩa hát. Thắng lợi. Vẻ vang. Có giúp gì được cho tôi đâu? Bài hát được ưa thích nhất "Tôi đến như một kẻ lạ" có giúp gì được tôi đâu? Và rồi tôi sẽ ra đi như một kẻ lạ.

Chẳng có gì ăn khớp với nhau.

Tôi bước dọc theo kệ sách, trèo lên một chiếc thang thấp, rồi lấy một cuốn ở trên kệ. Chẳng có gì giúp được tôi nữa. Tôi đã mất hết tinh thần, ngay cả đức tin cũng không còn. Chỉ còn lại đâu đó một vài dòng chữ. Thời gian như một kẻ sát nhân... Chỉ có điều đó mới có hiệu quả. Khi thời gian là một kẻ sát nhân, tôi thành một người cô đơn.

Tôi vào phòng tắm, nhìn chăm chăm vào tấm kính soi tôi không còn thể đập vỡ được nữa vì ai đó đã đập vỡ mất rồi. Con đường đã được dọn sẵn. Người ta đã đổ xi măng lên lối đi dùng để xua đuổi chúng tôi. Tôi trở vào phòng khách, mở máy thu thanh. Tôi gỡ lớp giấy bọc hộp kẹo ông già tóc bạc tặng. Tôi đọc tấm cạc bên trong hộp. Tôi mới biết ra ông ta là một linh mục và nói đã cầu nguyện Chúa bảo bọc cho tôi. Tôi mở lớn máy thu thanh đang phát hết những bản nhạc ưa chuộng, ngồi xuống, ăn hết viên kẹo này đến viên kẹo khác cho đến khi hộp kẹo vơi đi một nửa.

Bây giờ làm gì đây?

Điện thoại reo. Lúc đó đã nửa đêm. Cô con gái lớn của tôi đã nghe một người bạn kể lại chuyện xảy ra tối hôm đó. Người đó là một trong số những người tụ tập ở bên ngoài thính đường. Con gái tôi bảo là họ đã không khiêu khích ai. Đúng vậy. Họ vui vẻ, bình thản. Họ không muốn gây rắc rối phiền nhiễu cho tôi đâu. Điều đó tôi biết. Nhưng hãy nghe lại giọng nói của con đi. Cũng thường thôi mẹ. Đôi khi mình cũng phải lôi cổ mình đặt vào một khoảng thời gian nào đó trong tương lai chứ. Ô, vậy à. Đó là cách nhìn sự việc của con đó à. Tại sao không đi

ngủ mà còn gọi điện thoại lung tung vào giờ này. Tôi không muốn biết, thật sự là không. Ba có khỏe hơn không? Có, ba khỏe hơn! Vậy thì tốt rồi. Không phải là muốn gì được nấy đâu? Họ còn ở bên ngoài không? Còn. Họ có làm cho mẹ lo sợ không? Không, chẳng còn làm cho mẹ lo sợ nữa đâu. Vậy thì chúc mẹ ngủ ngon. Ô, nhân thể con cũng nói cho mẹ hay là họ không tin tưởng mẹ cũng đúng thôi. Mẹ cũng hiểu được điều đó rồi chứ.

Lúc tôi gác máy điện thoại, chuông lại reo một lần nữa. Một người đàn ông tôi chỉ biết lờ mờ nói rằng anh ta đã ở trong số đông người đứng ngoài cửa trước trung tâm văn hóa hồi tối. Họ có khiêu khích ai đâu. Tôi nói là tôi biết như thế. Sao, tôi có khỏe không? Khỏe, tôi trả lời. Thật sao. Thấy khỏe hơn, tôi nói. Tôi cho bà số điện thoại của tôi, người đàn ông nói, và bỗng nhiên tôi đã nhớ ra ông ấy là ai. Bà có thể gọi tôi, bất cứ giờ phút nào, kể cả đêm khuya. Trời ơi, lại trị liệu bằng điện thoại hay sao đây? Bà cứ cười đi, ông bảo. Tôi cũng chỉ muốn có thế thôi.

Tôi ghi số điện thoại của ông ta lên giấy. Tôi đi hết các phòng, tắt hết đèn đuốc chỉ chừa lại cây đèn trên bàn giấy. Lần này họ suýt nắm được tôi. Lần này, không biết là họ có cố gắng hay không, nhưng họ đã tìm ra được nhược điểm ở nơi tôi. Một ngày kia tôi sẽ mô tả lại bằng một thứ ngôn ngữ mới của tôi. Một ngày nào đó, tôi sẽ có thể nói một cách dễ dàng và tự do, tôi nghĩ. Bây giờ hãy còn quá sớm, nhưng không phải là lúc nào cũng sớm đâu. Tại sao không làm một việc giản dị là ngồi xuống nơi bàn viết này, bên ánh đèn này, đặt giấy vào chỗ, cầm bút và bắt đầu. Còn lại những gì? Có gì còn lại trong cội rễ của thành phố này của tôi, và cái gì đang rữa nát ngay tự bên trong nó? Trên đời này chẳng có bất hạnh nào hơn là không có đời sống, và chẳng có nỗi tuyệt vọng nào hơn là khi đã có, lại không được sống trọn vẹn.

Tháng 6-7, 1979 - Tháng 11, 1989

DUY LAM

người thi sĩ già

Người thi sĩ già nua
Kéo chiếc xe ngôn ngữ
Mệt quá dựa tảng đá
Vơ vẩn nhìn rừng thu.

Nhìn lại quãng đường qua
Thăm thẳm và hun hút
Hơi rừng mình thi sĩ
Thoáng thấy lòng quạnh hiu.

Xe chứa nặng khổ đau
Lơ thơ dăm bài thơ
Viết trên giấy đã cũ
Thời gian qua thật mau.

Chim chóc hót khe khẽ
Chuyền nhẩy trên cành cây
Làm rơi dăm chiếc lá
Trên hình người lặng yên.

Thi sĩ rời cuộc đời
Trong giấc ngủ để lại
Một xe đầy khổ đau
Thơ gió thổi đâu mất!

Lá vàng rơi phủ kín
Nấm mồ thi sĩ già
Nơi góc rừng vắng lặng
Trăm năm không người qua.

ghi nhận đó đây

Tác Phẩm Chung Kết Giải National Book Award 1993

Giải thưởng National Book Award, do hiệp hội các nhà xuất bản Mỹ National Book Foundation tổ chức và quản trị, hàng năm tặng cho những tác phẩm thi ca (poetry), tiểu thuyết (fiction) và khảo cứu (nonfiction) xuất sắc nhất trong năm. Hôm 30 tháng 9, tổ chức này đã loan báo có 15 tác phẩm được chọn vào chung kết, và kết quả sẽ được công bố vào ngày 17 tháng 11 tới đây. Mỗi giải trị giá $10,000, trao tặng cho những tác phẩm của những tác gia có quốc tịch Mỹ, xuất bản tại Hoa Kỳ trong thời gian từ 1 tháng 12, 1992 cho đến 30 tháng 11, 1993. Tổ chức này còn loan báo là có 149 nhà xuất bản nộp tác phẩm dự thi với một con số kỷ lục là 609 dề sách.

Tổ chức này còn loan báo việc trao tặng huy chương Medal for Distinguished Contribution to American Letters cho Clifton Fadiman, năm nay 89 tuổi, tổng biên tập (editor-in-chief) cho nhà xuất bản Simou & Schuster. Ngoài ra, ông còn viết các bài điểm sách cho tạp chí The New Yorker, điều khiển chương trình truyền thanh "Information Please!" Hiện ông còn đảm nhậm thêm chức vụ giám khảo cho ban biên tập của Book-of-the-Month Club, và thành viên ban biên tập của Encyclopaedia Britannica. Huy chương này còn kèm theo một phần thưởng hiện kim $10,000.

Các tác phẩm vào chung kết giải National Book Award như sau:

Tiểu Thuyết (Fiction)

"Come to Me", do Harper Collins/Aaron Asher Books xuất bản, tuyển tập truyện ngắn đầu tay của Amy Bloom.

"The Pugilist At Rest" do Little, Brown xuất bảu, tuyển tập truyện ngắn đầu tay của Thom Jones.

"Operation Wandering Soul" do William Morrow xuất bản, truyện dài của Richard Powers.

"The Shipping News" do Charles Scribner.s Sons xuất bản, truyện dài của E. Annie Proulx.

"Swimming in the Volcano" do Charles Scribner.s Sons xuất bản, truyện dài của Bob Schacochis.

Khảo cứu (Nonfiction)

"Land of Desire: Merchants, Power and the Rise of a New American Culture" do Pantheon xuất bản, của Richard Leach.

"W. E. B. Du Bois: Biography of a Race 1868-1919" do Henry Holt xuất bản, của David Levering Lewis.

"Gunfighter Nation: The Myth of the Frontier in 20th-Century America" do Antheneum xuất bản, của Richard Slotkin.

"United States: Essays 1952-1992" do Random House xuất bản, của Gore Vidal.

"Breast Cancer Journal: A Century of Petals" do Fulcrum Publishing xuất bản, của Juliett Wittman.

Thi Ca (Poetry)

"Garbage", do W. W. Norton xuất bản, của A. R. Ammons.

"My Alexandra" do University of Illinois Press xuất bản, của Mark Doty.

"The Vigil: A Poem in Four Voices" do Louisiana State University Press xuất bản, cuả Margaret Gibson.

"The Museum of Clear Ideas" do Ticknor & Fields xuất bản, của Donald Hall.

"What We Don't Know About Each Other" do Penguin Books xuất bản, của Laurence Raab.

Giải Lannan Foundation 1993

Vào trung tuần tháng 10, The Lannan Foundation loan báo các giải thưởng Văn Chương năm 1993, trao cho 10 tác giả Mỹ, trong đó có 4 tác giả dược giải thưởng (award) và 6 tác giả dược trợ cấp (fellowship). Giải thưởng cũng như trợ cấp năm nay tăng từ $40,000 lên $50,000, và dây là năm thứ năm tổ chức The Lanman Foundation trao tặng các giải thưởng và trợ cấp cho các tác giả Mỹ dễ giúp họ dành toàn thời gian vào việc sáng tác. Các tác giả được giải như sau:

William Gaddis	Lifetime Achievment Award
Paul West	Fiction Award
Denise Levertov	Poetry Award
Edward Hoagland	Nonfiction Award
Rikki Ducornet	Fiction Fellowsup
Denis Johnson	Fiction Fellowship
Carole Maso	Fiction Fellowship
Cyrus Cassells	Poetry Fellowship
Benjamin Alire Sáenz	Poetry Fellowship
Terry Tempest Williams	Nonfiction Fellowship

Giải Nobel Văn Chương 1993

Giải Nobel Văn Chương năm nay về tay Tony Morrison, một nhà văn nữ Hoa Kỳ. Trong số những tác phẩm của bà, Beloved (1987)

đoạt giải Pulitzer năm 1988 và là tác phẩm bán chạy nhất của Toni Morrison. Như thế, Toni Morrison trở thành người phụ nữ da đen đầu tiên đoạt giải Nobel, phụ nữ thứ tám, sau Nadine Gordimer, và là nhà văn Mỹ thứ 11 được giải thưởng cao quý này. Cùng tranh giải với Toni Morrison năm nay còn có Seamus Heaney, nhà thơ Ái Nhĩ Lan, một người đã được xem như ứng viên nhiều triển vọng nhất trong mấy năm gần đây; Hugo Claus, nhà thơ, kịch tác gia, đạo diễn người Bỉ sáng tác bằng tiếng Flemish; Bei Dao, nhà thơ Trung Quốc lưu vong; và Ali Ahmed Saeed, nhà thơ Liban nhưng sinh đẻ tại Syria, viết dưới bút hiệu Adonis. Trong số các tác giả người Mỹ được nhắc đến có Thomas Pynchon và Joyce Carol Oates. Trị giá hiện kim của giải Nobel Văn Chương năm nay là $825,000.

Văn Dĩ... Cải Tạo

Quan niệm dùng văn chương để chuyên chở đạo lý, cải hóa con người là một quan niệm đã có từ lâu. Nhưng đem văn chương áp dụng vào việc cải hóa phạm nhân hình tội thì chỉ mới thấy xảy ra ở Mỹ. Đây là sáng kiến khá độc đáo của Giáo Sư Robert P. Waxler, Đại học Massachussets tại Darmouth, đưa ra bàn với bạn ông là Robert Kane, một vị quan tòa thuộc hệ thống tư pháp New Bedford District Court, sau một trận đấu quần vợt. Hai người đã thực hiện sáng kiến này cùng với một nhân viên cải huấn, và với ngân khoản do The Shaw Foundation ở Boston trợ cấp.

Sáng kiến dùng văn chương để cải tạo này đòi hỏi phạm nhân theo học một lớp văn chương thay vì đi ở tù, và đã có 54 tội nhân bị kết án phạm 600 tội ghi tên theo học. Quan tòa Kane bảo rằng ông đã quá chán cứ thấy mãi những khuôn mặt quen thuộc ra hầu tòa, và cho rằng "ông đã bộc lộ sự bực bội của ông khi thấy mình không làm sao cải hóa được những người cứ mãi đứng trước mặt ông". Ông nói tiếp: "Có những người mà tôi nghĩ không thể cải hóa được, và tôi sẵn sàng bỏ tù họ. Nhưng có những người tôi nghĩ là họ sa vào cuộc sống phạm pháp chỉ vì muốn thử nghiệm cho biết, và tôi thấy họ là những người có thể cải hóa được".

Walter Grajales là một phạm nhân bị bắt tại trận lúc anh đang tìm cách mở xe để ăn trộm, mới 19 tuổi đời nhưng đã ở tù hai năm. Lần này anh chọn đọc những tác phẩm của John Steinbeck, Jack London, Ernest Hemingway và các tác giả khác bằng cách ghi tên theo học lớp văn chương tại Viện Đại học Massachussetts ở Dartmouth thay vì ngồi tù. "Tôi chưa bao giờ cầm đến cuốn sách", Grajales nói trong một buổi giảng về tác phẩm "Of Mice and Men" của John Steinbeck,

nhưng lại tỏ ra hết sức thoải mái khi ngồi chung phòng với những phạm nhân khác, vị quan tòa, nhâu viên cải huấn và giáo sư để bàn về những chủ điểm của cuốn sách như tình bằng hữu, bạo động, cuộc sống cô lập, v.v...

Chương trình cải hóa bằng văn chương này dành cho những phạm nhân bị kết án phạm những tội như trộm cắp, hành hung, đả thương, ngay cả những người phạm tội nhiều lần cũng được tham dự. Muốn được nhận vào chương trình, phạm nhân phải biết đọc, và phải thuyết phục được vị quan tòa cùng nhân viên cải huấn rằng chính họ thực tâm muốn sửa đổi.

Khi đưa ra sáng kiến, Giáo sư Waxler muốn thử nghiệm quan niệm văn chương ảnh hưởng sâu rộng lên con người. Ông nói: "Tôi thật tình tin tưởng rằng trong tất cả những thứ dụng cụ dùng để nhân bản hóa thế giới này, văn chương vẫn là một thứ dụng cụ có nhiều hiệu năng nhất". Các bài giảng không mang tính chất của một bài giảng dạo, nhưng là những cuộc thảo luận về các mẫu mực đời sống của nhân vật, phân tích những yếu tố tâm lý, xã hội cấu tạo nên đời sống đó của nhân vật.

Một lớp học thuộc chương trình này mãn khóavào thượng tuần tháng mười, và những phạm nhân sẽ được hoàn toàn tự do sau lễ mãn khóa, với điều kiện họ phải trình báo với nhân viên cải huấn mỗi hai tuần lễ một lần.

Theo dõi thành quả của lớp học, Giáo sư hình phạm học G. Roger Jarjoura thuộc Đại học Indiana kết luận những phạm nhân theo học lớp này thường ít tái phạm, trong khi những người không theo học lớp văn chương lại là những người thường hay phạm pháp lần thứ hai hay nhiều hơn. Ông theo dõi 32 phạm nhân theo học lớp văn chương trong suốt một hay hai năm rưỡi và thấy chỉ có 6 người tái phạm. Cũng trong thời gian đó, ông theo dõi 40 người có cùng quá trình phạm pháp tương tự thì có đến 18 người bị kết án sau khi tái phạm.

Còn ai dám bảo văn chương là phù phiếm!

Bàn tay cụp bàn tay xòe và hai nỗi chung riêng

Trên Hợp Lưu số 9 tháng 2 & 3-1993, Vương Nhu có thực hiện một cuộc phỏng vấn Phạm Tiến Duật khi nhà thơ này sang Hoa Kỳ tham dự một cuộc hội thảo tại Đại học Salisbury, Maryland. Phạm Tiến Duật cho rằng thơ Việt Nam hiện nay rất khác trước. Được hỏi khác ở chỗ nào, Phạm Tiến Duật đáp: "Khác trước thế này: Nếu như trước kia thơ được sáng tác trong hoàn cảnh chiến tranh, giống hệt như bàn tay nắm lại để trở thành một nắm đấm, và như vậy yếu tố cá

nhân bị giảm thiểu đáng kể. Còn khi chiến tranh kết thúc, bàn tay ấy mềm mại xoè ra và mỗi ngón tay phải trở thành mình. Do vậy yếu tố cá nhân, yếu tố tâm sự riêng tư lại được trả về cho thơ".

Hồi ấy đọc Phạm Tiến Duật, cứ tưởng anh nói theo ngôn ngữ ngoại giao. Lời nói chẳng mất tiền mua. Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau. Mà Phạm Tiến Duật thì khéo ví von lắm. Chỉ cần một bàn tay, anh xoa được hết mọi người. Kẻ chuyên trợn mắt giơ nắm tay lên cao dọa thiên hạ nghe Phạm Tiến Duật nói, chắc hả hê. Mà kẻ thích xoè năm ngón ra bắt tay mọi người cũng hả hê. Không phải vô cớ mà các nước Mỹ châu La tinh thường cử các nhà thơ đi làm đại sứ!

Mới đây đọc bài "Những chuyển động trong văn học từ khởi điểm mới: 30-4-1975" của Giáo sư Phong Lê trên tuần báo "Người lao động" số 140, mới vỡ lẽ rằng ý kiến của Phạm Tiến Duật không phải là sáng kiến "đột xuất". Nói như đa số đồng bào Miền Bắc thường nói: Có chính sách cả đấy!

Hãy nghe Phong Lê nói về hai nỗi chung riêng:

"Chặng đường hơn nửa thế kỷ dân tộc đã đi qua dưới sự lãnh đạo của Đảng, tính từ trước 1975, đó là chặng đường hướng vào mục tiêu bao trùm: "Không có gì quí hơn Độc lập, Tự do". Phải có cái được chung đó cho tất cả mọi người rồi mới có thể nói đến cái được riêng cho mỗi người. Không có cái được chung đó, khoan nói đến cái riêng, thậm chí còn gì là cái riêng để nói.

Yêu cầu chống kẻ thù chung buộc có sức mạnh tập thể. Muốn có sức, tập thể phải chụm vào, phải tạo lực tổng hợp. Mọi xù xì, gai góc phải loại bỏ. Và ai cũng tự nguyện chấp nhận nguyên tắc đó. Ai cưỡng lại phải chịu sự lên án chung. Và sự lên án cũng dễ dàng, vì dư luận xã hội là nhất trí!

Một lúc nào đó ở thời điểm hôm nay nhìn lại, ta sẽ thấy hiện tượng đó quả là một vẻ đẹp thiêng liêng đáng cho ta chiêm ngưỡng, nhưng lại dần dần có mặt xa cách; và ở một lớp người mới lại có gì khó hiểu. Điều đó cũng là tự nhiên khi cuộc sống chuyển sang một chặng đường mới - chặng đường không đòi hỏi triệt để sự hy sinh cái riêng cho cái chung, mà là phấn đấu cho sự kết hợp, hòa hợp giữa cái riêng và cái chung. Nói cách khác, trên giai đoạn mới này của sự phát triển xã hội... thì sự bất hợp chung riêng, mối quan hệ chung riêng sẽ được nâng lên một tầm mới. Đó là khi sự phát triển của cái chung sẽ không bảo đảm, thậm chí không có ý nghĩa nếu cái riêng không tồn tại. Một cách nhìn, một thái độ biện chứng trên vấn đề này sẽ là cơ sở cho sự phát triển của văn học trong giai đoạn mới".

Có thể "cái nhìn biện chứng" này sẽ là cơ sở lý luận văn học tại quốc nội trong tương lai gần đây, nhằm dả phá những cách nhìn "xét lại" kiểu Hoàng Ngọc Hiến, Lê Ngọc Trà, Lại Nguyên Ân, và đưa ra một cách nhận định trung dung, vui vẻ cả làng, để hoá giải những xung khắc giữa các thế hệ, giữa cấp lãnh đạo và những người "được" lãnh đạo.

Nghe qua lời nhà thơ và nhà giáo, thấy có vẻ có lý. Nhưng suy nghĩ kỹ hơn, lại thấy có gì lợn cợn bất ổn. Vì trong nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa cộng sản về văn nghệ, thì lúc nào văn nghệ cũng là vũ khí của chính trị. Thơ thép. Văn lửa. Người làm thơ là chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng. Nghĩa là lúc nào cũng cần hy sinh cho cái chung, lúc nào nắm tay cũng phải nắm chặt thành cú đấm sắt. Sở dĩ bàn tay được xoè ra đôi chút không phải do có hòa bình mà do chủ nghĩa cộng sản đã hết thiêng, không cho xòe cũng không được. Hơn nữa, chính quyền nào cũng thích nhân danh cái chung để cụp tay lại nắm thật chặt quyền bính và đe dọa kẻ phản kháng. Văn nghệ ngược lại quan tâm tới cái riêng, cái yếu, cái nhỏ nhoi của đời thường để phản ảnh quyền sống của đám đông. Bàn tay người nghệ sĩ lúc nào cũng phải xoè ra, trân trọng những vui buồn vinh nhục riêng tư của người thường. Như một đối trọng của quyền bính. Như một cảnh giác cho những lạm dụng quyền lực. Hãy tưởng tượng một thế giới bị cấm buồn, cấm khóc, nhân danh một lý tưởng tích cực lạc quan. Địa ngục đấy!

Cái riêng của văn chương

Lập luận của Phạm Tiến Duật và Giáo sư Phong Lê, tuy vậy, không làm cho cả làng văn trong nước vui vẻ! Giới cầm bút trẻ vẫn dòi có một tiếng nói riêng. Trong bài "Hậu vận của văn đàn", Bảo Ninh tác giả "Nỗi buồn chiến tranh" viết: "Ngày nay, ngoài tiếng nói của chính trường, còn có tiếng nói của các nhà văn và tiếng nói của công luận. Những tiếng nói ấy cũng đã góp phần thúc dẩy sự phát triển của văn học. Nhờ vậy mà ngày nay người đời đã trở nên đúng đắn và công bằng hơn khi đánh giá một nhà văn, khi thẩm định một tác phẩm".

Sau đó, Bảo Ninh giải thích rõ hơn cái cõi riêng mà nhà văn đòi quyền làm chủ:

"Không ai bằng các nhà văn hiểu rõ rằng một nhà văn thực sự là nhà văn trong toàn bộ sự nghiệp văn chương của mình, không dời nào chịu hướng ngòi bút tới một cái gì đó ngoài văn chương. Trong tác phẩm có thể có tất cả: cuộc cọ xát luân hồi giữa thiện và ác, chính tà,

mới cũ, nhân và phi nhân, riêng và chung, hạnh phúc và bất hạnh, sự hòa đồng và nỗi cô đơn, chiến tranh và hòa bình, đạo và vô đạo, kể cả có những chi tiết thời sự, chi tiết lịch sử... song cả nhà văn lẫn người đọc đều hiểu tác phẩm văn học không hề là lý luận chính trị, không là lịch sử, không là xã hội học, đạo đức, luân lý, pháp lý, triết học v.v... Dẫu rằng quả vậy, văn học là nhân học và văn học đích thực bao giờ cũng rất đời. Và các nhà văn đều thầm hiểu rằng thực ra vị trí của văn học trong đời sống xã hội là rất vừa phải, rất dung dị. Văn học hoàn toàn xa lạ với sự nổi đình đám, trống thúc cờ dong, với sự đua tranh. Và vị trí của bản thân nhà văn trong xã hội lại càng chừng mực. Mỗi nhà văn có một đất nước, một bản ngữ và một thời của mình, một lực lượng rất ít đầu sách, một vài trăm độc giả. Nhà văn chỉ thế thôi!

Cũng không ai bằng các nhà văn hiểu rằng nhà văn chỉ là nhà văn khi anh ta là riêng biệt. Trong văn chương, điều tối kỵ là sự giống nhau, sự lặp lại".

Hãy chờ xem cái cõi riêng "vừa phải, dung dị, chừng mực" mà Bảo Ninh mơ ước cho hậu vận của văn chương có thể thành hình hay không. Mơ ước nhỏ nhoi, mà sao xa vời vợi!

Quyền người viết, quyền người đọc

Ở hải ngoại, người viết không bị hạn chế quyền tự do viết và quyền phổ biến lời viết của mình (dĩ nhiên đồng thời cũng phải chấp nhận trách nhiệm về những điều viết ra). Nhưng hình như vì quá tự do mà càng ngày người cầm bút càng mắc bệnh đãng trí, quên béng rằng trên đời còn có quyền của người đọc. Lại chuyện chung và riêng. Nhân danh cái chung, người viết lôi cái riêng của kẻ mình không ưa ra bêu riếu, mắng nhiếc không tiếc lời, và khi nạn nhân đòi được quyền cải chính thanh minh trên mặt báo, người khởi xướng vụ tranh biện thản nhiên vứt bài thanh minh vào sọt rác. Trong nước, người cầm bút là nạn nhân. Ngoài nước, người đọc là nạn nhân. Trong nước, khi cần trừng trị ai, nhà nước hô lên chiêu bài "quyền lợi chung của dân tộc". Ngoài nước, khi cần trừng trị ai, người cầm bút hô lên tập hồ sơ đời tư cá nhân.

Giống như Bảo Ninh trong nước đòi một cõi riêng cho người viết, ký giả Phan Thanh Tâm, dựa theo nguyên tắc căn bản của báo chí, đòi các đồng nghiệp của ông phải tôn trọng quyền trả lời của người đọc. Ông thảo một bản văn về vấn đề này, và gửi đi khắp nơi để xin chữ ký của giới cầm bút, nhắc nhở một điều hiển nhiên mà nhiều

người không chịu nhớ. Kết quả vận động của anh Phan Thanh Tâm là bản văn dưới đây:

THƯ NGỎ XIN GỬI QUÝ VỊ CHỦ NHIỆM BÁO VÀ GIÁM ĐỐC ĐÀI TRUYỀN TRANH, TRUYỀN HÌNH VN

Giới viết văn, viết báo người Việt hải ngoại vẫn thường nêu lên vấn đề tôn trọng quyền trả lời trên áo chí của những thành phần sinh hoạt trong cộng đồng Việt Nam mà không có cơ quan ngôn luận trong tay.

Trong trường hợp một cá nhân, đoàn thể hay tổ chức bị phê phán chỉ trích hay bị kết án, muốn cải chính hay muốn biện giải về hành động chủ trương đường lối của mình, nhưng khi các hệ thống truyền thanh, truyền hình và báo chí không chịu đăng tải bản minh xác, họ phải làm như thế nào?

Câu hỏi trên không phải mới được đặt ra. Người ta đã nói tới nhiều lần, dưới nhiều hình thức khác nhau. Nhưng hồi gần đây, nó trở thành một vấn đề thời sự sôi động. Người viết văn, viết báo thấy rằng đã đến lúc cần phải lên tiếng bày tỏ quan điểm của mình.

Trước hết, chúng tôi những người có tên dưới đây công nhận rằng trong vai trò thông tin nghị luận, các cơ quan truyền thông Việt Nam hải ngoại đã có những đóng góp cụ thể bằng các bài báo, tin tức, bình luận, điều tra, phóng sự về hoạt động của các cá nhân, đoàn thể và tổ chức trong cộng đồng. Sự đóng góp, giúp độc giả có những phản ứng thích nghi đối với các biến chuyển của thời cuộc.

Tuy nhiên, khi các bài đăng có tính cách phê phán, chỉ trích, chúng tôi nghĩ để rộng đường dư luận, độc giả cũng cần được nghe tiếng chuông thứ hai từ chính các đương sự bị nêu đích danh. Có so sánh, độc giả mới thấy rõ được sự việc, rút được kết luận riêng, vì một quan điểm được đưa ra không nhất thiết đã là chân lý.

Mặt khác, chính nhờ tiếng chuông thứ hai đó, độc giả mới có được một cái nhìn đầy đủ hơn, đánh giá được tính khách quan, trung thực và chính xác của tiếng chuông thứ nhất.

Vì thế, chúng tôi cho rằng nếu cá nhân hay đoàn thể tổ chức nào trong cộng đồng hải ngoại lên tiếng đính chính hoặc trả lời một bài báo liên quan đến họ và được đăng tải tại một vị trí tương xứng như bài báo đã đăng trong một thời hạn thích hợp thì đó là điều công bằng và hợp lý, giúp cho sinh hoạt cộng đồng tốt đẹp hơn. Đối thoại ngay thẳng sẽ làm bớt hiểu lầm, tranh chấp, giữa lúc, hơn bao giờ hết, cộng đồng người Việt hải ngoại cần có sự hợp tác và thông cảm.

Vả lại, việc tôn trọng quyền trả lời chỉ là tuân theo truyền thống sẵn có và luật lệ của ngành truyền thông thế giới, làm sáng tỏ đạo đức báo chí của người cầm bút, đồng thời phù hợp với tinh thần thượng võ: kẻ có báo không trăn áp kẻ không có báo. Quy luật đơn giản nhất của một xã hội tự do dân chủ là người bị chỉ trích, phê bình, kết án bao giờ cũng có quyền trả lời và có cơ hội đối chất công khai.

Trong lúc chờ đợi thấy thư này được đăng trên quý báo, chúng tôi xin gửi đến ông bà lời chào đoàn kết để cùng tiến đến việc thực hiện ước mơ tha thiết nhất của chúng ta: xây dựng một nền báo chí lành mạnh, tiến bộ về kỹ thuật và tư tưởng tại hải ngoại cũng như ở một nước Việt Nam thực sự tự do, dân chủ và giàu mạnh trong tương lai.

Làm tại Hoa Kỳ ngày 9 tháng 9, 1993

Bảo Hoàng
Bùi Bảo Trúc
Bùi Hồng Sĩ
Bùi Văn Phú
Bửu Sao
Cao Thế Dung
Cung Tiến
Đàm Trung Pháp
Đặng Tiến
Đặng Văn Âu
Đào Khanh
Đinh Thịnh
Đinh Viết Tứ
Đỗ Khiêm
Đông Duy
Dương Phục
Hà Vũ Trọng
Hoàng Khởi Phong
Huỳnh Hữu Ủy
Khánh Trường
Kinh Huy
Lê Bi
Lê Đình Điểu
Lê Hồng Long
Lê Thái Hưng
Lê Thọ Giáo
Lê Thứ
Lê Văn Khoa
Lê Vũ
Lôi Tam
Minh Hằng
Nghiêu Đề
Ngọc Lan
Nguyễn Đình Cường
Nguyễn Đình Hà
Nguyễn Đình Thắng
Nguyễn Đức Quang
Nguyễn Hữu Chung
Nguyễn Huỳnh Mai
Nguyễn Khắc Nhân
Nguyễn Mộng Giác
Nguyễn Ngọc Bích
Nguyễn Ngọc Linh
Nguyễn Nguyên Thanh
Nguyễn Ninh Quang Anh Tử
Nguyễn Phúc Khoát
Nguyễn Quang Định
Nguyễn Quang Dũng
Nguyễn Thi
Nguyễn Thị Hoàng Bắc
Nguyễn Thị Khoa Phương
Nguyễn Tiến
Nguyễn Trọng Cảnh
Nguyễn Văn Kim
Nguyễn Xuân Hoàng
Nguyễn Xuân Nghĩa
Nhã Ca Trần Thị Thu Vân
Nhật Tiến
Nhuệ Giang
Phạm Đình Tùng
Phạm Nhân Trí
Phạm Phú Minh
Phạm Quang Trình
Phạm Trần
Phạm Việt Cường
Phan Tấn Hải
Phan Thanh Tâm
Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh
Song Thi
Tạ Tỵ
Thân Trọng Mẫn
Thanh Hiệp
Thế Giang
Thế Uyên
Thụy Khuê
Tôn Thất Đào
Trần Dạ Từ
Trần Hồng Châu
Trần Quán Niệm
Trần Quảng Nam
Trần Sa
Trần Văn Lưu
Trần Văn Thịnh
Trần Vũ
Trọng Kim
Trùng Dương
Trương Anh Thụy
Trương Vũ
Tư Đồ Tuệ
Từ Nguyên Trần Văn Ngô
Tường Vy
Viên Linh
Vũ Ánh
Vũ Đình Kh
Vũ Hoàng Anh Bốn Phương
Vũ Thanh Thủy
Đỗ Thị Kênh G.
Nguyễn Đăng Thường
Võ Đông Pha
Lê Phục Thủy
Mai Lý Cang

(Danh sách cập nhật đến ngày 20-10-93. Còn tiếp tục nhận thêm chữ ký)

tòa soạn và bạn đọc

Thư từ nhận được liên quan tới việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ: Hạnh Nguyễn Faifax VA, Vũ Thị Thanh Hương Germany, Đỗ Đức Trọng Germany, Epsco Service Alabama, Nguyễn Quang Thanh Florida, Hoàng Mộng Trí MD, Vũ Thị Nghĩa Santa Ana CA, Lê Ngọc Thọ Canada, Lý Lê Trần New Jersey, Lâm Anh Tú OK, Lê Công Khanh CA, Phạm Bá Đức CA, Lê Trung Định CA, Hoàng Lệ Nga TX, Nguyễn Văn Vỹ Minesota, Tạ Thanh Minh France, Nguyễn Ngọc Chi Tustin CA.

Bài vở nhận được trong tháng 10-1993: Ẩn dòng, Khổn xích gửi từ Montréal Canada; Người thi sĩ già gửi từ Lawndale CA; Nhớ lại làm chi gửi từ Long Beach CA; Lập thu gửi từ Villa Park CA; Thơ xuân bến Bắc gửi từ Middleburg FL; Coup de Grace gửi từ San Jose CA; Ngày 25 tháng 8, gửi từ Houston TX; Bông hồng sa mạc gửi từ Villa Park CA; Núi gửi từ Westminster CA.

Xin cảm tạ sự cộng tác quí giá của các bạn. Ngoài thơ Văn Học sẽ lựa đăng dần, các bài khác nếu đăng được Tòa soạn sẽ liên lạc bằng thư hoặc điện thoại để quí bạn khỏi gửi đăng trùng ở các tạp chí khác. Mong nhận đều bài vở đóng góp của các bạn.

Sách mới nhận được trong tháng:

Tuyển tập ngôn ngữ văn tự Việt Nam, Dòng Việt Campbell CA xuất bản, tuyển tập những bài viết của Nguyễn Đình Hòa, Phạm Văn Hải, Nguyễn Khắc Hoạch, Lê Ngọc Trụ, Nguyễn Khắc Kham, J.L. Taberd, Trương Vĩnh Ký, Doãn Khoách, Nguyễn Ngọc Bích, Nguyễn Thị Mỹ Huyền, Nguyễn Thế Anh, Thái Văn Kiểm, Hà Mai Phương & Chu Thu Hằng, Trần Trung Lương chung quanh vấn đề ngôn ngữ và văn tự Việt Nam, nhằm tưởng niệm Linh mục Lê Văn Lý, một nhà ngữ học lỗi lạc qua đời năm 1992. Phần phụ lục có bản tiếng Anh dịch tác phẩm quan trọng của Linh mục Lý, cuốn Le Parler Vietnamien, người dịch là Nguyễn Đăng Liêm. Một tuyển tập nghiên cứu quan trọng cần có trong tủ sách gia đình. Giá mỗi tập 12 MK. Địa chỉ liên lạc: P.O. Box 1061 Campbell CA 95009-1061. Phone: (408) 244-3489.

Hai mươi năm thăng trầm, hồi ký của Đinh Văn Ngọc, ký giả thể thao hàng đầu của VNCH trước 1975. Ngoài những kỷ niệm về hoạt động thể thao miền Nam, Đinh Văn Ngọc còn ghi lại những cuộc đàm thoại tiếp xúc của mình với những nhân vật chính trị như cựu hoàng

Bảo Đại, BS Trần Văn Đỗ, GS Vũ Quốc Thúc, BS Nguyễn Duy Tài v.v... Sách dày 220 trang, không thấy in giá bán.

Nho y Nguyễn Đình Chiểu, biên khảo của Trần Văn Tích, An Tiêm Paris xuất bản. Bác sĩ Trần Văn Tích là một y sĩ mê nghiên cứu văn chương và đông y, trước 1975 vẫn thường viết cho tạp chí Bách Khoa, tác giả của những cuốn biên khảo quan trọng như Tư tưởng Lão Trang trong y thuật Đông phương (An Tiêm 1972), Đông y xybécnêtíc, Sự muôn năm cũ (Làng Văn). Trong lời giới thiệu cuốn biên khảo sâu sắc này, Võ Phiến viết: "Từ trước đến nay có được bao nhiêu người nói về 'ông lang' Nguyễn Đình Chiểu? Ngay ở trong nước cũng chưa từng có cuốn sách nào trình bày khía cạnh này của tác giả Lục Vân Tiên. Thế mà giữa cảnh sống lưu vong nơi một quốc gia Tây Âu xa lắc xa lơ, một vị bác sĩ Tây y ngày ngày bận rộn với những con bệnh dị chủng, lại miệt mài hoàn thành công trình nghiên cứu về một ông lang văn sĩ Việt Nam cách đây trăm rưỡi năm, tìm hiểu cặn kẽ từ cái vốn kiến thức, vốn kinh nghiệm, nghệ thuật trị liệu, cho đến khoản tiền thù lao ông ta nhận được từ mỗi bệnh nhân, tìm hiểu cách thức ông ta đào luyện môn sinh, những cuốn sách chuyên môn ông ta sử dụng trong khi hành nghề và khi giảng dạy". Sách dày 192 trang, giá 8 MK. Hiện có bán tại các hiệu sách.

Khung cửa hẹp, bản dịch cuốn La Porte Etroite của André Gide của Vân Mồng, một bút hiệu khác của Bùi Giáng. An Tiêm Paris tái bản lần thứ sáu. Lần tái bản này, nhà xuất bản An Tiêm in Khung Cửa Hẹp thật đẹp, chữ sắc sảo, giấy vàng nhạt, bìa cứng, jacket in tranh của Edward Munch đúng tiêu chuẩn sách đẹp quốc tế. Chưa có cuốn sách nào ở hải ngoại in đẹp như cuốn này. Tên tuổi của André Gide, giá trị của La Porte Etroite, uy tín của Bùi Giáng, cộng với công phu chăm sóc của nhà An Tiêm Paris thành một nghệ phẩm ấn loát xinh xắn, một quà tặng ý nghĩa. Sách dày 210 trang. Giá dề bán ở các hiệu sách 11 MK.

Đời nghệ sĩ của Nguyễn Hiến Lê, Văn Nghệ xuất bản. Nguyễn Hiến Lê viết về cuộc đời những nghệ sĩ nổi tiếng trên thế giới như Walt Disney, Somerset Maugham, Goethe, Chateaubriand, Honoré de Balzac, theo lối viết tiểu truyện các danh nhân, pha trộn khéo léo cuộc đời thực và cuộc đời sáng tạo của họ. Sách in theo bản thảo viết tay còn lại trong số di cảo của Nguyễn Hiến Lê do gia đình lưu giữ sau khi nhà văn quá cố. Giá bán 9 MK. Văn Nghệ tổng phát hành.

My Version Of Kieu, bản dịch thoát tác phẩm của Nguyễn Du ra Anh văn của Ngô Đình Chương, dịch giả tự xuất bản. Xưa nay đã có

nhiều dịch giả cố gắng dịch truyện Kiều ra tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Nga, riêng các bản dịch Anh ngữ đã có bản dịch của Huỳnh Sanh Thông do nhà xuất bản Đại học Yale ấn hành năm 1983 dưới nhan đề 'The Tale of Kiều' vẫn được xem là giá trị nhất. Ngô Đình Chương chọn một việc khó, nhưng như nhan sách, 'My Version of Kiều', dịch giả khiêm nhường xem đây chỉ là một cách hiểu Kiều dịch Kiều của mình, với tất cả cố gắng và thiện chí. Sách tặng không đề giá bán. Địa chỉ liên lạc: Ngô Đình Chương, 458 Archcove Ct, San Jose CA 95111.

Vẫn chờ xe thổ mộ, tuyển tập truyện ngắn của Vi Khuê, Sao xuất bản, gồm 17 truyện ngắn mới viết của nhà thơ nữ từng được bạn đọc yêu mến qua những tập thơ đã xuất bản như Giọt lệ (1971), Cát vàng (1985), Tặng phẩm tình yêu (1991), và những văn phẩm như Ngựa hồng trên dồi cỏ (1986), Những ngày ở Virginia (1991). Đề tài của hầu hết truyện ngắn trong tập là đời sống hiện tại của người Việt hải ngoại, nhiều truyện mang rõ tính cách thời sự hay những điều bạn đọc đang quan tâm. Sách in đẹp với bìa của Đinh Cường. Dày 284 trang, giá 14 MK.

Phương trời cao rộng, truyện dài của Vĩnh Hảo, nhà văn trẻ có sức viết dồi dào nhất hiện nay. Trong vòng có ba năm, Vĩnh Hảo đã xuất bản được 5 tác phẩm: Mẹ, Quê hương và Nước mắt (truyện ngắn), Núi xanh mây hồng (truyện dài), Biển dời muôn thuở (truyện ngắn), Thiên thần quét lá (truyện ngắn), và Phương trời cao rộng (truyện dài). Có lẽ trong những tác phẩm đã xuất bản của Vĩnh Hảo, Phương trời cao rộng là tác phẩm thành công nhất. Cuốn tiểu thuyết mang nhiều chất tự truyện kể kinh nghiệm, kỷ niệm êm đềm của tác giả trong đời sống tu hành với một lối hành văn đơn giản, chân thành, nên trên mỗi trang giấy dều như có phảng phất mùi thơm nhẹ nhàng thanh khiết của hoa sen. Từ thời có Ánh đạo vàng của Võ Đình Cường, Tình người của Tâm Quán (một bút hiệu của thầy Nhất Hạnh), tới nay mới có một cuốn truyện kể về đời sống tu hành Phật giáo nhiều thi vị và xúc động như vậy. Sách dày 356 trang, giá 15 MK, hiện có bán tại các hiệu sách. Địa chỉ liên lạc: Vĩnh Hảo, P.O. Box 811, N. Hollywood, CA 91603 USA.

CÁO LỖI

Vì bài vở về giải Nobel 1993 nhiều, Văn Học xin gác lại một kỳ truyện dài Chị Em của Mai Kim Ngọc.

Xin cáo lỗi cùng quý độc giả và tác giả.

MUỐN BIẾT NGUỒN GỐC SÂU XA CỦA HAI CUỘC CHIẾN 30 NĂM TRÊN QUÊ HƯƠNG, MUỐN BIẾT BẢN CHẤT VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC LỰC LƯỢNG THAM CHIẾN, MUỐN TÌM MỘT SỬ LUẬN LƯƠNG THIỆN CHO LỊCH SỬ CẬN ĐẠI CỦA NƯỚC TA, MUỐN TRA CỨU NHỮNG TÀI LIỆU CHƯA TỪNG ĐƯỢC PHỔ BIẾN ĐẠI CHÚNG... HÃY TÌM ĐỌC NGAY

VIỆT NAM MÁU LỬA QUÊ HƯƠNG TÔI

Hồi Ký Chính Trị

HOÀNH LINH ĐỖ MẬU

■ Cuốn sách đã từng làm chấn động dư luận trong và ngoài nước, tạo ra những **tranh luận sôi nổi** trong giới Sử học và Chính trị gia.

■ Cuốn sách khởi dẫn cho **13 tác phẩm khác** lý giải về chế độ Ngô Đình Diệm và sự sụp đổ của Việt Nam Cộng Hòa vào năm 1975 mà chính Hà Nội cũng phải in lại cho cán bộ nghiên cứu.

■ Cuốn sách mà **dù ủng hộ hay chống đối** ông Ngô Đình Diệm và chín năm cai trị của ông, cũng đều phải đọc để biết tường tận hơn.

Trong lần Tái bản thứ Ba, Ấn bản thứ Chín này, tác giả cập nhật và bổ túc thêm nhiều bí ẩn lịch sử mới:

• Âm mưu xâm lăng Việt Nam thực sự có từ thời Giáo sĩ Pháp nào? • Vì sao Giáo Hoàng Pius XII và Hồng Y Spellman đã chọn ông Ngô Đình Diệm cho nước Việt Nam? • Hiến Pháp Đệ Nhất Cộng Hòa đã bị một số Luật gia tên tuổi phê phán như thế nào? • Bảo Đại có phải là vị Vua Thiên Chúa giáo đầu tiên của Việt Nam không, và vì sao ông không có cảm tình với cuộc đấu tranh của Phật giáo? • Thượng Tọa Trí Quang và cuộc đấu tranh 1966 của Phật giáo tại miền Trung dưới mắt một Luật sư tên tuổi. • Ông Nixon đã không lương thiện với Lịch sử Việt Nam ở điểm nào? • Giáo Hoàng Paul VI đã tiếp tay Cộng sản tiến chiếm miền Nam như thế nào? • Và nhiều tiết lộ lịch sử mới...

Nội dung tăng thêm 15% so với ấn bản cũ.
Sách dày 1100 trang khổ lớn, đóng bằng chỉ.
Bìa cứng có jacket và bọc plastic.

Giá bán kể cả cước phí: 32 Mỹ kim
Ngoài Hoa Kỳ, thêm 5 Mỹ kim
Có bán ở các hiệu sách hoặc đặt mua tại:

VĂN NGHỆ

P.O. BOX 2301, Westminster, CA 92683 USA
Phone: (714) 527-5761
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

TÌM ĐỌC:

Tập truyện

đôi bờ

Lê Thị Thấm Vân

... M. có hai điều kiện cốt yếu: thành thật và tâm hồn. (Khi mình thành thật, mình có lập dị nó vẫn duyên dáng. Khi mình có tâm hồn, mình có vụng về nó vẫn xúc động người khác). Ngoài ra M. có khả năng, cứ thế mà tiến...

Như Hạnh. Virginia, HoaKỳ.

... Lê Thị Thấm Vân là nhà văn mới và trẻ. Tập truyện phản ảnh đời sống người Việt trẻ tuổi tại Hoa Kỳ. Lời văn trong sáng, giản dị, giàu cảm xúc. Tác giả viết tự nhiên và chân thành, không theo thời thượng, nhưng có phong cách và nghệ thuật.

Cần đọc để tiếp cận với nghệ thuật và ngôn ngữ trẻ ở hải ngoại ...

Đặng Tiến. Báo Diễn Đàn, Pháp.

Sách có bày bán tại các nhà sách. Hoặc liên lạc:

Trần Mạnh
P. O. Box 360923
Milpitas, CA 95035

Giá 8 Mỹ kim, tính luôn cước phí.

BÁC SĨ

TRẦN TRÚC QUANG

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG
7309 Arlington Blvd, Suite 314
Falls Church, Va 22042
(703) 560-0388 / 560-0389

CHUYÊN TRỊ CÁC BỆNH NỘI THƯƠNG
TAI NẠN XE CỘ

NHẬN MEDICAID, MEDICARE, VÀ BẢO HIỂM
LÀM VIỆC THEO HẸN:
Thứ 2-6: 9 giờ sáng đến 7 giờ tối
Thứ 7: 9 giờ sáng đến 2 giờ chiều

MINH VĂN
P.O. BOX 647, Oakton, VA 99214 - USA
Điện thoại: (703) 204- 9239
Chi phiếu, thư từ xin đề Minh Văn

Nhà Xuất Bản Minh Văn trân trọng giới thiệu những tác phẩm đã ấn hành của **Trần Long Hồ**:

Tập truyện ngắn	**NGÀY QUANH QUẨN**	$10.00
Truyện dài	**CÕI SA MÙ**	$18.00
(Quyển một trong bộ trường thiên **Dung Thân**)		
Tập truyện ngắn	**NIỀM VUI UNG THƯ**	$10.00

Và các tác phẩm sẽ xuất bản:
CHÂN TRỜI LAM NGỌC ký sự của **Hồ Trường An**
KẺ ĐÀO MỒ tập truyện ngắn của **Trần Long Hồ**
CỬA ĐỊA NGỤC truyện dài, quyển thứ hai trong bộ trường thiên **Dung Thân** của **Trần Long Hồ**

Nhà xuất bản SAO * Hoa Thịnh Đốn
hân hạnh giới thiệu ấn phẩm đầu tiên:

VẪN CHỜ XE THỔ MỘ

tác phẩm mới năm 1993 của nhà thơ Vi Khuê
đã phát hành khắp nơi trên thế giới.

HỎI MUA TẠI CÁC HIỆU SÁCH
Giá 14 MK.

VẪN CHỜ XE THỔ MỘ

Tuyển tập 17 truyện ngắn đặc sắc năm 1993
của nhà thơ nữ Vi Khuê

SÁCH CÓ CHỮ KÝ VÀ LỜI ĐỀ TẶNG CỦA TÁC GIẢ XIN HỎI TẠI:
VI KHUÊ
5649 Mt Burnside Way
Burke, Va 22015 — Tel (703) 425-1751

Tác phẩm đã xuất bản
Thơ : Giọt Lệ 1971— Cát Vàng 1985 — Tặng Phẩm Tình Yêu 1991
Văn: Ngựa Hồng Trên Đồi Cỏ 1986 — Những Ngày Ở Virginia 1991 —
Vẫn Chờ Xe Thổ Mộ 1993

Tác Phẩm Sẽ Xuất Bản
Thơ : Hoa Bướm Vườn Thơ Tôi — Văn : Nghĩ Về Thơ (Khảo Luận), Tuyển Tập Thoại Kịch

VI KHUÊ hiện là một cây bút chủ lực của Phụ Nữ Diễn Đàn. Đã cộng tác với: Văn, Làng Văn, Văn Học, Đất Mới, Nhân Văn, Thế Kỷ 21, Thời Luận, Người Việt, Saigon Times, Chiều Dương, Tin Điện...

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

Đặt mua dài hạn Văn Học từ số . . . . . đến số . . . . . .

Mua một năm báo tại Hoa kỳ

Gửi hạng tư $36.00

Gửi hạng nhất $42.00

Mua một năm báo tại Canada

Gửi hạng tư $40.00

Gửi hạng nhất $46.00

Mua một năm báo tại Âu, Á và Úc châu

Gửi hạng tư $48.00

Gửi hạng nhất $84.00

Trả bằng Mỹ kim. Ngoài Hoa kỳ xin trả bằng International Money Order. Ngân chi phiếu đề Văn Học

PHIẾU TẶNG BÁO

Muốn mua một năm báo để tặng cho:

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

NHÀ XUẤT BẢN THANH VĂN

MỘT KHOẢNH VIỆT NAM CỘNG HOÀ NỐI DÀI

Hồi ký cải tạo của

TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG

Ngành xuất bản ở hải ngoại đã từng xuất bản nhiều tập hồi ký cải tạo của Trần Huỳnh Châu, Hà Thúc Sinh, Phạm Quốc Bảo, Tạ Tỵ, Duyên Anh, Hoàng Liên, Đào văn Bình, Nguyễn Chí Thiệp... Mỗi cuốn hồi ký mỗi vẻ, vì từng tác giả cố gắng ghi nhận kinh nghiệm lao tù của mình, và hình như ở mỗi trại cải tạo, mỗi lao tù có những hình thái sinh hoạt riêng nên có thể nói không có kinh nghiệm nào giống kinh nghiệm nào.

"Một khoảnh Việt nam Cộng hoà nối dài" của Tạ Chí Đại Trường cũng là một tập hồi ký cải tạo. Tuy nhiên, bạn đọc sẽ tìm thấy trong tác phẩm này nhiều đặc điểm không có ở các tập khác.

Tạ Chí Đại Trường viết hồi ký theo cung cách một người chép sử. Ông không xem kinh nghiệm lao tù của mình là một bất hạnh phải kêu than, hay một vinh dự phải cao rao. Ông xem kinh nghiệm cá nhân như một tài liệu sử. Cho nên đọc hồi ký cải tạo của Tạ Chí Đại Trường có cái thú là được nghe kể tỉ mỉ những chuyện đời chuyện người bình thường, sau đó được nghe tác giả phân tích dẫn giải vì sao những chuyện như vậy lại xảy ra. Tạ Chí Đại Trường khách quan tối đa khi ghi nhận về thân phận người tù cải tạo lẫn các trái chứng bất trắc của người canh tù. Nhiều đoạn tập hồi ký có những phân tích tâm lý sâu sắc về phản ứng và thái độ của người tù cải tạo, giống như tác phẩm của Arthur Koestler hay Alexander Solzhenitsyn.

Tác giả tập hồi ký này hiện ở Việt nam, và vì là một sử gia, Tạ Chí Đại Trường không muốn ẩn danh để phòng ngừa những tai họa có thể đến. Ông muốn minh danh chịu trách nhiệm những lời mình viết ra trong tập hồi ký này, như một cách biểu lộ tư cách tối thiểu cần có của một người chép sử.

Sách có bày bán tại các nhà sách hoặc liên lạc về:

VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 527-5761

SÁCH MỚI TÁI BẢN

• HỒ CHÍ MINH, NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ MẶT TRẬN GIẢI PHÓNG

Hồ Sĩ Khuê

Một tác phẩm đặc biệt về một hiện tượng chính trị lạ lùng: **Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam** (còn được gọi tắt là Mặt Trận hay Việt Cộng).

Ông Hồ đã khai sinh và dọn đường cho Mặt Trận như thế nào? **Ông Diệm** đã nuôi dưỡng và mở đường cho Mặt Trận như thế nào? Mặt Trận này có thật không? Bản chất và nhiệm vụ của nó là gì? Mặt Trận đã chết chưa? Di sản và tương lai của nó ra sao?

Tác phẩm là một công trình nghiên cứu và lý luận nghiêm chỉnh về Mặt Trận thông qua hai nhân vật lãnh đạo và hai chế độ của hai miền Bắc Nam. Đồng thời cũng là một phân tích lịch sử và nhân văn táo bạo về **Người Nam Kỳ và Đất Nam Kỳ** trong cơn lốc chính trị Quốc Cộng kéo dài suốt 16 năm hiện hữu của Mặt Trận.

Tác giả là người lúc thì tham dự, lúc thì theo dõi chính tình Việt nam trong 60 năm trời. Ông cũng là "người quen" từ Tướng **Dương văn Minh** đến ông **Tạ Bá Tòng**, từ Tổng Thống **Ngô Đình Diệm** đến Thượng Tọa **Thích Trí Quang**, từ Tướng **Đỗ Mậu** đến nhà thơ **Tố Hữu**...

Khởi viết từ năm 1987, một năm sau Đại Hội VI "đổi mới" của Đảng Cộng sản Việt nam. Sách dày 450 trang, khổ lớn 6x9, đóng bìa cứng. Giá 22MK, ngoài Mỹ 25MK.

HÃY TÌM MUA NGAY TẠI CÁC NHÀ SÁCH
HAY ĐẶT MUA TRỰC TIẾP TẠI:

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 527-5761

Giá $3.50